

CHƯƠNG TRÌNH

Hội nghị quán triệt, triển khai thi hành một số luật, nghị quyết của Quốc hội khóa XV

Thời gian: 08h00, ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Hình thức: Trực tiếp kết hợp trực tuyến tại 63 điểm cầu.

Địa điểm: Điểm cầu Trung ương - Hội trường lớn tầng 2, Trụ sở Chính phủ.

63 điểm cầu địa phương - Trụ sở UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
7h30 - 8h00	Đón tiếp đại biểu	Ban Tổ chức
8h00 - 8h05	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Đồng chí Cao Huy Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ
8h05 - 8h15	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Đồng chí Phạm Minh Chính Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ
8h15 - 8h30	Báo cáo về tình hình tổ chức triển khai thi hành một số luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua	Đồng chí Lê Thành Long Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ
8h30 - 8h45	Báo cáo về triển khai thi hành Nghị quyết số 129/2024/QH15 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024	Đồng chí Hoàng Thanh Tùng Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật của Quốc hội
8h45 - 9h00	Báo cáo về những nội dung cơ bản và yêu cầu tổ chức triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban chấp hành trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật	Đồng chí Lê Thị Nga Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội
9h00 - 9h10	Báo cáo về công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Đất đai	Đồng chí Đặng Quốc Khánh Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường
9h10 - 9h20	Báo cáo về công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản	Đồng chí Nguyễn Thanh Nghị Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng

Thời gian	Nội dung	Người thực hiện
9h20 - 9h30	Báo cáo về một số nội dung trọng tâm của Luật Đường bộ và chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành	Đồng chí Nguyễn Văn Thắng Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải
9h30 - 9h40	Báo cáo về công tác triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng	Đồng chí Nguyễn Thị Hồng Ủy viên Trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
9h40 - 9h50	Báo cáo về một số nội dung mới trọng tâm của Luật Bảo hiểm xã hội	Đồng chí Đào Ngọc Dung Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
9h50 - 10h00	Báo cáo về một số nội dung trọng tâm của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành - Đề xuất, kiến nghị	Trung Tướng Trần Quốc Hùng Ủy viên Trung ương Đảng, Thư trưởng Bộ Công an
10h00 - 10h10	Báo cáo về một số nội dung trọng tâm của Luật Thủ đô đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” và công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Thủ đô	Đồng chí Lê Hồng Sơn Phó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội
10h10 - 10h20	Nghỉ giải lao	
10h20 - 11h15	Trao đổi, thảo luận	
11h15 - 11h30	Phát biểu của Lãnh đạo Quốc hội	Đồng chí Nguyễn Khắc Định Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Quốc hội
11h30	Phát biểu bế mạc Hội nghị	Đồng chí Phạm Minh Chính Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ
7h30 - 8h00	Đón tiếp đại biểu	Ban Tổ chức

BAN TỔ CHỨC

DANH MỤC TÀI LIỆU

STT	Nội dung	Trang
1.	Báo cáo tham luận: “Tình hình tổ chức triển khai thi hành một số luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua” (Chính phủ)	1
2.	Báo cáo tham luận: “Báo cáo về triển khai thi hành Nghị quyết số 129/2024/QH15 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024” (Ủy ban Pháp luật của Quốc hội)	21
3.	Báo cáo tham luận: “Những nội dung cơ bản và yêu cầu tổ chức triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban chấp hành trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật (Ủy ban Tư pháp của Quốc hội)	29
4.	Báo cáo tham luận: “Công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Đất đai” (Bộ Tài nguyên và Môi trường)	39
5.	Báo cáo tham luận: “Công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản” (Bộ Xây dựng)	40
6.	Báo cáo tham luận: “Một số nội dung trọng tâm của Luật Đường bộ và chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành” (Bộ Giao thông vận tải)	44
7.	Báo cáo tham luận: “Báo cáo về công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng” (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)	49
8.	Báo cáo tham luận: “Một số nội dung mới trọng tâm của Luật Bảo hiểm xã hội” (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)	50
9.	Báo cáo tham luận: “Một số nội dung trọng tâm của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành - Đề xuất, kiến nghị” (Bộ Công an)	56
10.	Báo cáo tham luận: “Một số nội dung trọng tâm của Luật Thủ đô đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” và công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Thủ đô” (Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)	64

11.	Báo cáo tham luận: “Một số nội dung trọng tâm của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp và nội dung chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành” (Bộ Quốc phòng)	73
12.	Báo cáo tham luận: “Một số nội dung trọng tâm của Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành” (Bộ Nội vụ)	85
13.	Báo cáo tham luận: “Một số nội dung trọng tâm của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành” (Bộ Công an)	95
14.	Báo cáo tham luận: “Một số nội dung trọng tâm của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đấu giá tài sản và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành” (Bộ Tư pháp)	102
15.	Báo cáo tham luận: “Tác động của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội Thành phố và công tác chuẩn bị triển khai thi hành có hiệu quả các Luật này từ ngày 01/8/2024 của Thành phố” (Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)	111
16.	Báo cáo tham luận: “Công tác chuẩn bị của thành phố đà nẵng để triển khai thi hành Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Đà Nẵng” (Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng)	122
17.	Báo cáo tham luận: “Công tác chuẩn bị của tỉnh nghệ an để triển khai thi hành Nghị quyết của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An” (Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An)	127
18.	Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7	131
19.	Danh mục các nội dung giao chính quyền địa phương quy định chi tiết luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7	153

BÁO CÁO THAM LUẬN

Tình hình tổ chức triển khai thi hành một số luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua

- Chính phủ -

Năm 2024 là năm bứt phá, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện thắng lợi các Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và nhiệm vụ của cả nhiệm kỳ 2021-2026. Cả nước thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh thế giới, khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, chưa từng có tiền lệ, đặt ra nhiều thách thức cho các quốc gia. Trong bối cảnh đó, Việt Nam vẫn là nước đang phát triển, nền kinh tế tiếp tục quá trình chuyển đổi với độ mở cao, khả năng cạnh tranh và sức chống chịu còn hạn chế; tiếp tục chịu “tác động kép” của nhiều yếu tố bất lợi bên ngoài và những hạn chế nội tại kéo dài nhiều năm đã tác động, ảnh hưởng nặng nề đến phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Đảng; sự chủ động, đồng hành, giám sát linh hoạt, chặt chẽ, hiệu quả của Quốc hội; sự quản lý, chỉ đạo, điều hành quyết liệt, hiệu lực, hiệu quả của Chính phủ; sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp, các địa phương; sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực, phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và cộng đồng doanh nghiệp, đất nước ta dần vượt qua khó khăn, thách thức, tiến tới hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội năm 2024.

Trong 6 tháng đầu năm 2024, cùng với việc triển khai thực hiện nhiều chủ trương, đường lối của Đảng⁽¹⁾, Quốc hội, Chính phủ, Toà án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan liên quan đã hoàn thành khối lượng công việc không lồ liên quan đến công tác lập pháp, xây dựng pháp luật; trong đó, nhiều dự án luật, nghị quyết với chính sách lớn, phức tạp, quan trọng được thông qua. Song song với công tác lập pháp, đòi hỏi công tác triển khai thi hành luật, nghị quyết cũng phải khẩn trương để sớm đưa các luật, nghị quyết đi vào cuộc sống, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo hành lang pháp lý thúc đẩy các hoạt động kinh tế - xã hội phát triển, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

⁽¹⁾ Nghị quyết, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Chương trình hành động của Đảng đoàn Quốc hội; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

Về phía Chính phủ, năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã nêu cao trách nhiệm, chủ động và quyết tâm thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp với những cải tiến, đổi mới thiết thực trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, góp phần hoàn thành các mục tiêu đề ra, nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng với tổ chức thi hành pháp luật.

Trong công tác hoàn thiện thể chế, xây dựng pháp luật, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật. Đồng thời, chỉ đạo sát sao thực hiện các nhiệm vụ lập pháp theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, đẩy mạnh công tác rà soát hệ thống pháp luật⁽²⁾, chú trọng vào lĩnh vực có nhiều vướng mắc, bất cập, kịp thời đề xuất các dự án luật mới, sửa đổi, bổ sung⁽³⁾ nhằm tháo gỡ khó khăn, đáp ứng yêu cầu chủ động trong phản ứng chính sách. Thường trực Chính phủ, Chính phủ tổ chức nhiều cuộc họp, phiên họp (thường kỳ và chuyên đề) để xem xét chặt chẽ, thảo luận kỹ lưỡng về các đề nghị xây dựng, hồ sơ dự án luật, nghị quyết và có kết luận cụ thể bằng văn bản với tinh thần trách nhiệm cao (từ năm 2021 đến nay, Chính phủ đã tổ chức 28 phiên họp chuyên đề pháp luật). Lãnh đạo Chính phủ tăng cường làm việc trực tiếp với các bộ, ngành, địa phương để cho ý kiến, chỉ đạo về những vấn đề lớn, phức tạp, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong từng dự án luật, dự thảo nghị quyết. Trong quá trình chỉ đạo, điều hành, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền các vấn đề phát sinh, cấp bách từ thực tiễn cần có phản ứng chính sách phù hợp⁽⁴⁾. Kết quả, từ

⁽²⁾ Ví dụ: Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 101/2023/QH15 và Nghị quyết số 110/2023/QH15 của Quốc hội khóa XV, đồng thời tiếp tục tổng hợp, rà soát các vướng mắc, bất cập phát sinh (nếu có); Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 05/6/2024 của Chính phủ phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2024 và điểm b mục 1 phần III Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để thúc đẩy tăng trưởng, kiểm soát lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô; Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành.

⁽³⁾ Như: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam; Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt; Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15;...

⁽⁴⁾ Báo cáo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển KTXH (Báo cáo số 186/BC-CP ngày 26/4/2024, số 295/BC-CP ngày 04/6/2024, Nghị quyết số 56/NQ-CP ngày 26/4/2024); Đề xuất nhiệm vụ được giao của Ban cán sự đảng Chính phủ tại Kế hoạch số 13-KH/TW ngày 28/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (Tờ trình số 2822/TTr-BCSDCP ngày 03/5/2024); Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa giai đoạn 2025 - 2035 (Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2024); Đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 (Nghị quyết số 31/NQ-CP ngày 14/3/2024); các nội dung cải cách tiền lương, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp ưu đãi người có công, trợ cấp xã hội từ ngày 01/7/2024 (Nghị quyết số 95/NQ-CP ngày 21/6/2024)...

đầu nhiệm kỳ đến nay, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua 60 luật, nghị quyết quy phạm; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành khoảng 470 nghị định, quyết định quy phạm. Riêng trong 6 tháng đầu năm 2024, các bộ đã trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến 35 dự án luật, dự thảo, đề nghị xây dựng luật, nghị quyết; Chính phủ ban hành 75 nghị định; Thủ tướng Chính phủ ban hành 08 quyết định quy phạm pháp luật; đồng thời, Chính phủ đã ban hành 131 Nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ ban hành 645 quyết định cá biệt, 19 chỉ thị, 64 công điện và 8.398 văn bản chỉ đạo, điều hành liên quan⁽⁵⁾.

Song song với công tác xây dựng pháp luật, nhằm nâng cao kết quả thi hành pháp luật, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo, tăng cường công tác tổ chức thi hành pháp luật với nhiều giải pháp đồng bộ như: (i) tại các phiên họp chuyên đề, bên cạnh công tác xây dựng thể chế, Chính phủ đề ra nhiều giải pháp để đổi mới, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, xác định rõ trách nhiệm, cơ chế phối hợp và nâng cao năng lực tổ chức thi hành pháp luật; (ii) sau mỗi kỳ họp Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo và khấn trương ban hành kế hoạch triển khai thi hành luật, nghị quyết⁽⁶⁾; ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết⁽⁷⁾. Trên cơ sở đó, nhiều bộ, ngành, địa phương⁽⁸⁾ đã ban hành kế hoạch, danh mục văn bản và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết để triển khai thực hiện; (iii) tăng cường chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tập trung nguồn lực đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, ban hành văn bản quy định chi tiết để sớm đưa các quy định của luật, nghị quyết đi vào cuộc sống (tính đến ngày 25/7/2024, đối với 36 luật, nghị quyết đã có hiệu lực từ đầu nhiệm kỳ đến nay, đã có 125 văn bản quy định chi tiết được ban hành); (iv) đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách, giúp người dân, doanh nghiệp kịp thời nắm bắt nội dung các chính sách lớn, quan trọng ngay từ khâu

⁽⁵⁾ Theo báo cáo của Văn phòng Chính phủ tại Hội nghị trực tuyến 6 tháng đầu năm 2024 Chính phủ với địa phương.

⁽⁶⁾ Ví dụ: Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Căn cước (Quyết định số 175/QĐ-TTg ngày 14/02/2024); Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở (Quyết định số 176/QĐ-TTg ngày 14/02/2024); Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai (Quyết định 222/QĐ-TTg)...

⁽⁷⁾ Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08/01/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6; Quyết định số 299/QĐ-TTg ngày 10/4/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản hướng dẫn Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Đất đai được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm.

⁽⁸⁾ Bộ trưởng Bộ Công an ban hành kế hoạch thực hiện Luật Căn cước; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Đà Nẵng, Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Bình Thuận, Sóc Trăng, Tuyên Quang, Hà Nam, Bình Phước, Gia Lai....

soạn thảo, tạo thuận lợi cho việc đóng góp ý kiến, tăng cường đồng thuận xã hội⁽⁹⁾; chú trọng đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Chính phủ quan tâm bảo đảm nguồn lực cho công tác triển khai, thi hành luật, nghị quyết; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương quan tâm bồi dưỡng, nâng cao năng lực, chất lượng nguồn nhân lực làm công tác pháp chế; Bộ Tư pháp đã phối hợp các bộ, ngành, địa phương tham mưu Chính phủ hoàn thiện thể chế về công tác pháp chế⁽¹⁰⁾, góp phần nâng cao vai trò, vị thế của tổ chức pháp chế.

Tiếp nối những kết quả đã đạt được, Chính phủ xin báo cáo về việc triển khai thi hành một số luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua, trong đó tập trung vào các luật, nghị quyết vừa được thông qua tại Kỳ họp thứ 7, cụ thể như sau:

I. KHÁI QUÁT KẾT QUẢ TRÌNH VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 7

Tại kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024), Quốc hội đã thông qua 11 luật, 21 nghị quyết; cho ý kiến lần đầu về 11 dự án luật, xem xét nhiều báo cáo quan trọng khác và đa số là do Chính phủ trình. Các nội dung được xem xét, quyết định thuộc nhiều lĩnh vực với nhiều vấn đề quan trọng, góp phần xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, toàn diện, giải quyết căn cơ những điểm nghẽn, bất cập, vướng mắc trong thực tiễn; tạo động lực thúc đẩy sự phục hồi và phát triển kinh tế, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của đất nước trong thời kỳ phát triển mới. Trong số các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua, có 11 luật⁽¹¹⁾ và 12 nghị quyết⁽¹²⁾ là các văn bản có ý nghĩa hết sức quan trọng, cấp thiết nhằm tiếp

⁽⁹⁾ Bộ Công an đã ban hành Kế hoạch số 57/KH-BCA-V03 ngày 02/02/2024 về tuyên truyền các luật do Bộ Công an chủ trì soạn thảo trình Quốc hội khóa XV năm 2024 và được tổ chức triển khai rộng khắp trên 63 tỉnh, thành phố, thường xuyên đăng tải, xây dựng các chương trình, bài viết trên các phương tiện thông tin đại chúng để nắm bắt ý kiến, truyền thông sự cần thiết ban hành, nội dung các chính sách của các dự án luật đến cơ quan, tổ chức, người dân để hoàn thiện các dự án luật trước khi trình Quốc hội khóa XV tại Kỳ họp thứ 7.

⁽¹⁰⁾ Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế.

⁽¹¹⁾ (1) Luật Lưu trữ (sửa đổi); (2) Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi); (3) Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); (4) Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp; (5) Luật Đường bộ; (6) Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; (7) Luật Thủ đô (sửa đổi); (8) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; (9) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ; (10) Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi); (11) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH152.

⁽¹²⁾ (1) Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Đà Nẵng; (2) Nghị quyết về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An; (3) Nghị quyết về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024; (4) Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022; (5) Nghị quyết phê chuẩn Văn kiện gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương của Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len; (6) Nghị quyết về Quy hoạch

tục hoàn thiện thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phúc đáp yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trong số 11 luật và 12 nghị quyết nêu trên, có 01 luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024; 07 luật, 02 nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025; 03 luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; các nghị quyết còn lại có hiệu lực thi hành kể từ ngày Quốc hội thông qua.

1. Mặc dù số lượng các dự án luật, dự thảo nghị quyết trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 là rất lớn (lớn nhất từ đầu nhiệm kỳ đến nay) với nhiều dự án, dự thảo có nội dung phức tạp, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của đại đa số người dân và doanh nghiệp, nhưng hầu hết hồ sơ đã được chuẩn bị kỹ lưỡng, công phu, đúng quy trình, thủ tục theo quy định, bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, sự lãnh đạo sát sao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư để thể chế hoá đầy đủ và kịp thời. Trong quá trình soạn thảo, trình các dự án luật, dự thảo nghị quyết, Chính phủ đã phối hợp với các cơ quan liên quan kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề đột xuất, phát sinh, vượt thẩm quyền, qua đó đảm bảo tiến độ, chất lượng trình như: việc xây dựng, trình dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; các dự thảo Nghị quyết thí điểm cơ chế chính sách đặc thù cho các địa phương đều được trung ương cho chủ trương; Nghị quyết về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025 đều được xin ý kiến các cấp có thẩm quyền trước khi trình Quốc hội;...

Có dự án luật (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng) được Chính phủ đề xuất soạn thảo, trình theo trình tự thủ tục rút gọn với tinh thần chuẩn bị khẩn trương, quyết tâm cao độ nhằm đẩy nhanh thời điểm có hiệu lực, sớm đưa quy định của các Luật này vào cuộc sống, khắc phục những tồn tại, hạn chế, nhất là trong công tác định giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư, đồng thời, tạo hành lang pháp lý đồng bộ, giải phóng nguồn lực đất đai, thúc đẩy phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, đẩy nhanh việc thực hiện các dự án đầu tư nhất là các dự án đầu tư công, các dự án bất động sản, dự án nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp và người dân

không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; (7) Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); (8) Nghị quyết về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2025; (9) Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành”; (10) Nghị quyết về việc thực hiện Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia; (11) Nghị quyết về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV; (12) Nghị quyết Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV;

trong việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, bảo vệ quyền lợi cho người có đất bị thu hồi.

Công tác phối hợp giữa các bộ, ngành, các cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội được thực hiện linh hoạt, kịp thời, sáng tạo. Các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan của Chính phủ, Văn phòng Trung ương Đảng, các Ban Đảng ở Trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực, chủ động, phối hợp chặt chẽ với tinh thần chuẩn bị từ sớm, từ xa, phối hợp ngay từ đầu, cho nên, mặc dù có những điều chỉnh về chương trình, nội dung Kỳ họp, trong đó có những vấn đề gấp, khó, phức tạp liên quan đến lập pháp, nhưng vẫn bảo đảm thông suốt và tạo sự đồng thuận, thống nhất cao của các vị đại biểu Quốc hội. Các dự án được trình theo quy trình 01 kỳ họp, soạn thảo theo trình tự thủ tục rút gọn nhưng vẫn đảm bảo chất lượng trình Quốc hội thông qua đúng tiến độ; có dự án theo Chương trình trình Quốc hội xem xét, thông qua theo quy trình 02 kỳ họp nhưng đã vượt tiến độ, trình Quốc hội xem xét, thông qua theo quy trình 01 kỳ họp (Luật Quản lý vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi)); các dự án trình Quốc hội bổ sung vào Chương trình đồng thời với việc trình Quốc hội cho ý kiến hoặc thông qua tại kỳ họp được thực hiện linh hoạt, đảm bảo đầy đủ quy trình và nhận được sự đồng thuận cao từ phía các cơ quan, đại biểu Quốc hội và Nhân dân cả nước.

2. Trên cơ sở đó, các dự án luật, dự thảo nghị quyết được Quốc hội thông qua với tỷ lệ tán thành cao (có luật được thông qua với tỷ lệ 100% như Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp). Nội dung các luật, nghị quyết bám sát chủ trương, đường lối của Đảng, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với hệ thống pháp luật, với nhiều chính sách mới, quan trọng, dự kiến sẽ tác động tích cực đến: (i) việc bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội (*Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Luật Cảnh vệ, Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ*); (ii) thúc đẩy sự phát triển kinh tế gắn với sự bền vững của chính sách an sinh, xã hội (*Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng*); (iii) thể chế hoá kịp thời một trong ba đột phá chiến lược được xác định tại văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại (*Luật Đường bộ*); (iv) hoàn thiện cơ sở pháp lý với các cơ chế, chính sách đặc thù để phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo đột phá về phát triển kinh tế - xã hội cho Thủ đô Hà Nội (*Luật Thủ đô*) và một số tỉnh, thành phố (*Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An*), cụ thể:

(i) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng cho phép Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2024, qua đó, góp phần sớm đưa các nội dung đổi mới của 04 Luật này đi vào thực tiễn, khơi thông nguồn lực đất đai, lành mạnh hoá thị trường bất động sản, kịp thời giải quyết, xử lý dứt điểm các tồn tại, bất cập đã chỉ ra trong quá trình tổng kết thi hành các luật và phát huy những ưu việt của chính sách, quy định tiên bộ trong các luật nêu trên; tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện quyền của người sử dụng đất, bảo vệ quyền lợi cho người có đất bị thu hồi, thúc đẩy sự tham gia hoạt động kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở...

(ii) Luật Đường bộ đã kế thừa và tiếp tục phát triển các quy định còn phù hợp, sửa đổi, bổ sung để khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập của Luật Giao thông đường bộ năm 2008; tạo cơ chế huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ, làm cơ sở tái cơ cấu các phương thức vận tải; nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo an toàn vận tải đường bộ; cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đường bộ.

(iii) Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) giúp mở rộng, gia tăng quyền, lợi ích, tạo thuận lợi để thu hút người lao động tham gia bảo hiểm xã hội; bảo đảm tốt nhất quyền lợi cho người lao động đang làm việc và người hưởng lương hưu; phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội linh hoạt, đa dạng, đa tầng, hiện đại và hội nhập quốc tế theo nguyên tắc đóng - hưởng, công bằng, bình đẳng, chia sẻ và bền vững; nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và phát triển hệ thống thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tinh gọn, chuyên nghiệp, hiện đại, tin cậy và minh bạch.

(iv) Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp kế thừa, phát triển những quy định của pháp luật hiện hành về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp đã được thực tiễn kiểm nghiệm còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập; đồng thời, bổ sung những vấn đề mới để giải quyết những nội dung về công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, phòng thủ và bảo vệ Tổ quốc.

(v) Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ kịp thời khắc phục những hạn chế, bất cập trong thực tiễn đấu tranh phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong sử dụng các loại vũ khí tự chế; đồng thời sửa đổi các quy định về trình tự, thủ tục quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ theo hướng đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường ứng dụng cơ sở

dữ liệu, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

(vi) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ đã mở rộng đối tượng cảnh vệ, hoàn thiện các quy định về biện pháp, chế độ cảnh vệ, góp phần xây dựng lực lượng Cảnh vệ đáp ứng yêu cầu phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

(vii) Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ đã khắc phục những bất cập, hạn chế sau 15 năm thực hiện Luật Giao thông đường bộ năm 2008; với những quy định mới về quy tắc; điều kiện phương tiện; người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ; chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ; giải quyết tai nạn; tuần tra, kiểm soát; quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, chặt chẽ, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

(viii) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản góp phần phát triển dịch vụ đấu giá tài sản theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp trong hoạt động của tổ chức đấu giá tài sản; tăng cường trách nhiệm của người có tài sản đấu giá, đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan với một số quy định mới về tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề đấu giá, quyền và nghĩa vụ của tổ chức đấu giá; trình tự, thủ tục đấu giá và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đấu giá tài sản.

(ix) Luật Lưu trữ góp phần đổi mới hoạt động quản lý và thực hiện các nghiệp vụ về lưu trữ trong chuyển đổi số; xã hội hóa hoạt động lưu trữ, thu hút các nguồn lực để phát triển các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực lưu trữ; bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ và thực hiện "sứ mệnh" phát huy giá trị tài liệu lưu trữ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế.

(x) Luật Thủ đô quy định vị trí, vai trò của Thủ đô; đẩy mạnh phân quyền, tăng tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của chính quyền thành phố Hà Nội; quy định các cơ chế, chính sách đặc thù trong các lĩnh vực như quy hoạch, phát triển văn hóa, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, y tế, chính sách xã hội, an sinh xã hội, nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường, nhà ở, cơ chế về tài chính, thu hút nguồn lực đầu tư của Thủ đô; cho phép Hà Nội được áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát; đầu tư mạo hiểm có sử dụng ngân sách nhà nước nhằm tạo cơ chế để xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô;...

(xi) Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng; Nghị quyết về thí điểm bổ sung một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An tạo cơ sở pháp lý để phát huy tiềm năng, lợi thế, tạo đột phá về phát triển kinh tế - xã hội cho

thành phố Đà Nẵng và tỉnh Nghệ An... qua đó, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, tạo cơ sở để địa phương phát huy mọi tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững, trở thành tỉnh, thành phố trọng điểm của cả nước.

3. Bên cạnh công tác lập pháp, Chính phủ đã trình Quốc hội ban hành các nghị quyết để quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, ví dụ như:

(i) Nghị quyết bổ sung dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022, trong đó yêu cầu Chính phủ tiếp tục thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách nhà nước; chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong lập, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; tiếp tục tăng cường, có các giải pháp quản lý, sử dụng chặt chẽ số tăng thu ngân sách nhà nước gắn với điều hành và xây dựng kế hoạch huy động vốn vay bù đắp bội chi và trả nợ gốc của ngân sách nhà nước bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả; quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn ngân sách nhà nước, việc tạm ứng chi ngân sách nhà nước; tiếp tục kiểm soát bội chi ngân sách nhà nước, nợ công để bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, ổn định kinh tế vĩ mô; thực hiện nghiêm các quy định của Luật Ngân sách nhà nước trong lập, xét duyệt, thẩm định, gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước; kiểm soát chặt chẽ, rà soát, xác định chính xác số nợ đọng xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong lập dự toán, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước bảo đảm đúng quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, không gây thất thoát, lãng phí....

(ii) Nghị quyết về chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước). Đây là Nghị quyết có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện xây dựng tuyến cao tốc trọng điểm kết nối vùng Tây Nguyên với vùng Đông Nam Bộ, kết nối các tỉnh Bình Phước, Đắk Nông và các địa phương khác trong vùng với Thành phố Hồ Chí Minh, tạo không gian, động lực phát triển mới cho vùng Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ; khai thác tiềm năng sử dụng đất, phát triển du lịch, công nghiệp chế biến, công nghiệp khai thác khoáng sản, từng bước cơ cấu lại kinh tế vùng Tây Nguyên; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh vùng Tây Nguyên, vùng Đông Nam Bộ và quốc gia theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, các Nghị quyết của Bộ Chính trị⁽¹³⁾.

(iii) Nghị quyết về Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2025. Đây là quy hoạch lần đầu tiên được xây dựng

⁽¹³⁾ Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

theo Luật Quy hoạch nhằm tạo lập cơ sở cho phát triển nhanh và bền vững kinh tế biển, góp phần hình thành, phát triển các ngành kinh tế biển vững mạnh, đảm bảo sinh kế cho người dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế, giữ vững độc lập, chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán quốc gia trên biển; quản lý, khai thác hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, các giá trị văn hóa, từng bước đưa Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển.

(iv) Các nghị quyết: Nghị quyết về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024 được thông qua để tiếp tục hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, trong đó, điều chỉnh Chương trình năm 2024 để bổ sung 09 dự án luật, 02 dự án pháp lệnh, 01 dự thảo nghị quyết của Quốc hội, quy định Chương trình năm 2025 gồm 22 dự án luật, 01 dự thảo nghị quyết của Quốc hội; đồng thời, giao trách nhiệm cho Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan của Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình; Nghị quyết Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV để ghi nhận các kết quả của Kỳ họp và quyết định nhiều nội dung quan trọng khác;...

4. Bài học kinh nghiệm

Qua quá trình xây dựng, trình Quốc hội các dự án luật, nghị quyết tại Kỳ họp thứ 7, rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, luôn bám sát đường lối, chủ trương của Đảng, sự lãnh đạo sát sao của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tuân thủ quy định pháp luật trong quá trình xây dựng và trình các dự án luật; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề đột xuất, phát sinh, vượt thẩm quyền, các vấn đề còn có ý kiến khác nhau, qua đó đảm bảo tiến độ, chất lượng trình các dự án luật, dự thảo nghị quyết.

Hai là, công tác phối hợp giữa Chính phủ, các bộ, ngành và cơ quan của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan liên quan cần được quan tâm, chú trọng và thực hiện linh hoạt, chủ động với tinh thần chuẩn bị từ sớm, từ xa, phối hợp ngay từ đầu đã góp phần quan trọng vào thành công của việc xây dựng, trình Quốc hội thông qua các dự án luật, nghị quyết tại Kỳ họp vừa qua.

Ba là, tăng cường kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan của Chính phủ trong công tác xây dựng pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, luôn được quán triệt, đề cao trong tất cả các văn bản chỉ đạo, điều hành của Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ, trong đó, tuân thủ, quán triệt nguyên tắc “chỉ bàn làm, không bàn lùi”, quyết tâm vì mục tiêu chung.

Bốn là, công tác truyền thông chính sách luôn được chú trọng, đi trước một bước, việc tham vấn ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học, lắng nghe ý kiến của

cử tri và Nhân dân đề đề xuất xây dựng, trình các dự án luật, nghị quyết được quan tâm, đầu tư đúng mức, đảm bảo nhận được sự đồng thuận, ủng hộ cao từ dư luận xã hội và người dân cả nước.

II. CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 7

1. Một số yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm đối với công tác triển khai luật, nghị quyết

Để bảo đảm yêu cầu “pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả”, nhằm triển khai thực hiện đồng bộ các luật, nghị quyết vừa được Kỳ họp thứ 7 thông qua, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước; thực hiện kịp thời, hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần các gia đình chính sách, người lao động, người có hoàn cảnh khó khăn và toàn thể Nhân dân; phù hợp với sự mong đợi của cử tri và Nhân dân cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài theo chỉ đạo của Quốc hội tại Nghị quyết 142/2024/QH15 ngày 29/6/2024 Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, công tác triển khai thi hành cần tập trung vào một số yêu cầu, nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, việc tổ chức triển khai thi hành các luật, nghị quyết cần tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng được đề ra tại Văn kiện Đại hội XIII, các nghị quyết, kết luận của Trung ương, nhất là Nghị quyết số 27-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành luật, nghị quyết, chú trọng chất lượng, đi vào chiều sâu.

Thứ hai, các bộ, cơ quan ngang bộ, nhất là các địa phương cần chủ động chuẩn bị và khẩn trương xây dựng kế hoạch triển khai thi hành các luật, nghị quyết, để trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành. Việc xây dựng kế hoạch là nội dung rất quan trọng và cần thiết để dự kiến các công việc cần triển khai, nguồn lực thực hiện và phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện, bảo đảm việc thi hành kịp thời, có hiệu quả luật, nghị quyết ngay từ thời điểm có hiệu lực. Chủ động báo cáo, đề xuất, phân công rõ trách nhiệm của cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp, thời gian trình văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; tập trung nguồn lực tiến hành xây dựng, ban hành các văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo chất lượng,

tiền độ, kịp thời ban hành văn bản có hiệu lực thi hành cùng thời điểm với hiệu lực thi hành của luật, nghị quyết. Đồng thời, rà soát, ban hành để sửa đổi, bổ sung các nghị định, quyết định và thông tư thuộc thẩm quyền để triển khai thi hành các luật, pháp lệnh, nghị quyết.

Thứ ba, tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu nội dung và tinh thần của văn bản luật cho cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo viên pháp luật của bộ, ngành trực tiếp triển khai thi hành văn bản luật bằng các hình thức phù hợp nhằm sớm đưa các văn bản luật vào cuộc sống, nhất là Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số, phát huy tối đa vai trò của các cơ quan, phương tiện thông tin, báo chí, mạng xã hội truyền thông, phổ biến kịp thời, đầy đủ, rộng rãi các luật, nghị quyết mới được thông qua. Phát huy vai trò, trách nhiệm của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật các cấp và đội ngũ báo cáo viên là chuyên gia theo ngành, lĩnh vực. Chỉ đạo, hướng dẫn tăng cường thông tin, phổ biến rộng rãi nội dung của luật cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý và Nhân dân bằng hình thức phù hợp, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong phổ biến, giáo dục pháp luật. Đồng thời, tổ chức hướng dẫn, giải thích, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan trực tiếp đến vụ việc đang giải quyết; chủ động nắm bắt, theo dõi, tháo gỡ các vấn đề dư luận xã hội quan tâm trong quá trình tổ chức triển khai thi hành pháp luật.

Thứ tư, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời và kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, “lợi ích nhóm”, “lợi ích cục bộ” trong công tác xây dựng pháp luật và thi hành pháp luật; kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thông tư quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật, không làm phát sinh quy trình, thủ tục, “giấy phép con” trái quy định. Chú trọng tổ chức đối thoại với doanh nghiệp, người dân, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thi hành luật, nghị quyết.

Thứ năm, quan tâm bố trí hợp lý nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất, tổ chức bộ máy, biên chế và các điều kiện cần thiết khác cho công tác xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật, nghị quyết; triển khai thực hiện luật, nghị quyết bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm; hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý kịp thời kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp.

2. Kết quả bước đầu triển khai thi hành luật, nghị quyết

Với 05 nhiệm vụ, yêu cầu trọng tâm nêu trên, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện và đạt được những kết quả bước đầu ở 03 nội dung nhiệm vụ sau đây:

2.1. Ban hành kế hoạch triển khai thi hành

Để chuẩn bị cho công tác triển khai thi hành các luật, nghị quyết, ngay sau khi kết thúc kỳ họp của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã giao các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo các luật, nghị quyết khẩn trương tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các Kế hoạch để triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua. Trên cơ sở đó, các bộ, ngành, địa phương đã và đang xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thi hành các luật, nghị quyết để phân công trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, đơn vị hữu quan, đảm bảo đưa pháp luật vào cuộc sống, sâu rộng đến nhân dân, hiệu quả tại cơ sở.

Đến nay, nhiều dự án luật đã được các bộ, ngành, địa phương cơ bản hoàn thiện Kế hoạch triển khai thi hành để trình Thủ tướng Chính phủ ban hành như: Luật Đường bộ; Luật Thủ đô; Luật Lưu trữ; Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ;... Một số các Bộ đã triển khai xây dựng dự thảo Quyết định của Bộ trưởng để triển khai thi hành các luật và đang thực hiện việc lấy ý kiến của các bộ ngành có liên quan, các địa phương như: Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật Cảnh vệ;...

Đặc biệt, một số địa phương, việc triển khai thi hành luật, nghị quyết đã nhận được sự quan tâm từ cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể. Ví dụ: Thành ủy Đà Nẵng ban hành Chỉ thị số 44-CT/TU ngày 22/7/2024 của Thành ủy Đà Nẵng về lãnh đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

2.2. Phổ biến các luật, nghị quyết mới được ban hành

Để kịp thời đưa các luật, nghị quyết mới được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7 đi vào cuộc sống, công tác chỉ đạo, hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật các luật, nghị quyết đã được chú trọng thực hiện. Trên cơ sở Kế hoạch hoạt động của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương năm 2024⁽¹⁴⁾ trong việc giao trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng để triển khai các luật, nghị quyết mới được thông qua liên quan trực tiếp, thiết thực đến người dân, doanh nghiệp, Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật trung ương đã ban hành văn bản hướng dẫn phổ biến luật, nghị quyết mới gửi các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm

⁽¹⁴⁾ Ban hành theo Quyết định số 51/QĐ-HĐPH ngày 04/4/2024 của Chủ tịch Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương.

sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Luật gia Việt Nam, Liên đoàn Luật sư Việt Nam và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương⁽¹⁵⁾.

Qua theo dõi, đến nay, trong kế hoạch triển khai các luật, nghị quyết mới đã và đang được các bộ, ngành chủ trì tham mưu xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành đều xác định việc phổ biến nội dung cơ bản của luật, nghị quyết mới thông qua cho cán bộ, công chức và Nhân dân là một nhiệm vụ trọng tâm. Tại các địa phương, nhiệm vụ phổ biến các văn bản luật, nghị quyết mới được ban hành cũng đã được xác định trong Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của địa phương ngay từ đầu năm. Hiện một số địa phương đã và đang xây dựng văn bản riêng chỉ đạo, hướng dẫn phổ biến, giáo dục pháp luật để triển khai các luật, nghị quyết mới, xây dựng Kế hoạch triển khai các luật, nghị quyết, trong đó phân công trách nhiệm cụ thể cho các sở, ban, ngành hữu quan để triển khai thực hiện sâu rộng đến Nhân dân tại cơ sở.

Để kịp thời có tài liệu nguồn phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, Bộ Tư pháp đã chủ động phối hợp với các cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức biên soạn Tài liệu giới thiệu nội dung cơ bản các luật mới để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử phổ biến, giáo dục pháp luật quốc gia⁽¹⁶⁾. Hiện các cơ quan cơ bản đã xây dựng dự thảo Tài liệu và gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, rà soát hoàn thiện trước khi đăng tải chính thức.

Ngay sau họp báo công bố luật, nghị quyết, các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện cập nhật, đăng tải công khai toàn văn nội dung văn bản các luật, nghị quyết lên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ, ngành, đoàn thể, địa phương, một số cơ sở dữ liệu pháp luật khác; đồng thời, đăng tải tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng để cán bộ và Nhân dân dễ dàng tiếp cận, khai thác và sử dụng khi có nhu cầu. Trong đó, các cơ quan báo chí, thông tin đại chúng đã vào cuộc tích cực với hàng nghìn tin, bài dưới nhiều hình thức đa dạng, phong phú để giới thiệu, phổ biến về nội dung cơ bản, quy định mới, cụ thể liên quan thiết thực đến người dân, doanh nghiệp.

2.3. Triển khai xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết

a) Đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ

Ngay khi kết thúc kỳ họp thứ 7 của Quốc hội khóa XV, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ khẩn trương phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ rà soát, xác định nội dung, lập Danh mục

⁽¹⁵⁾ Công văn số 4093/HĐPH-PBGDPL ngày 23/7/2024 của Hội đồng phối hợp PBGDPL trung ương;

⁽¹⁶⁾ Công văn số 3682/BTP-PBGDPL ngày 01/7/2024.

văn bản quy định chi tiết thi hành luật, nghị quyết. Kết quả đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành quyết định phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết⁽¹⁷⁾, trong đó xác định rõ tên văn bản, nội dung giao quy định chi tiết, cơ quan chủ trì soạn thảo, cơ quan phối hợp và thời hạn trình, ban hành văn bản. Theo đó, để quy định chi tiết 13 luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có nhiệm vụ ban hành 121 văn bản. Cụ thể:

(1) Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng: 02 văn bản do Bộ Nội vụ và Bộ Xây dựng chủ trì soạn thảo.

(2) Nghị quyết của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An: 01 văn bản do Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo.

(3) Luật Đường bộ: 12 văn bản do Bộ Giao thông vận tải chủ trì soạn thảo.

(4) Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ: 44 văn bản do Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Y tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo.

(5) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ: 04 văn bản do Bộ Công an chủ trì soạn thảo.

(6) Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi): 09 văn bản do Bộ Công an, Bộ Công Thương, Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo.

(7) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản: 03 văn bản do Bộ Tư pháp chủ trì soạn thảo.

(8) Luật Thủ đô (sửa đổi): có 07 văn bản do Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì soạn thảo.

(9) Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp: 12 văn bản do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì soạn thảo.

(10) Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi): 14 văn bản do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế chủ trì soạn thảo.

(11) Luật Lưu trữ (sửa đổi): 11 văn bản do Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo. Ngoài ra, dự kiến giao các bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ ban hành thông tư để quy định chi tiết về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu tại khoản 5 Điều 15 Luật.

⁽¹⁷⁾ Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27/7/2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7.

(12) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều không có nội dung giao quy định chi tiết. Tuy nhiên, phải đẩy nhanh tiến độ xây dựng văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản (trong đó, có 16 văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai, 07 văn bản quy định chi tiết Luật Nhà ở, 04 văn bản quy định chi tiết Luật Kinh doanh bất động sản) để bảo đảm có hiệu lực từ 01/8/2024. Kết quả, đến nay, tất cả các văn bản đều đã được các bộ hoàn thành việc soạn thảo, trình cấp có thẩm quyền xem xét ban hành để kịp thời có hiệu lực đồng bộ với luật.

(13) Luật Tổ chức tòa án nhân dân (sửa đổi): Luật không có nội dung giao Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết.

Hiện nay, các bộ được giao chủ trì soạn thảo đang tiến hành triển khai thực hiện theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, một số bộ, cơ quan bộ đã thành lập ban soạn thảo, tổ biên tập và bước đầu dự thảo văn bản quy định chi tiết với quyết tâm cao nhằm bảo đảm về tiến độ và chất lượng của văn bản.

b) Đối với chính quyền địa phương

Bên cạnh các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Bộ Tư pháp cũng đã chủ động phối hợp với các bộ chủ trì soạn thảo các luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ 7 để rà soát và đã gửi thông báo đến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh những nội dung luật, nghị quyết giao cho chính quyền địa phương quy định chi tiết để kịp thời xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết và tổ chức triển khai thi hành các luật, pháp lệnh một cách đồng bộ, hiệu quả⁽¹⁸⁾. Cụ thể: đối với các luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải ban hành văn bản để quy định chi tiết 08 nội dung được giao tại Luật Đường bộ và Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ. Riêng Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội phải ban hành văn bản để quy định chi tiết 41 nội dung được giao tại Luật Thủ đô; Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phải ban hành văn bản để quy định chi tiết 15 nội dung được giao tại Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng và Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An phải ban hành văn bản để quy định chi tiết 06 nội dung được giao

⁽¹⁸⁾ Công văn số 4151/BTP-VĐCXDPL ngày 15/7/2024 thông báo các nội dung luật, nghị quyết giao chính quyền địa phương quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 7.

tại Nghị quyết của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, đối với nhóm các luật đầy sớm có hiệu lực từ 01/8/2024, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân có trách nhiệm ban hành văn bản để quy định chi tiết 18 nội dung giao tại Luật Đất đai và 07 nội dung được giao tại Luật Nhà ở. Riêng Luật Kinh doanh bất động sản không có nội dung giao Chính quyền địa phương quy định chi tiết.

3. Nhiệm vụ cần tiếp tục triển khai trong thời gian tới và một số giải pháp, đề xuất, kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả triển khai thi hành các luật, nghị quyết

3.1. Nhiệm vụ cần tiếp tục triển khai trong thời gian tới

Trong thời gian tới, các bộ, ngành, địa phương cần tiếp tục bám sát 06 nhóm nhiệm vụ, yêu cầu trọng tâm để triển khai thi hành có hiệu quả các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7. Các yêu cầu, nhiệm vụ này cần được thực hiện một cách đồng bộ, toàn diện ở tất cả các cấp, các ngành, trong đó cần lưu ý một số nhiệm vụ cụ thể sau đây:

Thứ nhất, các bộ, ngành, địa phương sớm hoàn thiện, trình ký ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các kế hoạch triển khai các luật, nghị quyết; tổ chức thực hiện các kế hoạch một cách hiệu quả, thiết thực.

Thứ hai, các bộ, cơ quan ngang bộ khẩn trương nghiên cứu xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết đã có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong thời gian tới. Chính quyền địa phương khẩn trương phân công soạn thảo và ban hành văn bản quy định chi tiết 120 nội dung, trong đó có 95 nội dung được giao tại 03 luật, 02 nghị quyết và 25 nội dung giao tại Luật Đất đai, Luật Nhà ở để kịp thời có hiệu lực từ 01/8/2024.

Bộ Tư pháp phối hợp Văn phòng Chính phủ, Sở Tư pháp phối hợp với Văn phòng Ủy ban theo dõi, đôn đốc, thường xuyên làm việc trực tiếp với các bộ, sở, ngành liên quan để kịp thời nắm bắt tiến độ, tình hình xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, chỉ đạo.

Thứ ba, trên cơ sở các tài liệu phổ biến luật, nghị quyết đã được xây dựng, tổ chức tuyên truyền, quán triệt rộng rãi, tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu nội dung và tinh thần của các luật, nghị quyết cho cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo viên pháp luật của bộ, ngành trực tiếp triển khai thi hành văn bản luật. Tiếp tục đẩy mạnh truyền thông, phổ biến các luật, nghị quyết mới được thông qua.

Thứ tư, đồng thời với quá trình triển khai thi hành các luật, nghị quyết, cần tiếp tục thực hiện rà soát theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo rà soát, xử lý vướng mắc

trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật để phát hiện vướng mắc, bất cập trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo yêu cầu tại Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 18/6/2024 của Chính phủ, kịp thời tháo gỡ “điểm nghẽn”, khơi thông nguồn lực, thúc đẩy hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, trước mắt tập trung tháo gỡ các vướng mắc ở tầm luật để nhất là một số luật như Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Quy hoạch, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công... nhất là các vấn đề phân cấp, phân quyền, cắt giảm thủ tục hành chính, tạo sự linh hoạt, chủ động trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và chính quyền địa phương.

3.2. Một số giải pháp và đề xuất, kiến nghị

Để nâng cao hiệu quả công tác triển khai thi hành các luật, nghị quyết được thông qua tại Kỳ họp thứ 7 nói riêng và công tác triển khai thi hành pháp luật nói chung, về phía Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện một số giải pháp sau đây:

Thứ nhất, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục quan tâm, chỉ đạo sát sao công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật; các bộ, ngành, địa phương tiếp tục quán triệt, xác định xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật là một trong các nhiệm vụ trọng tâm; tiếp tục đề cao trách nhiệm người đứng đầu, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong công tác này.

Thứ hai, tăng cường công tác phối hợp trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật nhằm tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa các cơ quan thuộc Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành có liên quan, nhất là hoạt động phối hợp với Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội. Chú trọng công tác truyền thông chính sách trong quá trình xây dựng văn bản QPPL và đổi mới hình thức, nội dung tổ chức PBGDPL có hiệu quả theo định hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với từng đối tượng, lĩnh vực, địa bàn cụ thể, qua đó giúp người dân, doanh nghiệp kịp thời nắm bắt nội dung các chính sách lớn, quan trọng ngay từ khâu soạn thảo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thi hành sau khi các luật, nghị quyết được thông qua.

Thứ ba, quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, ưu tiên bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức pháp chế của bộ, ngành, địa phương; chú trọng củng cố kiện toàn tổ chức pháp chế, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn và quan tâm chế độ, chính sách cho đội ngũ này. Đảm bảo công tác chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi và kiểm tra thực hiện việc triển khai thi hành luật, nghị quyết của các Bộ, ngành, địa phương được thông suốt, hiệu quả; kịp thời khen thưởng, biểu dương những nơi làm tốt, kiểm điểm, phê bình những cơ

quan, đơn vị triển khai thực hiện chưa nghiêm, có cơ chế khuyến khích, bảo vệ đội ngũ cán bộ, đảng viên làm công tác xây dựng pháp luật theo tinh thần tại Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung. Thực hiện tốt chủ trương khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, luôn nỗ lực hành động vì lợi ích chung đã được xác định trong Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/01/2021 của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” và Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Đồng thời, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin triệt để trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính; sử dụng văn bản điện tử thay cho văn bản giấy; trao đổi thông tin qua môi trường mạng giữa cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp để giảm thiểu các chi phí, thủ tục không cần thiết, giảm thời gian lưu chuyển hồ sơ, giấy tờ.

Thứ tư, tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác xây dựng pháp luật nhằm nâng cao chất lượng chính sách, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, khả thi và dễ tiếp cận, dễ thực hiện, chi phí tuân thủ thấp - đây là một trong các yếu tố then chốt quyết định đến hiệu quả công tác triển khai thi hành pháp luật trong thực tiễn. Để thực hiện giải pháp này thì cần tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm thông qua việc cơ quan chủ trì lập đề nghị, soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật kịp thời báo cáo, xin ý kiến cấp ủy, tổ chức Đảng về những chính sách quan trọng, định hướng lớn; đề cao trách nhiệm người đứng đầu và từng cá nhân, chú trọng tổng kết pháp luật, đánh giá tác động chính sách, tổ chức lấy ý kiến, thu hút sự tham gia góp ý của đại diện các bộ, ngành liên quan, các tổ chức đại diện cho các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản, các hiệp hội và các chuyên gia, nhà khoa học uy tín, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, thẩm định; tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong công tác xây dựng pháp luật.

Đồng thời, Chính phủ đề nghị:

- Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, Đại biểu Quốc hội tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Chính phủ ngay từ giai đoạn đầu trong công tác xây dựng pháp luật, bảo đảm tính khả thi các quy định giao quy định chi tiết trong các dự án luật, pháp lệnh gắn với các điều kiện tối thiểu về thời gian, nguồn lực; tăng cường hoạt động giám sát trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện những nội dung trái pháp luật, những vi

phạm đề kiến nghị các biện pháp xử lý phù hợp. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện Hiến pháp, luật, pháp lệnh, Ủy ban thường vụ Quốc hội tự mình hoặc theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quyết định việc giải thích Hiến pháp, luật, pháp lệnh.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên tăng cường tham gia xây dựng, giám sát công tác xây dựng chính sách, pháp luật và thực hiện vai trò phản biện xã hội. Thường xuyên góp ý kiến vào dự án luật, pháp lệnh và dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản pháp luật trái Hiến pháp và pháp luật.

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các cơ quan của Chính phủ trong việc thực hiện Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh; tổ chức triển khai thi hành luật, pháp lệnh, ban hành văn bản quy định chi tiết; thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến pháp luật thông qua hoạt động truy tố, xét xử và thi hành án.

Trên đây là Báo cáo việc tổ chức triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7, Chính phủ xin báo cáo Hội nghị./.

CHÍNH PHỦ

BÁO CÁO THAM LUẬN

Triển khai thực hiện nghị quyết số 129/2024/QH15 của Quốc hội về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2024

- Thường trực Ủy ban Pháp luật của Quốc hội-

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV, trên cơ sở các Tờ trình của Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, Báo cáo thẩm tra của Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan, UBTVQH đã trình Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết số 129/2024/QH15 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh (Chương trình) năm 2025, điều chỉnh Chương trình năm 2024. Thực hiện sự phân công của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH), Thường trực Ủy ban Pháp luật xin trình bày Báo cáo chuyên đề về triển khai thực hiện Nghị quyết số 129/2024/QH15 như sau:

1. Khái quát về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2025 và 06 tháng cuối năm 2024

Theo Nghị quyết số 129/2024/QH15, Quốc hội đã bổ sung vào Chương trình năm 2024 09 dự án luật, 02 dự án pháp lệnh; đưa vào Chương trình năm 2025 tổng số 22 dự án luật, 01 dự thảo nghị quyết; đồng thời, Quốc hội giao UBTVQH phối hợp với Chính phủ và các cơ quan có liên quan xem xét, quyết định bổ sung theo thẩm quyền các dự án trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025). Trong Nghị quyết, Quốc hội cũng giao trách nhiệm cụ thể cho Chính phủ, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan của Chính phủ và các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thực hiện Chương trình.

Sau khi Nghị quyết số 129/2024/QH15 được Quốc hội thông qua, ngay trong thời gian kỳ họp thứ 7 của Quốc hội, UBTVQH đã ban hành Nghị quyết¹⁹ phân công cơ quan trình, cơ quan chủ trì thẩm tra, tham gia thẩm tra các dự án; dự kiến tiến độ UBTVQH xem xét các dự án các tháng cuối năm 2024 và năm 2025. Sau 12 ngày kể từ ngày có Nghị quyết của UBTVQH, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh²⁰. Đây là điểm mới, thể hiện sự chủ động, tích cực, khẩn trương của UBTVQH, Chính phủ và các cơ quan trong triển khai thực hiện Chương trình.

¹⁹ Nghị quyết số 1065/NQ-UBTVQH15 ngày 14/6/2024 của UBTVQH về việc thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Chương trình năm 2025, điều chỉnh Chương trình năm 2024.

²⁰ Quyết định số 568/QĐ-TTg ngày 26/6/2024 phân công cơ quan chủ trì soạn thảo, thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh được điều chỉnh trong Chương trình năm 2024 và các dự án luật thuộc Chương trình năm 2025

Các dự án được đưa vào Chương trình năm 2025 và bổ sung vào Chương trình năm 2024 đều là kết quả của việc thực hiện các nhiệm vụ lập pháp theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15²¹, Kế hoạch số 734/KH-UBTVQH15²² nhằm tiếp tục thể chế hóa chủ trương của Đảng, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách tư pháp, chuyển đổi số, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, góp phần hoàn thiện môi trường đầu tư phù hợp với quá trình hội nhập và phát triển của nền kinh tế, tăng cường quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế. Trong đó, có nhiều dự án khó, có nội dung phức tạp, phạm vi tác động rộng, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ, lợi ích của người dân và hoạt động đầu tư, kinh doanh của doanh nghiệp, như Luật Điện lực (sửa đổi), Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi)...

Theo các Nghị quyết số 89/2023/QH15²³, số 129/2024/QH15 của Quốc hội và các nghị quyết của UBTVQH điều chỉnh Chương trình năm 2024 được ban hành trước²⁴ và sau²⁵ Nghị quyết số 129/2024/QH15 của Quốc hội, số lượng các dự án trong Chương trình các tháng cuối năm 2024 và năm 2025 khá lớn, lại tập trung vào một số cơ quan. Cụ thể, đối với Chương trình cuối năm 2024: Tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10/2024), Quốc hội sẽ xem xét, thông qua 12 luật (*11 luật đã được cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 và 01 luật trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua theo quy trình tại một kỳ họp*), đồng thời cho ý kiến đối với 13 dự án luật và UBTVQH xem xét, thông qua 02 dự án pháp lệnh (*xin xem Phụ lục 1*); trong đó, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì 05 dự án²⁶; Ủy ban Tài chính và ngân sách chủ trì 04 dự án²⁷; Ủy ban Quốc phòng và An ninh chủ trì 04

²¹ Kế hoạch 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của UBTVQH về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV của Đảng đoàn Quốc hội.

²² Kế hoạch số 734/KH-UBTVQH15 ngày 22/01/2024 của UBTVQH bổ sung Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15.

²³ Nghị quyết số 89/2023/QH15 của Quốc hội về Chương trình năm 2024, điều chỉnh Chương trình năm 2023.

²⁴ Nghị quyết số 41/2023/UBTVQH15 và Nghị quyết số 45/2024/UBTVQH15 của UBTVQH về điều chỉnh Chương trình năm 2024.

²⁵ Nghị quyết số 48/2024/UBTVQH15 ngày 23/7/2024 của UBTVQH về điều chỉnh Chương trình năm 2024 (bổ sung dự án Luật Dữ liệu và dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam).

²⁶ 01 dự án trình thông qua: (1) Luật Địa chất và khoáng sản (sửa đổi); 04 dự án trình cho ý kiến: (1) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; (2) Luật Hóa chất (sửa đổi); (3) Luật Công nghiệp công nghệ số; (4) Luật Điện lực (sửa đổi).

²⁷ 01 dự án trình thông qua: Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); 03 dự án trình cho ý kiến: (1) Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, (2) Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), (3) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi).

dự án²⁸. Đối với Chương trình năm 2025: tại kỳ họp thứ 9 (tháng 5/2025), Quốc hội sẽ thông qua 13 luật (*đã được cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8*), 01 dự thảo nghị quyết về Chương trình năm 2026 (theo quy trình tại một kỳ họp) và cho ý kiến 10 dự án luật; tại kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025), Quốc hội sẽ thông qua 10 luật (*đã được cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9*) (*xin xem Phụ lục 2*); trong đó, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường tại kỳ họp thứ 9 chủ trì 07 dự án²⁹; Ủy ban Tư pháp tại kỳ họp thứ 9 chủ trì 05 dự án³⁰ và tại kỳ họp thứ 10 chủ trì 05 dự án³¹. Bên cạnh các dự án đã có trong Chương trình, khối lượng công việc lập pháp các tháng cuối năm 2024 và năm 2025 có thể còn tăng thêm do Chính phủ đang dự kiến đề nghị bổ sung một số dự án mới vào Chương trình kỳ họp thứ 8³² và cần tiếp tục bổ sung các dự án trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10 (*hiện chưa có dự án nào trong Chương trình*).

2. Một số yêu cầu trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình các tháng cuối năm 2024 và năm 2025

Như vậy, Chương trình xây dựng pháp luật các tháng cuối năm 2024 và năm 2025 rất nặng, không chỉ đối với các cơ quan của Quốc hội mà cả trách nhiệm xây dựng, trình dự án của Chính phủ. Trong số 25 dự án luật trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 8 (năm 2024) thì Chính phủ trình 21 dự án (chiếm 84%)³³; trong số 24 dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 9 và kỳ họp thứ 10 (năm 2025) thì Chính phủ trình 20 dự án (chiếm 83.3%)³⁴, chưa kể các dự án cần tiếp tục bổ sung vào Chương trình để trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến tại kỳ họp thứ 10. Do đó, để bảo đảm thực hiện hiệu quả Chương trình, bảo đảm tiến độ, chất lượng của các dự án, Thường trực Ủy ban Pháp luật có một số kiến nghị như sau:

2.1. Đề nghị Chính phủ và các cơ quan, tổ chức được giao trình dự án:

²⁸ 03 dự án trình thông qua: (1) Luật Phòng không nhân dân, (2) Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu hộ, cứu nạn, (3) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam và (4) 01 dự án trình cho ý kiến (Luật Dữ liệu).

²⁹ Thông qua 04 dự án đã được cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 và cho ý kiến 03 dự án: (1) Luật Cấp, thoát nước; (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; (3) Luật Đường sắt (sửa đổi).

³⁰ Cho ý kiến 05 dự án: (1) Luật Dẫn độ; (2) Luật Chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù; (3) Luật Tương trợ tư pháp về dân sự; (4) Luật Tương trợ tư pháp về hình sự và (5) Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi).

³¹ Thông qua 05 dự án đã được cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9.

³² Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của một số luật để xử lý các vi phạm đã được nêu trong các báo cáo rà soát pháp luật trình Quốc hội.

³³ Trừ các dự án: (1) Luật Công đoàn (sửa đổi), (2) Luật Tư pháp người chưa thành niên, (3) Luật Chuyển đổi giới tính, (4) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

³⁴ Trừ các dự án: (1) Luật Chuyển đổi giới tính, (2) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, (3) Luật Tương trợ tư pháp về hình sự và (4) dự thảo Nghị quyết về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2026.

(1) Đối với 11 dự án luật đã được Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7 và dự kiến trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan, tổ chức chủ trì soạn thảo phối hợp thường xuyên, chặt chẽ với các cơ quan chủ trì thẩm tra để nghiên cứu giải trình, tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện các dự án và kịp thời có ý kiến bằng văn bản về các dự thảo luật đã được tiếp thu, chỉnh lý, bảo đảm theo đúng kế hoạch của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đối với dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam vừa được UBTVQH bổ sung vào Chương trình năm 2024, trình Quốc hội cho ý kiến và thông qua tại kỳ họp thứ 8 theo quy trình tại một kỳ họp, đề nghị Chính phủ khẩn trương chỉ đạo soạn thảo, trình UBTVQH cho ý kiến tại phiên họp tháng 8/2024 để kịp đưa ra thảo luận tại Hội nghị đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách trước khi trình Quốc hội.

(2) Đối với 13 dự án luật trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8 và 02 dự án pháp lệnh, đặc biệt là 08 dự án do Chính phủ trình mới được điều chỉnh, bổ sung vào Chương trình năm 2024, đề nghị Chính phủ chỉ đạo khẩn trương hoàn thiện hồ sơ gửi các cơ quan của Quốc hội thẩm tra, kịp trình UBTVQH cho ý kiến tại phiên họp tháng 8 và tháng 9/2024 theo tiến độ quy định: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Điện lực (sửa đổi), Luật Nhà giáo, Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Dữ liệu³⁵. Sau khi UBTVQH cho ý kiến, đề nghị Chính phủ khẩn trương tiếp thu, hoàn chỉnh hồ sơ các dự án luật gửi Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, đại biểu Quốc hội chậm nhất là ngày 01/10/2024 (20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp).

(3) Đối với 10 dự án luật trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 9, đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chủ trì soạn thảo:

- Xây dựng ngay kế hoạch soạn thảo, trong đó xác định cụ thể nội dung, lộ trình thực hiện từng công việc; khẩn trương thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập để triển khai soạn thảo; tập trung thời gian, nguồn lực soạn thảo dự án, bảo đảm thận trọng, chắc chắn, tuân thủ chặt chẽ quy trình xây dựng, ban hành văn bản theo đúng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, làm tốt từng khâu, đặt yêu cầu cao về chất lượng; định kỳ hằng tháng (trước ngày 30) gửi báo cáo về tình hình và tiến độ soạn thảo dự án đến Bộ Tư pháp thì đồng thời gửi đến cơ quan chủ trì thẩm tra và Ủy ban Pháp luật để theo dõi, tổng hợp, báo

³⁵ Tính đến ngày 23/7/2024, mới chỉ có dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo có hồ sơ gửi các cơ quan của Quốc hội để thẩm tra, trình UBTVQH cho ý kiến.

cáo UBTVQH; khắc phục tình trạng chậm gửi hồ sơ đến cơ quan thẩm tra, UBTVQH, Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội.

- Bám sát và kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tuân thủ các yêu cầu trong Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và các nguyên tắc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Trong quá trình soạn thảo cần lưu ý thực hiện nghiêm, thực chất việc tổng kết thi hành pháp luật, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đánh giá tác động kỹ lưỡng các chính sách, nhất là chính sách mới được bổ sung so với hồ sơ đề nghị xây dựng dự án, tính khả thi, các điều kiện bảo đảm thi hành văn bản; chuẩn bị kỹ cả về nội dung và kỹ thuật văn bản, có sự đồng thuận cao giữa các Bộ, ngành có liên quan. Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã rõ, được thực tiễn chứng minh và có sự thống nhất cao thì đề xuất quy định trong luật; những vấn đề tuy cần thiết nhưng là vấn đề mới, còn nhiều ý kiến khác nhau thì tiếp tục nghiên cứu, tổng kết, đề xuất thực hiện thí điểm khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền. Chủ động phối hợp “từ sớm, từ xa” với cơ quan thẩm tra. Nghiên cứu giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến của UBTVQH, các cơ quan thẩm tra, các vị đại biểu Quốc hội, ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; chú trọng việc tham vấn và tiếp thu ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm trong thực hiện Chương trình; chú trọng quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, không để xảy ra tình trạng lòng ghép “lợi ích nhóm”, lợi ích cục bộ trong các dự án trình UBTVQH, Quốc hội. Đối với các dự án luật, nghị quyết có nội dung phức tạp, phạm vi tác động lớn hoặc có chính sách quan trọng cần thực hiện thí điểm, đề nghị Ban cán sự đảng Chính phủ chủ động báo cáo xin ý kiến cấp có thẩm quyền. Khẩn trương xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của luật, pháp lệnh, nghị quyết.

(4) Đối với việc đề xuất điều chỉnh, bổ sung Chương trình:

- Đề nghị Chính phủ khẩn trương hoàn thiện hồ sơ đề nghị sửa đổi Luật Bảo hiểm y tế, xây dựng Luật Dân số trình UBTVQH xem xét, quyết định bổ sung vào Chương trình theo thẩm quyền nhằm kịp thời thể chế hóa chủ trương của Đảng, khắc phục những tồn tại, vướng mắc trong thực tiễn³⁶; chỉ đạo nghiên

³⁶ Chính phủ đã có hồ sơ đề nghị xây dựng các luật này trình UBTVQH xem xét vào tháng 4/2022 và tháng 4/2023 nhưng chưa được chấp thuận đưa vào Chương trình do chất lượng hồ sơ chưa bảo đảm yêu cầu, cần chuẩn bị lại. Tuy nhiên, đến nay Chính phủ vẫn chưa trình hồ sơ đã được hoàn thiện đề nghị đưa vào Chương trình các dự án này.

cứu các kiến nghị về sửa đổi một số luật, pháp lệnh, xây dựng một số nghị quyết thí điểm các chính sách mới được các vị đại biểu Quốc hội đề xuất trong quá trình xem xét, thông qua Nghị quyết về Chương trình năm 2025, điều chỉnh Chương trình năm 2024³⁷, báo cáo kết quả nghiên cứu với UBTVQH chậm nhất là ngày 01/3/2025. Trường hợp qua nghiên cứu, rà soát cho thấy cần thiết và đủ điều kiện để sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản như đề xuất của đại biểu Quốc hội thì lập hồ sơ đề nghị xây dựng văn bản trình Quốc hội, UBTVQH xem xét, quyết định bổ sung vào Chương trình năm 2025 hoặc đưa vào Chương trình năm 2026.

- Đối với 30 nhiệm vụ lập pháp đã hoàn thành việc nghiên cứu, rà soát nhưng chưa lập đề nghị đưa vào Chương trình³⁸ và 16 nhiệm vụ lập pháp thuộc trách nhiệm thực hiện của Chính phủ từ nay đến hết nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 và Kế hoạch số 734/KH-UBTVQH15 của UBTVQH, đề nghị Chính phủ chỉ đạo rà soát, lập danh mục thứ tự ưu tiên các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết cần bổ sung vào Chương trình năm 2025, đưa vào Chương trình năm 2026, cân nhắc số lượng hợp lý dự án trình Quốc hội tại mỗi kỳ họp để tập trung chuẩn bị bảo đảm chất lượng, tính khả thi. Lưu ý không đề nghị bổ sung dự án, dự thảo vào Chương trình ở thời điểm sát ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội hoặc trong kỳ họp Quốc hội, trừ trường hợp thực sự cần thiết, cấp bách hoặc theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

(5) *Đối với việc lập dự kiến Chương trình năm 2026*, căn cứ vào tình hình thực hiện Chương trình năm 2025, yêu cầu đặt ra đối với công tác xây dựng pháp luật năm 2026 và đặc thù hoạt động của Quốc hội năm 2026 (năm cuối của nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và năm đầu của nhiệm kỳ Quốc hội Khóa XVI), đề nghị Chính phủ và các cơ quan, tổ chức chuẩn bị dự kiến Chương trình năm 2026 gửi UBTVQH chậm nhất là ngày 01/3/2025, đồng thời gửi Ủy

³⁷ Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá, Luật Người cao tuổi, Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, Pháp lệnh Quy định danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"; về việc xây dựng các nghị quyết của Quốc hội thí điểm chính sách đặc thù sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ các địa phương nước ngoài, thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển kinh tế - xã hội đối với các địa phương có đường biên giới chung với các nước, quy định về xây dựng, phát triển đường sắt đô thị, về trung tâm tài chính quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh, quy định cụ thể về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc xây dựng trường học, bệnh viện ở khu đô thị mới và khu công nghiệp.

³⁸ Trong tổng số 156 nhiệm vụ lập pháp theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 và Kế hoạch số 734/KH-UBTVQH15 có 125 nhiệm vụ do Chính phủ chủ trì thực hiện, trong đó Chính phủ đã hoàn thành việc nghiên cứu, rà soát đối với 109/125 nhiệm vụ (tỷ lệ 87,2%) bảo đảm tiến độ, chất lượng. Tính đến hết kỳ họp thứ 7, Chính phủ đã trình Quốc hội thông qua được 41/43 luật và nhiều nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật; trình Quốc hội, UBTVQH đưa vào Chương trình cho ý kiến tại kỳ họp thứ 8, thông qua tại kỳ họp thứ 9 đối với 10/12 dự án luật, 02 dự án pháp lệnh; đưa vào Chương trình năm 2025 đối với 20/24 dự án luật, nghị quyết. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn 30/125 nhiệm vụ Chính phủ đã hoàn thành việc rà soát nhưng chưa trình Quốc hội, UBTVQH hồ sơ đề nghị xây dựng luật, nghị quyết

ban Pháp luật để thẩm tra. Trong đó, ưu tiên đưa vào Chương trình những dự án là kết quả thực hiện các nhiệm vụ lập pháp mà cần thiết phải sớm ban hành và đã được chuẩn bị kỹ.

(6) *Đối với việc chuẩn bị xây dựng Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI*, đề nghị Chính phủ và các cơ quan, tổ chức hữu quan, trên cơ sở kết quả tổng kết thực hiện Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, căn cứ chủ trương, định hướng của Đảng được đề ra tại dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, Nghị quyết số 27-NQ/TW về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, các nghị quyết của Hội nghị Trung ương, nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nhu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật trong các lĩnh vực đáp ứng yêu cầu kiến tạo phát triển, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước, chủ động đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ lập pháp cần thực hiện trong nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI gửi Đảng đoàn Quốc hội, UBTVQH tổng hợp, xây dựng, trình cấp có thẩm quyền quyết định Định hướng chương trình lập pháp cho nhiệm kỳ tới.

(7) Đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục phát huy tốt hơn nữa vai trò là cơ quan tham mưu, giúp Chính phủ lập, theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện Chương trình; đổi mới, nâng cao chất lượng công tác thẩm định, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật của các dự án trình Chính phủ; kiểm soát chặt chẽ hồ sơ dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết bảo đảm chất lượng theo quy định; làm tốt nhiệm vụ đầu mối giúp Chính phủ đôn đốc, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15, Kế hoạch số 734/KH-UBTVQH15 và xây dựng Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI. Đồng thời, đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung văn bản có nội dung trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, sơ hở, bất cập, không còn phù hợp.

2.2. Đề nghị các cơ quan của Quốc hội được phân công chủ trì thẩm tra, giúp UBTVQH tiếp thu, chỉnh lý các dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết:

- Chủ động phối hợp chặt chẽ từ sớm với các Bộ, cơ quan chủ trì dự án ngay từ khâu lập đề nghị xây dựng văn bản và trong suốt quá trình soạn thảo cho đến khi văn bản được thông qua; tiếp tục đổi mới công tác tham vấn, khảo sát, lấy ý kiến và tiếp thu ý kiến, nắm bắt thực tiễn để nâng cao chất lượng, tính phản biện trong thẩm tra, tiếp thu, chỉnh lý dự án, dự thảo; thực hiện nghiêm Quy định số 178-QĐ/TW của Bộ Chính trị, kịp thời phát hiện và xử lý những quy định có dấu hiệu sơ hở, cài cắm “lợi ích nhóm”, lợi ích cục bộ, tiềm ẩn nguy cơ

tham nhũng, tiêu cực; tăng cường giám sát, bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa công tác xây dựng pháp luật với tổ chức thực hiện pháp luật.

- Báo cáo thẩm tra phải thể hiện rõ quan điểm và đề xuất phương án xử lý, đặc biệt là đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau trong các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết. Kiên quyết không thẩm tra đối với những dự án không đầy đủ hồ sơ hoặc hồ sơ gửi đến chậm so với quy định và báo cáo, kiến nghị UBTVQH không đưa vào chương trình phiên họp UBTVQH, chương trình kỳ họp Quốc hội.

- Trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý, đối với các vấn đề có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan thì phải chủ động báo cáo UBTVQH xem xét, cho ý kiến chỉ đạo. Rà soát kỹ các quy định trong dự án, dự thảo trước khi trình xem xét, thông qua, nhất là các nội dung giao quy định chi tiết, quy định về hiệu lực của văn bản, điều khoản chuyển tiếp, bảo đảm tính khả thi, tránh vướng mắc trong quá trình áp dụng.

2.3. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các hiệp hội ngành nghề, cộng đồng doanh nghiệp:

Theo chức năng, nhiệm vụ chủ động, tích cực thực hiện phản biện xã hội, tham gia đóng góp ý kiến hoàn thiện các dự án thuộc Chương trình, bảo đảm pháp luật được ban hành phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, nguyện vọng của cử tri và Nhân dân, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, có tính khả thi, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, hội nhập quốc tế, đưa đất nước tiếp tục phát triển nhanh, bền vững.

Trên đây là nội dung cơ bản của Nghị quyết số 129/2024/QH15 và một số yêu cầu trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình các tháng cuối năm 2024 và năm 2025, xin trân trọng Báo cáo Hội nghị./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Những nội dung cơ bản và yêu cầu tổ chức triển khai thực hiện Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Ban chấp hành Trung ương Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật

- Thường trực Ủy ban Tư pháp của Quốc hội-

Để tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng pháp luật theo chủ trương, đường lối của Đảng được đề ra trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, Bộ Chính trị đã giao Đảng đoàn Quốc hội chủ trì xây dựng dự thảo Quy định của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, Đảng đoàn Quốc hội đã phối hợp chặt chẽ với các Ban cán sự Đảng Chính phủ, Bộ Tư pháp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Nội chính Trung ương và các cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng dự thảo Quy định và trình Bộ Chính trị.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024, Bộ Chính trị đã ban hành Quy định số 178-QĐ/TW về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật (sau đây gọi là Quy định 178).

I. CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA QUY ĐỊNH

Quy định này có phạm vi điều chỉnh về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật và được áp dụng đối với cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật và tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Quy định gồm 04 chương và 18 điều, có nội dung chính quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung, trách nhiệm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. Cụ thể như sau:

1. Về nguyên tắc, phương thức kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật

Thứ nhất, trên cơ sở các chủ trương, quan điểm của Đảng được nêu trong văn kiện Đại hội XIII, Nghị quyết 27/NQ-TW và các văn bản khác có liên quan của Đảng, Quy định đã đề ra 05 nguyên tắc kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật như sau:

(1) Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện của Đảng.

(2) Kết hợp đồng bộ, chặt chẽ các cơ chế, biện pháp kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật, chủ động phòng ngừa là chính; kịp thời phát hiện ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm; bảo vệ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

(3) Đề cao trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức.

(4) Bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật; không làm cản trở sự chủ động, sáng tạo, công khai, minh bạch, dân chủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi trong công tác xây dựng pháp luật.

(5) Bảo đảm sự giám sát, phản biện, tham gia xây dựng pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, cơ quan báo chí, tổ chức xã hội khác và nhân dân theo quy định.

Thứ hai, cơ chế kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật bao gồm cơ chế kiểm soát quyền lực từ các cơ quan có thẩm quyền của Đảng đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật; giữa các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và trong nội bộ các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; từ Mặt trận Tổ quốc, nhân dân, báo chí đối với các cơ quan có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật, được thể hiện trong Quy định thông qua các phương thức kiểm soát quyền lực như sau:

- Hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, kỷ luật của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật.

- Hoạt động kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền thông qua việc thực hiện quy trình, thủ tục trong công tác xây dựng pháp luật.

- Hoạt động giám sát văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp; hoạt động kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, bộ, cơ quan ngang bộ, hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân.

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra nội bộ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật.

- Hoạt động giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận, tổ chức xã hội khác, cơ quan báo chí và Nhân dân.

- Hoạt động của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật trong công tác xây dựng pháp luật.

2. Nội dung, trách nhiệm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật

Để bảo đảm tính hiệu quả trong phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác này, Quy định đã làm rõ các khái niệm và các nhóm hành vi cụ thể về tham nhũng, lợi ích nhóm, cục bộ, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; đồng thời quy định rõ về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật:

Thứ nhất, các khái niệm tham nhũng, lợi ích nhóm, cục bộ, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, các hành vi tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật đã được quy định bảo đảm phù hợp với yêu cầu phòng, chống các hành vi này xảy ra trên thực tế theo đúng các quy định của Đảng; đồng thời bảo đảm phù hợp với đặc thù của hoạt động xây dựng pháp luật là hoạt động sáng tạo được thực hiện theo nguyên tắc công khai, minh bạch bao gồm nhiều bước, nhiều công đoạn với nhiều chủ thể tham gia; đáp ứng yêu cầu bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Cụ thể là:

+ *Tham nhũng trong công tác xây dựng pháp luật* là hành vi của người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật đã lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong công tác xây dựng pháp luật vì vụ lợi.

+ *Lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật* là hành vi tham nhũng của người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật cố ý lồng ghép, đưa vào hoặc không đưa vào trong văn bản quy phạm pháp luật các quy định với mục đích phục vụ, đáp ứng hoặc bảo vệ lợi ích riêng của một nhóm người hoặc lợi ích cục bộ của cơ quan, tổ chức, địa phương, doanh nghiệp mà lợi ích đó có tính chất không chính đáng, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước, lợi ích của Nhân dân.

+ *Tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật* là hành vi của người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật có suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, thực hiện không đúng chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy chế của cơ quan, điều lệ của tổ chức trong công tác xây dựng pháp luật.

+ Các nhóm hành vi tham nhũng, tiêu cực (bao gồm cả hành vi lợi ích nhóm, cục bộ) trong công tác xây dựng pháp luật bao gồm:

(1) Cố ý chủ trì ban hành hoặc tham mưu ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thể hiện lợi ích nhóm, cục bộ; cố ý trì hoãn việc đình chỉ, bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật vì mục đích lợi ích nhóm, cục bộ.

(2) Nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất hoặc các lợi ích khác dưới mọi hình thức để ban hành hoặc tác động đến cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật nhằm ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thể hiện lợi ích nhóm, cục bộ.

(3) Đưa hối lộ, môi giới hối lộ cho người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật nhằm ban hành văn bản quy phạm pháp luật có nội dung thể hiện lợi ích nhóm, cục bộ.

(4) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao trong công tác xây dựng pháp luật để định hướng truyền thông không bảo đảm khách quan và không đúng sự thật về nội dung chính sách trong công tác xây dựng pháp luật nhằm mục đích vì vụ lợi.

(5) Lạm quyền, cấu kết với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác để trục lợi trong công tác xây dựng pháp luật.

(6) Cố ý không chấp hành nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục trong công tác xây dựng pháp luật hoặc cố ý che giấu, báo cáo không trung thực với cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực tiễn, về nội dung ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc cố ý đưa những nội dung mới vào dự thảo văn bản khác với những chính sách hoặc nội dung đã được cấp có thẩm quyền thông qua mà không báo cáo cấp lãnh đạo có thẩm quyền dẫn đến văn bản quy phạm pháp luật không bảo đảm tính hợp hiến, tính hợp pháp hoặc tính thống nhất với hệ thống pháp luật hoặc có nhiều sơ hở và bị lợi dụng gây ra thiệt hại cho Nhà nước, tổ chức, cá nhân.

(7) Thiếu trách nhiệm, buông lỏng lãnh đạo, quản lý trong công tác xây dựng pháp luật; bao che, cố ý không báo cáo, không xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong cơ quan, tổ chức, địa phương do mình trực tiếp quản lý trong công tác xây dựng pháp luật.

(8) Sử dụng trái quy định tài chính, tài sản công, tài sản của tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đóng góp, tài trợ, viện trợ trong công tác xây dựng pháp luật.

(9) Móc nối, cấu kết với các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị nhằm tuyên truyền tư tưởng, quan điểm trái với chủ trương, quy định của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật; thu thập, chuyển giao cho nước ngoài hoặc tổ chức, cá nhân khác trái quy định của pháp luật các thông tin, tài liệu liên quan đến công tác xây dựng pháp luật; lợi dụng việc phản ánh, góp ý kiến, phản biện xã hội trong công tác xây dựng pháp luật để chống phá Đảng và Nhà nước.

(10) Các hành vi tham nhũng, lợi ích nhóm, cục bộ, tiêu cực khác trong công tác xây dựng pháp luật theo quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Thứ hai, quy định về trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, của cá nhân, tổ chức khác trong công tác xây dựng pháp luật. Trong đó, đã xác định cụ thể trách nhiệm của từng chủ thể trong công tác xây dựng pháp luật nhằm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật. Cụ thể như:

+ Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định về công tác xây dựng pháp luật; lãnh đạo, chỉ đạo thể chế hoá kịp thời, chính xác, đầy đủ chủ trương, quy định của Đảng thành pháp luật của Nhà nước.

+ Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định của Đảng về công tác xây dựng pháp luật.

+ Báo cáo xin ý kiến cơ quan có thẩm quyền của Đảng theo quy định tại Quy định này.

+ Lãnh đạo thực hiện các biện pháp phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.

+ Chỉ đạo xem xét, xử lý kịp thời khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có chứa nội dung trái pháp luật hoặc có lợi ích nhóm, cục bộ.

+ Tổ chức tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.

+ Lãnh đạo, chỉ đạo việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đánh giá cán bộ, công chức, viên chức làm công tác xây dựng pháp luật; miễn nhiệm, điều động hoặc chuyển đổi vị trí công tác đối với những người có năng lực chuyên môn không đáp ứng yêu cầu trong công tác xây dựng pháp luật.

+ Cung cấp thông tin, tài liệu và thực hiện yêu cầu của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra, giám sát, xử lý hành vi tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật.

+ Chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp trên về việc lãnh đạo cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền bảo đảm tiến độ, chất lượng, tuân thủ trình tự, thủ tục trong công tác xây dựng pháp luật; chịu trách nhiệm khi để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong công tác xây dựng pháp luật, trừ trường hợp được quy định loại trừ, miễn, giảm trách nhiệm theo quy định...

Riêng đối với tổ chức, cá nhân khác, Quy định nghiêm cấm đối tượng chịu sự tác động của văn bản quy phạm pháp luật và các tổ chức, cá nhân khác hối lộ, mua chuộc, lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc dùng uy tín, ảnh hưởng của bản thân để tác động, can thiệp, gây áp lực đến cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật nhằm có được lợi ích nhóm, cục bộ trong văn bản quy phạm pháp luật.

Thứ ba, để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng pháp luật, Quy định xác định trách nhiệm xin ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng về nội dung văn bản quy phạm pháp luật như sau:

+ Về nội dung xin ý kiến là các vấn đề lớn của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến 03 nội dung sau:

(1) Dự kiến những định hướng nội dung sửa đổi, bổ sung Hiến pháp, định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội, dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm;

(2) Quan điểm và nội dung về những vấn đề quan trọng liên quan đến thể chế chính trị, thể chế kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tổ chức bộ máy nhà nước, quyền con người, quyền công dân trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật;

(3) Quan điểm và nội dung về những vấn đề cơ bản còn có ý kiến khác nhau giữa các cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền liên quan đến đường lối, chủ trương, chính sách mới, quan trọng hoặc cơ chế, chính sách đặc thù theo Nghị quyết của Đảng trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

+ Về chủ thể xin ý kiến:

(1) Đối với dự án, dự thảo Hiến pháp, luật, pháp lệnh, nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội, dự kiến chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hằng năm, Đảng đoàn Quốc hội có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc trình Bộ Chính trị báo cáo xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đối với dự án, dự thảo nêu trên chưa trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nếu xét thấy cần thiết, các Ban cán sự đảng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đảng đoàn hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của cơ quan trung ương của tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc trình Bộ Chính trị báo cáo xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

(2) Ban cán sự đảng Chính phủ có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư đối với dự thảo nghị định quy định về các vấn đề cần thiết thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhưng chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật hoặc pháp lệnh. Đối với các dự thảo nghị định khác, nếu xét thấy cần thiết, Ban Cán sự đảng Chính phủ có trách nhiệm xin ý kiến Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư.

(3) Đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật khác (còn lại) tổ chức đảng hoặc lãnh đạo của cơ quan xây dựng, ban hành văn bản có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền theo phân cấp quản lý.

3. Về xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm phải bị xử lý nghiêm minh theo quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và quy định của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Trường hợp đã xử lý kỷ luật, nhưng xét thấy cần thiết thì cấp có thẩm quyền phải kiên quyết điều chuyển người vi phạm khỏi vị trí công tác đang đảm nhiệm, thay thế, cho thôi giữ chức, miễn nhiệm, từ chức, không bố trí công tác liên quan đến hoạt động xây dựng pháp luật.

Đối với việc xử lý trách nhiệm khi để xảy ra hành vi vi phạm tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, Quy định đã phân biệt rõ việc xử lý đối với tổ chức và đối với lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi vi phạm tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật, trường hợp loại trừ trách nhiệm, miễn hoặc giảm trách nhiệm đối với lãnh đạo cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, đơn vị.

II. VỀ VIỆC TRIỂN KHAI QUY ĐỊNH

Quy định 178 đã giao trách nhiệm cụ thể cho các cơ quan, tổ chức hữu quan trong tổ chức triển khai thực hiện Quy định. Trên cơ sở các quy định này, có thể khái quát các nhóm nhiệm vụ cần phải triển khai thực hiện như sau:

1. Về công tác tuyên truyền và triển khai thực hiện Quy định

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo nghiên cứu, phổ biến, quán triệt và tuyên truyền việc thực hiện Quy định này.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật lãnh đạo, chỉ đạo việc quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quy định này.

2. Về hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo đảm đồng bộ Quy định

- Đảng đoàn Quốc hội, các Ban cán sự đảng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chỉ đạo rà soát, ban hành, sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy định này; thường xuyên chỉ đạo rà soát, hệ thống hoá văn bản quy phạm pháp luật,

- Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện cơ chế tham gia ý kiến, phản biện xã hội trong công tác xây dựng pháp luật;

- Ban cán sự đảng Chính phủ chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương chỉ đạo các cơ quan có liên quan nghiên cứu, tham mưu hoàn thiện cơ chế về tổ chức bộ máy, cán bộ, chế độ, chính sách, kinh phí trong công tác xây dựng

pháp luật bảo đảm đúng, đầy đủ, kịp thời và đáp ứng yêu cầu hoàn thiện thể chế theo đúng chủ trương, quy định của Đảng.

3. Về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật

- Ủy ban Kiểm tra các cấp thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; xử lý kỷ luật theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật tập thể, cá nhân vi phạm.

- Đảng đoàn Quốc hội, các Ban cán sự đảng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình tăng cường công tác giám sát, kiểm tra công tác xây dựng pháp luật nhằm phát hiện sơ hở, bất cập có nguy cơ phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong văn bản quy phạm pháp luật để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung.

- Đảng ủy Công an Trung ương, Quân ủy Trung ương có trách nhiệm nắm, trao đổi tình hình về âm mưu, phương thức, thủ đoạn tác động chuyển hoá nội bộ thông qua hoạt động xây dựng pháp luật của các thế lực thù địch, phản động; phương thức, thủ đoạn tội phạm tham nhũng, hành vi tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ trong xây dựng pháp luật.

- Ban Dân vận Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý các trường hợp vi phạm được phát hiện qua giám sát và phản ánh của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan truyền thông, báo chí và Nhân dân.

- Cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền trong công tác xây dựng pháp luật có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các trách nhiệm, thẩm quyền kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật đã được nêu trong Quy định.

4. Về sơ kết, tổng kết Quy định

Quy định giao Ban Nội chính Trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy định này; định kỳ sơ kết, tổng kết báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Quy định 178 là văn bản của Đảng quy định về sự lãnh đạo, chỉ đạo, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng và trách nhiệm có liên quan của cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan trong công tác xây dựng pháp luật. Như vậy, so với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật có phạm vi điều chỉnh về nguyên tắc, thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm

pháp luật; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân trong việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật thì Quy định này không có sự trùng lặp và không thay thế Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật là văn bản của Nhà nước. Tuy nhiên, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật phải được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung để bảo đảm quán triệt các nội dung về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật được nêu trong Quy định này. Các trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật được quy định trong Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật cần phải bảo đảm sự kết hợp hài hòa, hợp lý, hiệu quả với sự lãnh đạo của Đảng được nêu trong Quy định 178. Với cách đặt vấn đề như vậy xin có một số kiến nghị như sau:

- Hiện nay, quá trình sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được xác định là nhiệm vụ lập pháp theo Kế hoạch 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quá trình nghiên cứu rà soát luật này cần phải quán triệt các nội dung đã được nêu trong Quy định 178.

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, tổ chức hữu quan có trách nhiệm soạn thảo, tham gia ý kiến, trình dự án, xem xét, thông qua các văn bản quy phạm pháp luật cần chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch để phổ biến, tuyên truyền và tổ chức thực hiện có hiệu quả Quy định này. Nội dung chương trình, kế hoạch cần thể hiện rõ trình tự, thủ tục thực hiện các công việc trong quá trình xây dựng pháp luật để bảo đảm cho các cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền thực hiện đầy đủ nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật và bảo đảm xin ý kiến cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền về những vấn đề lớn của dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo đúng Quy định 178. Đồng thời, theo nhiệm vụ, quyền hạn của mỗi cơ quan thì nội dung của chương trình, kế hoạch cũng cần thể hiện các nội dung về trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; công tác giám sát, kiểm tra công tác xây dựng pháp luật; việc nghiên cứu tham mưu hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật theo đúng yêu cầu của Quy định 178.

- Hiện nay, theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, hồ sơ của dự án văn bản quy phạm pháp luật phải đánh giá được việc thể chế hóa chủ trương, chính sách của Đảng trong dự thảo văn bản. Bên cạnh nội dung này, đề nghị nghiên cứu trong hồ sơ trình dự án văn bản quy phạm pháp luật cần thể hiện rõ nội dung các cấp ủy, tổ chức đảng đã thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung của Quy định 178 về sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

- Đối với nội dung xin ý kiến các vấn đề lớn của dự án, dự thảo luật, pháp lệnh, nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Đảng đoàn Quốc hội, các ban cán sự đảng Chính phủ, Tòa án

nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước, Đảng đoàn các tổ chức chính trị - xã hội cần tăng cường sự phối hợp, thống nhất các vấn đề lớn của dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và thời điểm xin ý kiến để trình xin ý kiến Bộ Chính trị./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Bàn về công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Đất đai

- Bộ Tài nguyên và Môi trường -

(Phát tại Hội nghị)

BÁO CÁO THAM LUẬN

Báo cáo về công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản

- Bộ Xây dựng -

Ngày 27/11/2024, Quốc hội thông qua Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025.

Ngày 29/6/2024, Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, trong đó sửa đổi, bổ sung hiệu lực thi hành của Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 từ ngày 01/8/2024.

Bộ Xây dựng báo cáo về tình hình triển khai thực hiện Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản như sau:

1. Về việc ban hành văn bản quy định chi tiết các Luật

Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản gồm 05 Nghị định³⁹, 01 Quyết định⁴⁰, 06 Thông tư⁴¹ và 11 nội dung Luật giao Ủy ban nhân dân hoặc trình Hội đồng nhân dân ban hành⁴². Bộ Xây dựng

³⁹ Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở 2023; Nghị định quy định cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; Nghị định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản 2023; Nghị định về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

⁴⁰ Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức nhà ở công vụ; Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở

⁴¹ **02** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng gồm: Thông tư quy định chi tiết một số điều Luật Nhà ở, Thông tư hướng dẫn về chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản; **02** thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết Luật Nhà ở thuộc phạm vi quản lý; **01** Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc sử dụng kinh phí để xây dựng, điều tra, thu thập thông tin, cập nhật, duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản...; **01** Thông tư của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc bảo lãnh trong bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai.

⁴² - Khoản 4 Điều 5 quy định cụ thể các địa điểm, vị trí phải phát triển nhà ở theo dự án.

- Điểm c khoản 3 Điều 57 quy định về điều kiện đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở của cá nhân.

- Khoản 1 Điều 77 quy định việc hỗ trợ giải quyết bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội cho đối tượng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 76 của Luật Nhà ở.

đã xây dựng các văn bản này đảm bảo đúng quy trình của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật⁴³.

- Đến nay, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 05 Nghị định và 01 Quyết định:

-
- Khoản 3 Điều 83 quy định tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại các đô thị không thuộc loại đặc biệt, loại I, loại II và loại III mà chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội hoặc bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại đô thị đó hoặc đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội.
 - Điểm g khoản 2 Điều 85 quy định ban hành cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn phù hợp với thẩm quyền và quy định khác của pháp luật có liên quan.
 - Khoản 3 Điều 87 quy định khung giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn;
 - Khoản 5 Điều 87 quy định khung giá thuê nhà ở xã hội do cá nhân tự đầu tư xây dựng.
 - Điều 99 quy định khung giá thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp.
 - Khoản 2 Điều 120 quy định về phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở tại địa phương để bảo đảm thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong hồ sơ nhà ở.
 - Điểm b khoản 7 Điều 151 ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư.
 - Khoản 6 Điều 31 Luật Kinh doanh bất động sản về việc xác định các khu vực chủ đầu tư dự án được chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật cho cá nhân tự xây dựng nhà ở.

⁴³ Thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập gồm đại diện của các Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, hiệp hội để xây dựng các dự thảo Nghị định (gồm các Quyết định số 02/QĐ-BXD ngày 02/01/2024; Quyết định số 34/QĐ-BXD ngày 15/01/2024; Quyết định số 117/QĐ-BXD ngày 19/2/2024).

- Đăng tải dự thảo Nghị định trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và Bộ Xây dựng để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân (Công văn số 739/BXD-QLN ngày 23/02/2024; số 749/BXD-QLN, số 750/BXD-QLN, 751/BXD-QLN ngày 23/02/2024, số 780/BXD-QLN ngày 26/02/2024).

- 02 lần gửi dự thảo lấy ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, các hiệp hội có liên quan và tiếp thu, giải trình các ý kiến tham gia góp ý cho dự thảo Nghị định (văn bản số 740/BXD-QLN, văn bản số 741/BXD-QLN ngày 23/2/2024, văn bản số 781/BXD-QLN và 782/BXD-QLN ngày 26/02/2024, Công văn số 1290/BXD-QLN và 1292/BXD-QLN ngày 26/3/2024).

- Hợp Ban soạn thảo, Tổ biên tập ngày 05/3/2024. Sau khi có ý kiến góp ý, Bộ Xây dựng đã tiếp thu chỉnh sửa dự thảo.

- Tổ chức hội thảo tại Hà Nội (ngày 15/3) và tại Thành phố Hồ Chí Minh (ngày 22/3) với đại diện các hiệp hội, các doanh nghiệp, các chuyên gia trong nước và nước ngoài, các đối tượng chịu tác động về các chính sách, nội dung của dự thảo Nghị định. Bộ Xây dựng cũng đã nghiên cứu, tiếp thu ý kiến góp ý để hoàn thiện dự thảo. Sau khi tổ chức các hội thảo thì điều chỉnh các phiên bản có chỉnh sửa sau khi tiếp thu các ý kiến góp ý. Riêng đối với Nghị định về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư, Bộ Xây dựng đã tổ chức thêm 02 cuộc họp (ngày 28/3 và ngày 2/4) tại 02 thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh với thành phần tham dự là đại diện lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố, đại diện các sở ngành liên quan và các quận, huyện có nhà chung cư cũ trên địa bàn để trực tiếp lắng nghe, tiếp thu ý kiến hoàn thiện dự thảo Nghị định.

Đối với Nghị định về nhà ở xã hội, Bộ Xây dựng đã làm việc riêng với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng về nhà ở cho lực lượng vũ trang là nội dung mới trong Luật và Nghị định.

- Đã tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ để đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; đánh giá tác động chính sách, đánh giá thủ tục hành chính đối với những chính sách quy định trong dự thảo Nghị định.

- Đã được Bộ Tư pháp thẩm định, lấy ý kiến TVCP, tiếp thu, giải trình ý kiến thành viên Chính phủ.

(1) Nghị định số 94/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản;

(2) Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở 2023;

(3) Nghị định số 96/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản 2023;

(4) Nghị định số 98/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở 2023 về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư;

(5) Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 25/7/2024 quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở 2023 về phát triển, quản lý nhà ở xã hội;

(6) Quyết định số 11/2024/QĐ-TTg ngày 24/7/2024 về tiêu chuẩn diện tích và định mức trang thiết bị nội thất nhà ở công vụ.

- Đối với các Thông tư do Bộ Xây dựng chủ trì, xây dựng và ban hành, Bộ Xây dựng đã thực hiện xây dựng, lấy ý kiến theo quy định của Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, theo đó Bộ Xây dựng đã ban hành:

(1) Thông tư số 04/2024/TT-BXD ngày 29/7/2024 hướng dẫn về chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản;

(2) Thông tư số 05/2024/TT-BXD ngày 29/7/2024 quy định chi tiết một số điều Luật Nhà ở.

- Đối với các nội dung 02 Luật giao Ủy ban nhân dân hoặc trình Hội đồng nhân dân ban hành, các địa phương đang tích cực triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và dự kiến cũng sẽ ban hành trước ngày 01/8/2024 để có hiệu lực đồng thời với Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản.

Bộ Xây dựng đã có văn bản số 837/BXD-QLN ngày 29/2/2024 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15. Ngày 26/5/2024, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có Công điện số 53/CD-TTg đôn đốc việc xây dựng các nội dung quy định chi tiết được giao trong Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản thuộc thẩm quyền ban hành của các Bộ trưởng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, theo đó, yêu cầu các địa phương hoàn thành trong tháng 6 năm 2024.

2. Về tình hình tuyên truyền, phổ biến pháp luật

a) Về tuyên truyền, phổ biến Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản

Ngay sau khi Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 được Quốc hội thông qua, Bộ Xây dựng đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến những nội dung mới của Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản thông qua các phương tiện thông tin đại chúng. Bộ Xây dựng đã phối hợp với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Báo Xây dựng, Báo Dân trí, Báo Diễn đàn Doanh nghiệp, các địa phương... để tổ chức phổ biến, tuyên truyền cho các đối tượng là doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan tại tỉnh Khánh Hòa, Thành phố Cần Thơ, Thành phố Hà Nội, Hải Phòng,...

b) Về tổ chức triển khai các quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15

Đến nay, các Nghị định của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành đã được ban hành, để tổ chức thực hiện ngay sau khi 02 Luật có hiệu lực, Bộ Xây dựng dự kiến tổ chức tuyên truyền, phổ biến như sau:

(1) Tổ chức 01 Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến với 63 địa phương để tuyên truyền, phổ biến Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và các văn bản quy định chi tiết 02 Luật: dự kiến đầu tháng 8/2024;

(2) Tổ chức 02 Hội nghị tại Miền Bắc, Miền Nam để tuyên truyền, phổ biến đến các địa phương, Hiệp hội, doanh nghiệp về 02 Luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết: Dự kiến cuối tháng 8/2024.

(3) Ngoài ra, Bộ Xây dựng sẽ phối hợp các địa phương, Hiệp hội để tổ chức các chuyên đề phổ biến chuyên sâu liên quan đến các nội dung của 02 Luật theo yêu cầu.

BỘ XÂY DỰNG

BÁO CÁO THAM LUẬN

Một số nội dung trọng tâm của Luật Đường bộ và chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành

- Bộ Giao thông vận tải-

Tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Đường bộ, Bộ Giao thông vận tải báo cáo một số nội dung trọng tâm của Luật Đường bộ và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành Luật.

Luật Đường bộ được xây dựng nhằm thể chế các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước trong việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đường bộ, phát triển vận tải đường bộ nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn; tạo cơ chế đột phá xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; xây dựng cơ chế, chính sách huy động, sử dụng các nguồn lực phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

Bên cạnh đó, việc xây dựng Luật Đường bộ đảm bảo kế thừa và tiếp tục phát triển các quy định còn phù hợp; sửa đổi, bổ sung để khắc phục những hạn chế, vướng mắc, bất cập của Luật Giao thông đường bộ năm 2008; tạo cơ chế huy động tối đa mọi nguồn lực để phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ, làm cơ sở tái cơ cấu các phương thức vận tải; nâng cao chất lượng dịch vụ, đảm bảo an toàn vận tải đường bộ; cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, bình đẳng; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đường bộ.

I. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA LUẬT ĐƯỜNG BỘ

Với mục đích, quan điểm xây dựng dự án Luật như đã nêu trên, Luật Đường bộ có một số nội dung trọng tâm sau:

Luật Đường bộ gồm 6 Chương, 86 Điều tập trung vào 3 đột phá chiến lược là thể chế chính sách, kết cấu hạ tầng, nguồn nhân lực; đồng thời, giải quyết các yêu cầu của thực tiễn với tầm nhìn chiến lược theo hướng thông minh hơn, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động đường bộ và tăng cường phân cấp, ủy quyền, cải cách thủ tục hành chính, cụ thể:

1. Chương I. Quy định chung gồm 07 Điều (từ Điều 1 đến Điều 7).

So với Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật thay đổi phạm vi điều chỉnh; bổ sung các chính sách phát triển đối với hoạt động đường bộ trên cơ sở

các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; quy định về cơ sở dữ liệu đường bộ.

2. Chương II. Kết cấu hạ tầng đường bộ gồm 36 Điều (từ Điều 8 đến Điều 43)

So với Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật có các điểm mới như sau:

Luật đã xây dựng cơ chế nhằm đẩy mạnh việc huy động nguồn lực xã hội để đầu tư xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ trong đó ưu tiên phát triển các tuyến đường cao tốc, các công trình trọng điểm kết nối vùng, khu vực quy định tại khoản 1 Điều 4 thông qua các chính sách mang tính xuyên suốt, đồng bộ, thống nhất tại các Điều 8, Điều 28, Điều 37 của Luật về phân loại đường bộ theo cấp quản lý, đầu tư xây dựng công trình thuộc kết cấu hạ tầng đường bộ và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ đảm bảo giải quyết các vấn đề bất cập liên quan đến nguồn lực một cách tổng thể. Theo đó, với nguyên tắc phân loại đường bộ theo cấp quản lý (Điều 8), các chủ thể như Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sẽ có trách nhiệm đầu tư, xây dựng (Điều 28), quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ (Điều 37) gắn với thẩm quyền quản lý các loại đường bộ đã được xác định tại Điều 8.

Các quy định này đảm bảo làm rõ và gắn trách nhiệm của các cấp chính quyền trong việc đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; cho phép phân cấp, phân quyền một cách rõ ràng thông qua việc quy định Bộ Giao thông vận tải có trách nhiệm quản lý, đầu tư, xây dựng, vận hành khai, thác bảo trì quốc lộ; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý đầu tư, xây dựng, vận hành khai, thác bảo trì hệ thống đường địa phương và một số tuyến, đoạn tuyến Quốc lộ. Quy định này cũng có ý nghĩa xác định rõ trách nhiệm đầu tư theo thẩm quyền quản lý các loại đường của từng chủ thể, đồng thời gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư của ngân sách trung ương và địa phương trong Luật Ngân sách tạo sự đồng bộ thống nhất trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm giải quyết các vướng mắc trong thực tiễn khi cần xác định chủ thể có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chi đầu tư đối với các dự án công trình đường bộ.

- Bổ sung quy định nguyên tắc về việc bố trí quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông, tỉ lệ đất dành cho giao thông tại đô thị, trong đó có quy định về tỷ lệ quỹ đất đối với các đô thị có yếu tố đặc thù theo quy định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; làm rõ quy định về phân đất để bảo vệ, bảo trì công trình đường bộ; hành lang an toàn đường bộ; phạm vi bảo vệ trên không và phía dưới đường bộ;

- Bổ sung quy định về yêu cầu, vị trí xây dựng, lắp đặt biển quảng cáo; yêu cầu, trách nhiệm của các chủ thể khi xây dựng, lắp đặt công trình khác trong

phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; yêu cầu, trách nhiệm của các chủ thể khi xây dựng, khai thác công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Bổ sung quy định về công trình an toàn giao thông; quy định tổ giao thông; phân định rõ tốc độ thiết kế của đường, tốc độ khai thác trên đường bộ; trách nhiệm đầu tư xây dựng công trình đường bộ; các trường hợp kết nối giao thông; bổ sung trách nhiệm quản lý, vận hành khai thác, sử dụng và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

- Bổ sung quy định quy định trạm dừng nghỉ, bến xe phải có hệ thống sạc điện cho phương tiện giao thông cơ giới sử dụng năng lượng điện; về giao thông thông minh; quy định thu phí sử dụng đường cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên tuyến đường cao tốc do Nhà nước đầu tư, sở hữu, quản lý và khai thác; quy định về thanh toán điện tử giao thông cho phép thanh toán các loại phí, giá, tiền dịch vụ liên quan đến hoạt động giao thông của phương tiện giao thông đường bộ thông qua tài khoản giao thông.

3. Chương III. Đường bộ cao tốc gồm 12 Điều (từ Điều 44 đến Điều 55).

Đây là 01 Chương mới và đặc biệt quan trọng quy định cơ chế chính sách đột phá chiến lược về đường cao tốc, tháo gỡ các vướng mắc trong việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách để nâng cấp các tuyến cao tốc trong giai đoạn phân kỳ theo quy mô quy hoạch, tạo hành lang pháp lý để đạt được mục tiêu đến năm 2030, cả nước có 5.000 km đường cao tốc. So với Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật có các điểm mới như sau:

- Bổ sung quy định làm rõ đường bộ cao tốc; tiêu chuẩn, quy chuẩn và ứng dụng khoa học công nghệ trong thiết kế, xây dựng, quản lý, vận hành khai thác đường cao tốc; các chính sách phát triển, đầu tư, xây dựng đường cao tốc.

- Bổ sung quy định việc mở rộng, cải tạo, nâng cấp, hiện đại hóa đối với các dự án đường cao tốc; quản lý, vận hành khai thác và bảo trì đường cao tốc;

- Bổ sung quy định về tạm dừng khai thác đường cao tốc; trạm dừng nghỉ, điểm dừng, đỗ xe trên đường cao tốc; Trung tâm quản lý, điều hành giao thông tuyến; thông tin trên đường cao tốc.

Trong đó, một trong những nội dung quan trọng nhằm tháo gỡ các vướng mắc trên thực tế khi triển khai các dự án đầu tư cao tốc theo phương thức PPP là việc Luật đã quy định để làm rõ dự án đầu tư cao tốc theo phương thức PPP sẽ không phải tính giá trị tài sản kết cấu hạ tầng đường bộ hiện hữu vào tỷ lệ góp vốn của Nhà nước, bảo đảm nguyên tắc kiểm soát vốn nhà nước tham gia trong dự án, việc tính toán phương án tài chính để hoàn vốn đầu tư chỉ thực hiện đối với giá trị cải tạo, mở rộng, nâng cấp. Như vậy, việc mở rộng, cải tạo đường cao tốc và thu phí bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ.

4. Chương IV. Vận tải đường bộ gồm 25 Điều (từ Điều 56 đến Điều 80).

So với Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật có các điểm mới như sau:

- Bổ sung các quy định về hoạt động vận tải đường bộ, hoạt động vận tải đường bộ trong nước, hoạt động vận tải đường bộ quốc tế; làm rõ hoạt động kinh doanh vận tải và hoạt động vận tải nội bộ để có những điều tiết phù hợp giữa 02 loại hình này, đảm bảo công bằng, minh bạch, bảo đảm an toàn trong hoạt động vận tải đường bộ; sắp xếp lại các loại hình kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

- Bổ sung quy định về hoạt động vận chuyển bệnh nhân bằng xe cứu thương; hoạt động vận tải đưa đón học sinh bằng xe ô tô; dịch vụ cho thuê phương tiện; dịch vụ cứu hộ giao thông đường bộ; ứng dụng phần mềm hỗ trợ kết nối vận tải bằng xe ô tô.

đ) Chương V. Quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ gồm 03 điều (từ Điều 81 đến Điều 83). So với Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động đường bộ trên cơ sở phạm vi điều chỉnh của Luật.

e) Chương VI. Điều khoản thi hành gồm 03 Điều (Điều 84 đến Điều 86). So với Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật bổ sung mới 1 điều sửa đổi, bổ sung Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH1; sửa đổi một số nội dung của Luật PPP, Luật Điện lực; quy định chuyển tiếp để đảm bảo tính khả thi của Luật.

II. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI ĐỐI VỚI LUẬT ĐƯỜNG BỘ

Để đảm bảo kịp thời triển khai Luật Đường bộ có hiệu lực từ ngày 01/1/2025 và điểm a, điểm b khoản 2 Điều 42, Điều 43, Điều 50, khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ có hiệu lực từ ngày 01/10/2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt, sát sao trong quá trình thực hiện Luật, theo đó tập trung vào các nhóm nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Khẩn trương tập trung triển khai rà soát, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết Luật Đường bộ, dự kiến Bộ Giao thông vận tải chủ trì xây dựng 4 Nghị định và 8 Thông tư để đảm bảo việc triển khai thi hành Luật.

Đặc biệt để chuẩn bị triển khai các điểm a, điểm b khoản 2 Điều 42, Điều 43, Điều 50, khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ có hiệu lực từ ngày 01/10/2024 (triển khai thu phí đường cao tốc do Nhà nước đầu tư, quản lý, đại diện sở hữu), Bộ Giao thông vận tải đã đề xuất Thủ tướng Chính phủ giao xây dựng 02 Nghị định, 01 Thông tư theo trình tự, thủ tục rút gọn và có hiệu lực đồng thời từ ngày 01/10/2024, bao gồm:

- Nghị định của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên đường bộ cao tốc do Nhà nước đầu tư, đại diện chủ sở hữu, trực tiếp quản lý và khai thác: *dự kiến trình Chính phủ trước 15/8/2024*;

- Nghị định quy định về thanh toán điện tử giao thông: *dự kiến trình Chính phủ trước 15/8/2024*;

- Thông tư quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ: *dự kiến trình ban hành trước ngày 15/9/2024*.

b) Tập trung rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Đường bộ để đề xuất sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật.

c) Tăng cường tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đối với Luật Đường bộ với đa dạng hình thức như: tổ chức hội thảo, hội nghị, biên soạn tài liệu, ... phục vụ tuyên truyền, phổ biến Luật Đường bộ và các văn bản quy định chi tiết Luật Đường bộ thực sự đi vào cuộc sống.

d) Quan tâm phát triển nguồn nhân lực xây dựng pháp luật, hiện đại hóa phương thức, phương tiện tổ chức thực hiện pháp luật; củng cố, kiện toàn các tổ chức pháp chế, bộ máy tổ chức thi hành pháp luật, nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Có cơ chế thích hợp bảo đảm và tăng cường nguồn lực đầu tư, đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng hiệu quả kinh phí xây dựng và thi hành pháp luật.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Có thể thấy số lượng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đường bộ tương đối lớn và thời hạn phải trình Chính phủ, Bộ trưởng ban hành các văn bản này trong thời gian ngắn, đặc biệt là đối với văn bản quy định chi tiết các điểm a, điểm b khoản 2 Điều 42, Điều 43, Điều 50, khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ (có hiệu lực từ ngày 01/10/2024) để triển khai thu phí đường cao tốc do Nhà nước đầu tư, trực tiếp quản lý, đại diện sở hữu. Do vậy, Bộ Giao thông vận tải đã và đang đang khẩn trương, gấp rút tập trung mọi nguồn lực xây dựng các văn bản này để đảm bảo các văn bản kịp thời có hiệu lực đồng thời từ ngày 01/10/2024, tránh tình trạng khoảng trống pháp lý.

Để đảm bảo đáp ứng tiến độ xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành Luật, Bộ Giao thông vận tải đề nghị các Bộ ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ trong quá trình tham gia ý kiến, thẩm định để đảm bảo chất lượng, tính đồng bộ, thống nhất và khả thi của hệ thống pháp luật./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Công tác triển khai thi hành Luật Các tổ chức tín dụng

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam -

(Phát tại Hội nghị)

BÁO CÁO THAM LUẬN

Một số nội dung mới trọng tâm của Luật Bảo hiểm xã hội

- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội -

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và triển khai Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan nghiên cứu, xây dựng trình Chính phủ, trình Quốc hội dự án Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi).

Ngày 29/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 (*sau đây gọi tắt là Luật BHXH năm 2024*) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025 thay thế Luật Bảo hiểm xã hội số 58/2014/QH13. Luật BHXH năm 2024 gồm 11 chương, 141 điều (tăng 2 chương và 16 điều so với Luật BHXH hiện hành). Với mục tiêu đặt ra khi xây dựng luật là (i) Bảo đảm an sinh xã hội theo quy định của Hiến pháp; thể chế hóa quan điểm, đường lối, nội dung cải cách trong Nghị quyết số 28-NQ/TW và các văn kiện, nghị quyết có liên quan; (ii) Sửa đổi căn bản các vướng mắc, bất cập từ thực tiễn; (iii) Mở rộng, gia tăng quyền, lợi ích để thu hút người lao động tham gia BHXH. Luật BHXH năm 2024 có những số điểm mới trọng tâm như sau:

1. Bổ sung trợ cấp hưu trí xã hội để hình thành hệ thống BHXH đa tầng

Trợ cấp hưu trí xã hội theo quy định của Luật BHXH năm 2024 là loại hình BHXH do ngân sách nhà nước bảo đảm, được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát triển một phần từ quy định về trợ cấp xã hội hằng tháng đối với người cao tuổi, trong đó quy định:

(i) Giảm độ tuổi được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội so với quy định hiện hành, cụ thể:

Công dân Việt Nam từ đủ 75 tuổi mà không hưởng lương hưu hoặc trợ cấp BHXH hằng tháng thì được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

Công dân Việt Nam từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và đáp ứng đủ điều kiện thì được hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

(ii) Người vừa đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội vừa thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng thì được hưởng chế độ trợ cấp cao hơn.

(iii) Được ngân sách nhà nước đóng bảo hiểm y tế khi đang hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, khi chết thì tổ chức, cá nhân lo mai táng được nhận hỗ trợ chi phí mai táng theo quy định của pháp luật về người cao tuổi.

(iv) *Xem xét điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội và mức trợ cấp hưu trí xã hội:*

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh giảm dần độ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội trên cơ sở đề nghị của Chính phủ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và khả năng của ngân sách nhà nước từng thời kỳ.

Định kỳ 03 năm, Chính phủ thực hiện rà soát, xem xét việc điều chỉnh mức trợ cấp hưu trí xã hội.

Tùy theo điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách, huy động các nguồn lực xã hội, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hỗ trợ thêm cho người hưởng trợ cấp hưu trí xã hội.

2. Bổ sung quy định nhằm gia tăng sự liên kết giữa tầng trợ cấp hưu trí xã hội và BHXH cơ bản

Bổ sung chế độ trợ cấp hằng tháng đối với người lao động không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội, cụ thể:

(i) Công dân Việt Nam đủ tuổi nghỉ hưu nhưng không đủ thời gian đóng để hưởng lương hưu và chưa đủ điều kiện hưởng trợ cấp hưu trí xã hội nếu không hưởng bảo hiểm xã hội một lần và không bảo lưu mà có yêu cầu thì được hưởng trợ cấp hằng tháng từ chính khoản đóng của mình. Thời gian hưởng, mức hưởng trợ cấp hằng tháng được xác định căn cứ vào thời gian đóng, căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của người lao động. Mức trợ cấp hằng tháng thấp nhất bằng mức trợ cấp hưu trí xã hội.

(ii) Mức trợ cấp hằng tháng được điều chỉnh khi Chính phủ thực hiện điều chỉnh lương hưu, trợ cấp BHXH hằng tháng.

(iii) Trong thời gian hưởng trợ cấp hằng tháng thì được ngân sách nhà nước đóng BHYT; khi chết thì thân nhân được hưởng trợ cấp một lần cho những tháng chưa nhận và được hưởng trợ cấp mai táng nếu đủ điều kiện theo quy định.

3. Mở rộng đối tượng được tham gia và thụ hưởng đầy đủ các chế độ BHXH bằng việc mở rộng đối tượng tham gia BHXH bắt buộc đối với chủ hộ kinh doanh của hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh; Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Người lao động làm việc không trọn thời gian; Người quản lý doanh nghiệp, kiểm soát viên, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã không hưởng tiền lương.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với đối tượng khác mà có việc làm, thu nhập ổn định, thường xuyên trên cơ sở đề xuất của Chính phủ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng thời kỳ.

4. Bổ sung quyền thụ hưởng chế độ ốm đau, thai sản đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thay vì chỉ hưởng hai chế độ là hưu trí và tử tuất như Luật hiện hành.

5. Bổ sung chế độ thai sản vào chính sách BHXH tự nguyện

Người tham gia BHXH tự nguyện đáp ứng đủ điều kiện theo quy định được hưởng trợ cấp thai sản với mức là 02 triệu đồng cho mỗi con mới sinh do ngân sách nhà nước bảo đảm, người lao động không phải đóng thêm so với quy định hiện hành.

Lao động nữ là người dân tộc thiểu số hoặc lao động nữ là người dân tộc Kinh có chồng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo khi sinh con ngoài chế độ thai sản theo quy định của Luật BHXH vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ khác theo quy định của Chính phủ.

6. Gia tăng cơ hội được hưởng lương hưu của người tham gia BHXH thông qua việc giảm điều kiện về số năm đóng BHXH tối thiểu để được hưởng lương hưu từ 20 năm xuống 15 năm.

7. Bổ sung quy định nhằm gia tăng quyền lợi, tăng tính hấp dẫn, khuyến khích người lao động bảo lưu thời gian đóng để hưởng lương hưu thay vì nhận BHXH một lần

Người lao động đã chấm dứt tham gia BHXH mà có đề nghị thì được hưởng BHXH một lần nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) Đủ tuổi hưởng lương hưu mà chưa đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội; (ii) Ra nước ngoài để định cư; (iii) Người đang mắc một trong những bệnh ung thư, bại liệt, xơ gan mất bù, lao nặng, AIDS; (iv) Người có mức suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; người khuyết tật đặc biệt nặng; (v) Người lao động có thời gian đóng BHXH trước 1/7/2025, sau 12 tháng không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc mà cũng không tham gia BHXH tự nguyện và có thời gian đóng BHXH chưa đủ 20 năm; (vi) Đối tượng thuộc lực lượng vũ trang khi phục viên, xuất ngũ, thôi việc không thuộc đối tượng tham gia BHXH bắt buộc mà cũng không tham gia BHXH tự nguyện và không đủ điều kiện để hưởng lương hưu.

Người lao động không hưởng BHXH một lần mà bảo lưu thời gian đóng để tiếp tục tham gia thì có cơ hội được thụ hưởng các quyền lợi cao hơn như: (i) Khi tiếp tục tham gia được hưởng các chế độ với mức hưởng cao hơn do các chế độ đều tính theo thời gian đóng (ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp,...); (ii) Được hưởng lương hưu với điều kiện dễ dàng hơn; (iii) trong thời gian

hưởng lương hưu được quỹ BHXH đóng BHYT; (iv) Được hưởng trợ cấp hàng tháng khi không đủ điều kiện hưởng lương hưu và chưa đủ tuổi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội; (v) trong thời gian hưởng trợ cấp hàng tháng thì được ngân sách nhà nước đóng BHYT. Ngoài ra, người lao động còn có cơ hội được hưởng chính sách hỗ trợ về tín dụng cho người lao động có thời gian đóng BHXH mà bị mất việc làm.

8. Đảm bảo tốt hơn quyền tham gia và thụ hưởng BHXH đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài và người lao động nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam thông qua việc bổ sung quy định trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định về thời gian tham gia BHXH của người lao động ở Việt Nam và ở nước ngoài được tính để xét điều kiện hưởng chế độ BHXH.

9. Nâng cao hiệu quả đầu tư quỹ BHXH, tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng quỹ BHXH thông qua việc mở rộng danh mục và phương thức đầu tư quỹ BHXH như: (i) Đầu tư quỹ BHXH tại thị trường quốc tế là trái phiếu Chính phủ; (ii) Ủy thác đầu tư tại thị trường trong nước, thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, (iii) bổ sung quy định quản lý hoạt động đầu tư quỹ BHXH; (iv) bổ sung quy định việc duyệt, thẩm định, phê chuẩn quyết toán chi tổ chức và hoạt động BHXH và (v) Kiện toàn và nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản lý BHXH.

10. Bổ sung một chương quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung, trong đó quy định về đối tượng, nguyên tắc, quỹ bảo hiểm hưu trí bổ sung và chính sách của nhà nước đối với bảo hiểm hưu trí bổ sung, tạo điều kiện cho người sử dụng lao động và người lao động có thêm sự lựa chọn tham gia đóng góp để được hưởng mức lương hưu cao hơn.

11. Quy định cụ thể về “mức tham chiếu” thay cho “mức lương cơ sở” và bổ sung quy định giao Chính phủ trình Quốc hội xem xét điều chỉnh một số quy định liên quan đến căn cứ đóng BHXH bắt buộc, cách tính mức bình quân tiền lương làm căn cứ tính lương hưu, trợ cấp BHXH và điều chỉnh tiền lương làm căn cứ đóng BHXH bắt buộc khi Nhà nước áp dụng chế độ tiền lương mới theo vị trí việc làm, chức danh và chức vụ lãnh đạo thay thế cho hệ thống bảng lương hiện hành.

12. Tăng cường tính tuân thủ pháp luật, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động bằng việc dành riêng 01 chương để quy định quản lý thu, đóng BHXH; làm rõ nội hàm và việc xử lý hành vi chậm đóng và hành vi trốn đóng BHXH. Bổ sung quy định trách nhiệm của cơ quan BHXH và các cơ quan có liên quan trong việc xác định và theo dõi đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, đôn đốc thực hiện trách nhiệm đóng BHXH bắt buộc. Quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính

sách BHXH, phát triển đối tượng tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện và chậm đóng BHXH bắt buộc, trốn đóng BHXH bắt buộc trong phạm vi địa phương.

13. Tạo điều kiện thuận lợi cho người tham gia và thụ hưởng quyền lợi BHXH thông qua việc bổ sung quy định giao dịch điện tử trong lĩnh vực BHXH; điều chỉnh, cắt giảm, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục thực hiện BHXH; bổ sung quy định về đánh giá sự hài lòng của người dân đối với việc tổ chức thực hiện chính sách, chế độ BHXH.

14. Sửa đổi, bổ sung quy định của các chế độ BHXH phù hợp hơn với thực tiễn, đảm bảo tốt hơn quyền lợi của người lao động: Luật BHXH năm 2024 đã kế thừa, phát triển những quy định hiện hành phù hợp đã được kiểm nghiệm trong thực tiễn, sửa đổi các quy định chưa phù hợp, bảo đảm tính khả thi, dài hạn, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật. Có thể kể ra một số quy định cụ thể như: bổ sung quy định về hưởng chế độ ốm đau đối với trường hợp nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau không trọn ngày; người lao động được quỹ BHXH đóng BHYT trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ ốm đau từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng; sửa đổi quy định thời gian hưởng chế độ ốm đau đối với người lao động nghỉ việc do mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày thống nhất tính theo năm; bổ sung điều kiện hưởng chế độ thai sản khi sinh con đối với trường hợp phải nghỉ việc để điều trị vô sinh; trường hợp lao động nữ mang thai từ đủ 22 tuần tuổi trở lên đủ điều kiện quy định mà bị sảy thai, phá thai, thai chết trong tử cung, thai chết trong khi chuyển dạ thì lao động nữ và người chồng được nghỉ việc hưởng chế độ thai sản như trường hợp lao động nữ sinh con; được quỹ BHXH đóng BHYT trong thời gian nghỉ việc hưởng chế độ thai sản từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng;...

Tóm lại, Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 đã được Quốc hội thông qua và sẽ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025. Ngay sau khi Luật BHXH năm 2024 được Quốc hội thông qua, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đã phối hợp với Bộ Tư pháp xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ dự thảo Quyết định ban hành Danh mục và phân công cơ quan soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7; biên soạn các tài liệu giới thiệu Luật BHXH năm 2024. Trong thời gian tới, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tiếp tục phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan để rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật BHXH thuộc lĩnh vực quản lý để ban hành theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ bảo đảm sự phù hợp và kịp thời triển khai khi Luật BHXH năm 2024 có hiệu lực thi hành.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các bộ, ngành và các địa phương trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động xây dựng kế

hoạch triển khai thi hành Luật BHXH năm 2024, trong đó trước mắt tập trung các hoạt động: (i) rà soát các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban hành, bảo đảm sự phù hợp và kịp thời triển khai khi Luật BHXH năm 2024 có hiệu lực thi hành; (ii) Tuyên truyền, phổ biến và tập huấn về những nội dung mới của Luật BHXH năm 2024 đến rộng rãi người dân, doanh nghiệp./

BÁO CÁO THAM LUẬN

Một số nội dung trọng tâm của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành - Đề xuất, kiến nghị

- Bộ Công an -

Ngày 27/6/2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025. Luật có 9 chương, 89 điều.

1. Nội dung trọng tâm của Luật

1.1. Chương I (Những quy định chung)

- Quy định trọng tâm của chính sách của Nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, gồm:

Bảo đảm ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị hiện đại, các điều kiện bảo đảm và nâng cao năng lực thực thi nhiệm vụ của lực lượng trực tiếp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Huy động, sử dụng các nguồn lực để bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Bố trí tương ứng từ các khoản thu tiền xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và tiền đấu giá biển số xe sau khi nộp vào ngân sách nhà nước để tăng cường, hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện, thiết bị, phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông theo quy định của Chính phủ.

Hiện đại hoá các trung tâm chỉ huy giao thông; bảo đảm kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ giữa các cơ quan nhà nước có liên quan.

Phát triển phương tiện giao thông đường bộ đồng bộ với phát triển kết cấu hạ tầng đường bộ, điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của người dân; nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp phương tiện giao thông đường bộ bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, phù hợp với xu hướng phát triển công nghệ đối với phương tiện giao thông trên thế giới; ưu tiên phát triển phương tiện vận tải công cộng, hạn chế sử dụng phương tiện giao thông cá nhân tham gia giao thông tại các đô thị lớn; ưu tiên chuyển đổi phương tiện sử dụng nhiên liệu hóa thạch sang phương tiện sử dụng điện, năng lượng xanh, thân thiện môi trường, hạ tầng cung cấp năng lượng sạch.

- Quy định giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ cho trẻ em, học sinh, trong đó giao lực lượng Cảnh sát giao thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý trường trung học phổ thông,

cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức hướng dẫn kỹ năng lái xe gắn máy an toàn cho học sinh tại cơ sở giáo dục đó.

Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, tích hợp, lồng ghép kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ vào chương trình giảng dạy trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục nghề nghiệp phù hợp với từng cấp học, ngành học.

- Quy định cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ là cơ sở dữ liệu dùng chung; được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu về đường bộ và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.

- Tiếp tục kế thừa các hành vi bị nghiêm cấm từ Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm phù hợp với thực tiễn tình hình bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trong thời gian qua, trong đó quy định cấm điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn; cấm lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, những nhiễu, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; cấm lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp của bản thân hoặc người khác để vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ hoặc can thiệp, tác động vào quá trình xử lý vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

1.2. Chương II (Quy tắc giao thông đường bộ)

Tiếp tục kế thừa các quy tắc giao thông đường bộ của Luật Giao thông đường bộ 2008 đồng thời bổ sung các nội dung mới cho phù hợp với tình hình thực tiễn, gồm:

- Quy định khi chở trẻ em dưới 10 tuổi và chiều cao dưới 1,35 mét trên xe ô tô không được cho trẻ em ngồi cùng hàng ghế với người lái xe, trừ loại xe ô tô chỉ có một hàng ghế; người lái xe phải sử dụng, hướng dẫn sử dụng thiết bị an toàn phù hợp cho trẻ em.

- Quy định cụ thể quy tắc tham gia giao thông trên đường cao tốc.

- Bổ sung đối tượng xe chữa cháy của các lực lượng khác được huy động đi làm nhiệm vụ chữa cháy; xe của lực lượng kiểm sát đi làm nhiệm vụ khẩn cấp là xe ưu tiên.

- Quy định cụ thể hàng hóa xếp trên xe thô sơ phải bảo đảm an toàn, không gây cản trở giao thông và che khuất tầm nhìn của người điều khiển. Hàng hóa xếp trên xe không vượt quá 1/3 chiều dài thân xe và không vượt quá 01 mét phía

trước và phía sau xe; không vượt quá 0,4 mét mỗi bên bánh xe; xe mô tô, xe gắn máy không được xếp hàng hóa vượt quá chiều rộng giá đèo hàng về mỗi bên 0,3 mét, vượt quá về phía sau giá đèo hàng 0,5 mét theo thiết kế của nhà sản xuất; chiều cao xếp hàng hóa tính từ mặt đường xe chạy không vượt quá 02 mét.

1.3. Chương III (Phương tiện tham gia giao thông đường bộ)

- Bổ sung và quy định cụ thể phân loại phương tiện giao thông đường bộ, bổ sung phương tiện giao thông thông minh; quy định về biển số xe, phân loại biển số xe; đấu giá biển số xe, quyền và nghĩa vụ người trúng đấu giá biển số xe.

- Quy định tổ chức, cá nhân vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ mà chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ thì chưa được giải quyết việc đăng ký, đăng kiểm phương tiện vi phạm.

- Bổ sung quy định việc kiểm định khí thải đối với xe mô tô, xe gắn máy. Việc kiểm định khí thải thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường được thực hiện tại các cơ sở kiểm định khí thải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (Điều 102 (Xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường) Luật Bảo vệ môi trường quy định trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trình Thủ tướng Chính phủ ban hành lộ trình áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải của phương tiện giao thông cơ giới đường bộ lưu hành ở Việt Nam).

- Quy định xe ô tô kinh doanh vận tải chở trẻ em mầm non, học sinh phải có thiết bị ghi nhận hình ảnh trẻ em mầm non, học sinh và thiết bị có chức năng cảnh báo, chống bỏ quên trẻ em trên xe; có niên hạn sử dụng không quá 20 năm; có màu sơn theo quy định của Chính phủ. Xe ô tô chở trẻ em mầm non hoặc học sinh tiểu học phải có dây đai an toàn phù hợp với lứa tuổi hoặc sử dụng xe có ghế ngồi phù hợp với lứa tuổi theo quy định của pháp luật. Khi đưa đón trẻ em mầm non, học sinh tiểu học phải bố trí tối thiểu 01 người quản lý trên mỗi xe ô tô để hướng dẫn, giám sát, duy trì trật tự và bảo đảm an toàn cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học trong suốt chuyến đi. Trường hợp xe từ 29 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) mà chở từ 27 trẻ em mầm non và học sinh tiểu học trở lên phải bố trí tối thiểu 02 người quản lý trên mỗi xe ô tô. Người quản lý, người lái xe có trách nhiệm kiểm tra trẻ em mầm non, học sinh tiểu học khi xuống xe; không được để trẻ em mầm non, học sinh tiểu học trên xe khi người quản lý và người lái xe đã rời xe. Lái xe ô tô đưa đón trẻ em mầm non, học sinh phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm lái xe vận tải hành khách. Xe đưa đón trẻ em mầm non, học sinh được ưu tiên trong tổ chức phân luồng, điều tiết giao thông, bố trí nơi dừng xe, đỗ xe tại khu vực trường học và tại các điểm trên lộ trình đưa đón trẻ em mầm non, học sinh.

- Quy định xe ô tô kinh doanh vận tải phải lắp thiết bị giám sát hành trình.

Xe ô tô chở người từ 08 chỗ trở lên (không kể chỗ của người lái xe) kinh doanh vận tải, xe ô tô đầu kéo, xe cứu thương, xe cứu hộ giao thông phải lắp thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe và giao Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; quy định việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ, thiết bị thông minh hỗ trợ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ; quy định việc quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; quy định việc trang bị, lắp đặt, quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới.

1.4. Chương IV (Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ)

- Quy định trường hợp các loại giấy tờ của người lái xe đã được tích hợp vào tài khoản định danh điện tử và quy định việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử.

- Quy định phân hạng giấy phép lái xe theo Công ước Viên về giao thông đường bộ để tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế, du lịch và đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam.

- Quy định điểm của giấy phép lái xe, trong đó điểm của giấy phép lái xe được dùng để quản lý việc chấp hành pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của người lái xe trên hệ thống cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, bao gồm 12 điểm. Số điểm trừ mỗi lần vi phạm tùy thuộc tính chất, mức độ của hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Dữ liệu về điểm trừ giấy phép lái xe của người vi phạm sẽ được cập nhật vào hệ thống cơ sở dữ liệu ngay sau khi quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành và thông báo cho người bị trừ điểm giấy phép lái xe biết. Quy định trường hợp giấy phép lái xe bị trừ hết điểm thì người có giấy phép lái xe không được điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo giấy phép lái xe đó. Sau thời hạn ít nhất là 06 tháng kể từ ngày bị trừ hết điểm, người có giấy phép lái xe được tham gia kiểm tra nội dung kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ do lực lượng Cảnh sát giao thông tổ chức, có kết quả đạt yêu cầu thì được phục hồi đủ 12 điểm.

- Quy định chưa cấp, đổi, cấp lại giấy phép lái xe đối với người vi phạm trật tự, an toàn giao thông đường bộ khi người đó chưa thực hiện xong yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết vụ việc vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

1.5. Chương V (Tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ)

Quy định cụ thể về hoạt động tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; căn cứ dùng phương tiện tham gia giao thông đường bộ để kiểm tra, kiểm soát; biện pháp phát hiện vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; huy động người, phương tiện, thiết bị dân sự trong trường hợp cấp bách; di chuyển phương tiện vi phạm dùng, đỗ trên đường bộ gây cản trở, ùn tắc giao thông hoặc nguy cơ dẫn đến tai nạn giao thông đường bộ; trang bị, sử dụng phương tiện, thiết bị, vũ khí, công cụ hỗ trợ khi tuần tra, kiểm soát; hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ; hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; hệ thống thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ kiểm tra tải trọng xe cơ giới; Quyền và trách nhiệm của người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ; Ngăn chặn hành vi không chấp hành yêu cầu kiểm tra, kiểm soát, cản trở, chống người thi hành công vụ.

1.6. Chương VI (Chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ)

- Quy định cụ thể về Trung tâm chỉ huy giao thông, trong đó Trung tâm chỉ huy giao thông có nhiệm vụ thu thập, lưu trữ, phân tích, xử lý dữ liệu về tình hình trật tự, an toàn giao thông đường bộ phục vụ chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ, tuần tra, kiểm soát về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đấu tranh phòng, chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác trên đường bộ; cung cấp thông tin về tình trạng giao thông cho người tham gia giao thông đường bộ; phục vụ điều hành hoạt động giao thông đường bộ trật tự, an toàn, thông suốt. Trung tâm chỉ huy giao thông được kết nối, chia sẻ dữ liệu với các Bộ, ngành. Quy định Bộ trưởng Bộ Công an ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm chỉ huy giao thông; quy định việc xây dựng, quản lý, hoạt động của trung tâm chỉ huy giao thông.

- Quy định kiến nghị về trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với công trình đường bộ, trong đó quy định Cơ quan quản lý đường bộ, người quản lý, sử dụng đường bộ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra và khắc phục các yếu tố có nguy cơ mất an toàn đối với giao thông đường bộ, thông báo kết quả khắc phục cho cơ quan Cảnh sát giao thông, tổ chức, cá nhân đã kiến nghị; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra hậu quả do không xử lý, khắc phục các yếu tố gây mất an toàn giao thông đường bộ theo quy định.

1.7. Chương VII (Giải quyết tai nạn giao thông đường bộ)

Quy định cụ thể về thống kê tai nạn giao thông đường bộ và Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ, trong đó Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được hình thành ở trung ương để huy động nguồn lực xã hội hỗ trợ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ. Quỹ giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ

được chỉ cho các hoạt động: Hỗ trợ nạn nhân, gia đình nạn nhân do tai nạn giao thông đường bộ gây ra; tổ chức, cá nhân giúp đỡ, cứu chữa, đưa người bị tai nạn giao thông đường bộ đi cấp cứu; Hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân tham gia tuyên truyền giảm thiểu thiệt hại tai nạn giao thông đường bộ mà không được Nhà nước bảo đảm kinh phí.

1.8. Chương VIII và Chương IX (Quản lý nhà nước và Điều khoản thi hành)

- Quy định Bộ Công an là cơ quan đầu mối giúp Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về trật tự, an toàn giao thông đường bộ; xây dựng lực lượng Cảnh sát giao thông chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

- Quy định Bộ Y tế thực hiện quản lý nhà nước về điều kiện sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ; quy định về xác định nồng độ cồn và nồng độ cồn nội sinh trong máu.

- Quy định chuyên tiếp về giấy phép lái xe; đào tạo lái xe; giấy chứng nhận đăng ký xe, biển số xe máy chuyên dùng; giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; đấu giá biển số xe.

2. Việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành Luật

2.1. Công tác xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

- Bộ Công an đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp rà soát các văn bản quy phạm pháp luật cần xây dựng để tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7 trong đó có Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ. Ngoài ra Bộ Công an đã giao các đơn vị chuyên môn chủ động xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, hiện tại dự thảo Quyết định đang được lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Cơ quan thuộc Chính phủ.

- Để triển khai thi hành Luật, dự kiến cần xây dựng 8 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 36 Thông tư của các Bộ có liên quan. Trong đó Bộ Công an dự kiến chủ trì xây dựng 04 Nghị định và 15 Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an triển khai thi hành Luật. Bộ Công an đã giao các đơn vị chuyên môn bố trí nhân lực, kinh phí, dự thảo các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, hiện đã hoàn thành dự thảo và đang xin ý kiến các đơn vị có liên quan.

2.2. Công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành

- Về công tác quán triệt, phổ biến Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành

+ Bộ Công an đã giao đơn vị chuyên môn dự kiến công tác tổ chức Hội nghị quán triệt, phổ biến Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật đối với các cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Giao các đơn vị chuyên môn biên soạn tài liệu phổ biến, quán triệt nội dung của Luật; tổ chức tập huấn chuyên sâu về Luật và các văn bản quy định chi tiết một số điều của Luật.

+ Các đơn vị chuyên môn của Bộ Công an đã dự trù kinh phí, bố trí cán bộ, biên soạn tài liệu và lên phương án tổ chức Hội nghị quán triệt; tổ chức tập huấn chuyên sâu cho cán bộ chiến sỹ làm công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ để nắm vững và thực hiện theo quy định.

- Về công tác chuẩn bị các điều kiện về nhân lực, kinh phí, bố trí phương tiện thiết bị kỹ thuật, đường truyền để triển khai các nội dung mới phát sinh như trừ điểm trên giấy phép lái xe, tích hợp giấy tờ của người điều khiển giao thông trên tài khoản định danh điện tử và quy định việc xuất trình, kiểm tra có thể thực hiện thông qua tài khoản định danh điện tử; tiếp quản thông tin từ thiết bị giám sát hành trình để thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với phương tiện kinh doanh vận tải; triển khai đấu giá biển số xe mô tô, xe gắn máy.

+ Bộ Công an đã làm việc với Bộ Giao thông vận tải để thống nhất kết nối, chia sẻ thông tin về giấy phép lái xe; tiếp nhận công tác quản lý nhà nước về thiết bị giám sát hành trình được lắp đặt trên phương tiện kinh doanh vận tải.

+ Giao các đơn vị chuyên môn của Bộ Công an làm việc với các đơn vị có liên quan của Bộ Tư pháp để thống nhất đưa nội dung về tích hợp giấy tờ của người điều khiển giao thông trên tài khoản định danh điện tử, quy định việc tạm giữ, việc tước giấy phép lái xe trên môi trường điện tử vào dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

+ Giao các đơn vị chuyên môn lên phương án nhân lực, dự trù kinh phí, dự kiến phương tiện thiết bị kỹ thuật, đường truyền, xây dựng phần mềm để chính thức vận hành quy định trừ điểm trên giấy phép lái xe; tích hợp giấy tờ của người điều khiển giao thông trên tài khoản định danh điện tử; quản lý và xử phạt đối với các phương tiện kinh doanh vận tải vi phạm trật tự, an toàn giao thông được phát hiện qua thiết bị giám sát hành trình; triển khai đấu giá biển số xe mô tô, xe gắn máy.

3. Đề xuất, kiến nghị

- Do các văn bản hướng dẫn thi hành Luật phải có hiệu lực thi hành từ 01/01/2025, cùng với thời điểm có hiệu lực của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ vì vậy thời gian xây dựng các văn bản rất ngắn; để đảm bảo tiến độ

xây dựng, Bộ Công an đề xuất Chính phủ cho vận dụng khoản 3 Điều 146 (Các trường hợp xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn) Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo trình tự, thủ tục rút gọn.

- Chính phủ sớm xin ý kiến thành viên Chính phủ để Thủ tướng Chính phủ ký ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7 trong đó có Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; ký ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ để các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sớm triển khai thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Một số nội dung trọng tâm của Luật Thủ đô đáp ứng yêu cầu phát triển Thủ đô Hà Nội “Văn hiến - Văn minh - Hiện đại” và công tác chuẩn bị triển khai thi hành Luật Thủ đô

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội-

Luật Thủ đô được nghiên cứu, xây dựng trong quá trình hơn 3 năm (từ tháng 3/2021), trải qua rất nhiều bước, nhiều khâu theo quy trình xây dựng pháp luật, từ giai đoạn tổng kết thi hành Luật Thủ đô năm 2012, lập đề nghị xây dựng Luật Thủ đô và tổ chức soạn thảo, trình dự án Luật với hàng trăm cuộc họp, hội nghị, hội thảo, khảo sát tại các địa phương trong nước và nước ngoài. Từ kết quả tổng kết thi hành Luật Thủ đô và nội dung đề xuất chính sách xây dựng Luật Thủ đô, Thành phố đã nghiên cứu, tổng hợp, đề xuất với Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 5/5/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tạo cơ sở chính trị quan trọng cho việc xây dựng Luật Thủ đô.

Tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV, ngày 28/6/2024, dự thảo Luật Thủ đô đã được Quốc hội chính thức thông qua với tỷ lệ 95,06% đại biểu dự phiên họp tán thành.

Luật Thủ đô là bước thể chế hoá quan trọng các chủ trương, đường lối, chỉ đạo của Đảng về xây dựng và phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 15-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chủ trương có liên quan đến phát triển Thủ đô tại Nghị quyết số 06-NQ/TW, Nghị quyết số 30-NQ/TW và các nghị quyết khác của Đảng có liên quan. Luật đã kế thừa, phát triển những quy định của Luật Thủ đô năm 2012; phát triển các cơ chế, chính sách đặc thù đang thực hiện thí điểm tại Thủ đô và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đảm bảo phù hợp với đặc điểm, tình hình, mục tiêu, yêu cầu xây dựng Thủ đô trong thời gian tới, đồng thời thể chế hoá nhiều cơ chế, chính sách mới, phân quyền, phân cấp mạnh mẽ cho Thủ đô trên tất cả các lĩnh vực. Tập trung lại, Luật Thủ đô đã đảm bảo được tính đồng bộ, thống nhất khi được triển khai thực hiện Luật và 02 Quy hoạch Thủ đô sau khi được phê duyệt.

So với Luật Thủ đô năm 2012, Luật Thủ đô năm 2024 đã được bổ sung đồng bộ, toàn diện rất nhiều nội dung mới như: Tổ chức chính quyền Thủ đô, các quy định về thẩm quyền đầu tư, ưu đãi, thu hút đầu tư, cơ chế đầu tư phát triển đô thị theo định hướng giao thông TOD, về phát triển nông nghiệp, nông thôn; về phát triển y tế; về an sinh xã hội; thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình mới. Đối với những nội dung đã quy định trong Luật Thủ đô năm 2012, tại dự thảo Luật lần này cũng được sửa đổi, bổ sung toàn diện như: các quy định về

tài chính - ngân sách; quy hoạch, xây dựng, chỉnh trang đô thị; khoa học công nghệ, phát triển văn hóa, giáo dục đào tạo, xử lý vi phạm hành chính; nâng cấp một chương riêng về liên kết, phát triển vùng....

Các quy định được xây dựng theo hướng phân quyền mạnh mẽ từ Trung ương về Thành phố (về đầu tư, quy hoạch xây dựng, văn hóa, y tế, giáo dục, khoa học công nghệ...), đổi mới mô hình quản trị, nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền Thủ đô đối với hoạt động quản lý điều hành các mặt của đời sống kinh tế xã hội của Thủ đô.

1. Nội dung trọng tâm của Luật:

Luật Thủ đô được thông qua gồm 07 chương, 54 điều (tăng 03 chương, 27 điều so với Luật Thủ đô 2012), trong đó có những nội dung trọng tâm, nổi bật như sau:

Chương I. Những quy định chung (gồm 07 điều: từ Điều 1 đến Điều 7)

Về phạm vi điều chỉnh: Trên cơ sở kế thừa Điều 1 Luật Thủ đô 2012, dự thảo Luật quy định cụ thể và bổ sung các nội dung về tổ chức chính quyền tại Thủ đô, ngân sách, huy động nguồn lực đầu tư phát triển Thủ đô và liên kết, phát triển vùng Thủ đô vào phạm vi điều chỉnh của Luật. Tại Chương này, đã có sự bổ sung đặc biệt quan trọng về nguyên tắc áp dụng Luật thủ đô, theo đó, Luật quy định việc ưu tiên áp dụng Luật Thủ đô, văn bản quy phạm pháp luật được giao để thi hành Luật Thủ đô trong trường hợp có quy định về cùng một vấn đề với các Luật, văn bản dưới luật khác. Đồng thời, Luật cũng xác định rõ: *Trường hợp luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có quy định khác với quy định của Luật Thủ đô về cùng một vấn đề mà cần áp dụng thì phải quy định cụ thể ngay về việc áp dụng pháp luật trong luật, nghị quyết đó; trường hợp chưa có quy định cụ thể về việc áp dụng pháp luật và việc áp dụng quy định đó cần thiết cho việc xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc áp dụng theo đề nghị của Chính phủ và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.*

Quy định này sẽ giúp cho Luật Thủ đô có giá trị thi hành, hiệu lực, hiệu quả ổn định, không bị tình trạng vô hiệu hoá bởi các luật, nghị quyết ban hành sau như đã xảy ra đối với Luật Thủ đô năm 2012; nhưng cũng mở ra việc được áp dụng các quy định của các VBQPPL khác nếu cần thiết, hiệu quả cho việc xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô.

Chương II. Tổ chức chính quyền đô thị (gồm 9 điều: từ Điều 8 đến Điều 16);

Đây là một chương hoàn toàn mới, bổ sung các quy định đặc thù về tổ chức chính quyền ở Thủ đô. Theo đó, Luật ghi nhận việc không tổ chức HĐND ở phường, cho phép tăng số đại biểu HĐND Thành phố lên không quá 125 người, tăng số lượng Phó Chủ tịch HĐND, số lượng đại biểu HĐND chuyên trách, tăng số lượng các Ban của HĐND ở cả cấp Thành phố và quận, thị xã,

thành phố thuộc Thủ đô. Thành phố được giao quyền chủ động trong việc tổ chức các Ban của HĐND, được chủ động trong tổ chức, sắp xếp các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác của cấp Thành phố và cấp huyện. Thành phố được chủ động xác định số lượng biên chế cán bộ, công chức, số lượng viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Thành phố quản lý căn cứ vào danh mục vị trí việc làm, quy mô dân số, thực trạng khối lượng công việc, đặc điểm an ninh, chính trị, an toàn xã hội trên địa bàn và khả năng cân đối ngân sách của Thành phố, bảo đảm tỷ lệ giữa tổng số biên chế so với tổng số dân không vượt mức tỷ lệ trung bình của cả nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

Về tuyển dụng, sử dụng công chức thì Luật đã quy định thống nhất một chế độ công chức, không phân biệt công chức cấp xã với các cấp khác. Cho phép được ký hợp đồng làm việc như công chức ở các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính cấp Thành phố và cấp huyện. Cho phép Thành phố được chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức ở đơn vị nhà nước bảo đảm 100% chi thường xuyên căn cứ trên cơ sở đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc, với tổng mức chi không vượt quá 0,8 lần tổng quỹ lương.

Đặc biệt, Luật cũng đã có quy định tháo gỡ cơ bản vướng mắc về phân cấp, uỷ quyền trong nội bộ Thành phố, cho phép UBND phân cấp cho đơn vị sự nghiệp trực thuộc, Chủ tịch UBND được uỷ quyền cho Thủ tướng cơ quan hành chính khác và Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập; cho phép cơ quan chuyên môn cấp trên được uỷ quyền cho UBND hoặc cơ quan chuyên môn cấp dưới giải quyết TTHC; Cho phép UBND, Chủ tịch UBND cấp xã được uỷ quyền cho công chức giải quyết TTHC.

Chương III. Xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô (gồm 17 điều: từ Điều 17 đến Điều 33);

Luật đã kế thừa, mở rộng, bổ sung rất nhiều quy định mới so với Luật Thủ đô 2012 để tạo sự thuận lợi cho xây dựng, phát triển Thủ đô trên các lĩnh vực.

Về quy hoạch, xây dựng: Luật giao thẩm quyền cho Thành phố được điều chỉnh cục bộ các quy hoạch trên địa bàn Thành phố do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; cho phép phát triển một số loại công trình ở bãi sông, bãi nổi, phân quyền phê duyệt đầu tư các dự án ở bãi sông, bãi nổi cho UBND Thành phố.

Kế thừa và bổ sung quy định về di dời các cơ sở, trụ sở các cơ quan, đơn vị không phù hợp quy hoạch và quy định rõ việc bàn giao quỹ đất cho Thành phố sử dụng để cho các mục tiêu phát triển, trong đó xác định rõ khu vực nội đô chỉ sử dụng cho không gian công cộng, cây xanh và không bố trí chức năng ở, lưu trú; khu vực đô thị trung tâm thì phát triển theo hướng ưu tiên các công trình công cộng, phúc lợi xã hội. Bổ sung mới các quy định về cải tạo, chỉnh trang đô thị theo cơ chế góp quyền sử dụng đất, tái điều chỉnh đất đai, trong đó có cả việc cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư cũ, thu hồi đất vùng phụ cận các dự án giao thông, đặc biệt là dự án đường sắt đô thị để phát triển đô thị theo mô hình TOD,

tạo nguồn lực, biện pháp đột phát cho phát triển đô thị, chỉnh trang đô thị của Thủ đô.

Bổ sung mới quy định về quản lý, khai thác sử dụng không gian ngầm theo đó, việc sử dụng không gian ngầm sẽ phải tuân theo quy hoạch, được phân vùng, giới hạn sử dụng do Chính phủ quy định, phải trả tiền sử dụng không gian ngầm.

Các quy định về văn hoá, giáo dục, khoa học công nghệ, chính sách xã hội cũng được bổ sung nhiều quy định mới, đặc thù như:

Về phát triển văn hoá, Luật giao Thành phố được phát triển khu công nghiệp văn hoá ở bãi sông bãi nổi, quy định chính sách, chế độ chi cao hơn, ngoài quy định của Trung ương cho các nghệ sỹ, vận động viên, huấn luyện viên; cho phép triển khai mô hình khu phát triển thương mại và văn hoá ở các địa điểm có lợi thế để cộng đồng dân cư được tự chủ, tự quản, tự phát triển.

Về giáo dục đào tạo, cho phép Thành phố được thực hiện liên kết giáo dục giữa cơ sở giáo dục công lập với cơ sở giáo dục nước ngoài; được chủ động quyết định một số nội dung, chương trình giáo dục.

Về y tế, cho phép Thành phố được quy định các cơ chế tài chính, chính sách phát triển hệ thống y học gia đình, cấp cứu ngoại viện như quy định mức giá, tỷ lệ đồng chi trả, mức hỗ trợ, cơ chế quản lý, cấp phép; việc khám chữa bệnh miễn phí cho người cao tuổi thuộc Thành phố.

Về khoa học công nghệ, Luật quy định bổ sung mới các chính sách về ưu đãi, hỗ trợ về thu nhập, hỗ trợ về các nguồn lực, trang thiết bị; khi thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm thì được chủ động áp dụng các cơ chế về tuyển chọn, giao nhiệm vụ, cơ chế khoán sản phẩm. Các trường đại học, cao đẳng, tổ chức khoa học công nghệ công lập được phép thành lập doanh nghiệp để thương mại hoá sản phẩm khoa học và công nghệ, viên chức của các trường, tổ chức khoa học công lập được tham gia quản lý, góp vốn vào doanh nghiệp. Khu Công nghệ cao Hoà Lạc được hưởng các quy định đặc thù về quản lý sử dụng đất, tài sản công, ... Thành phố được ban hành, triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát về công nghệ, sản phẩm, dịch vụ hoặc mô hình kinh doanh mới.

Về thực hiện chính sách xã hội: Thành phố được chủ động trong việc quy định về đối tượng, mức chi để thực hiện chính sách xã hội, an sinh xã hội cao hơn hoặc ngoài các quy định của Trung ương.

Về bảo vệ môi trường: Thành phố được quy định về vùng phát thải thấp và các cơ chế quản lý của vùng phát thải thấp; quy định các chính sách về giảm phát thải, hạn chế phương tiện giao thông ở một số khu vực, cải thiện môi trường làng nghề, giảm phát thải nhựa...

Về nông nghiệp, nông thôn: Thành phố được ban hành các quy định hỗ trợ phát triển nông nghiệp sinh thái, công nghệ cao, hiệu quả kinh tế cao; Được quy

định về tỷ lệ đất nông nghiệp tại vùng nông nghiệp tập trung để phát triển các công trình phụ trợ, phục vụ sản xuất nông nghiệp; được sử dụng đất tại bãi sông, bãi nổi để phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm.

Về xử lý vi phạm hành chính: Luật đã mở rộng việc nâng mức xử phạt không quá 2 lần trong 9 lĩnh vực (kế thừa 3 lĩnh vực theo Luật Thủ đô năm 2012, 3 lĩnh vực theo Luật Xử lý vi phạm hành chính, bổ sung mới 3 lĩnh vực: quảng cáo, phòng cháy chữa cháy, an toàn thực phẩm), phạm vi áp dụng trên địa bàn toàn Thành phố (trước đây chỉ áp dụng nâng mức xử phạt ở nội thành). Cho phép áp dụng biện pháp ngừng cung cấp dịch vụ điện nước đối với một số công trình vi phạm về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy hoặc đã có quyết định buộc phá dỡ. Trong đó quy định trách nhiệm của đơn vị cung cấp dịch vụ phải xác định rõ trong hợp đồng cung cấp dịch vụ phải thực hiện biện pháp này khi có yêu cầu của người có thẩm quyền.

Chương IV. Chính sách tài chính, ngân sách và huy động nguồn lực phát triển Thủ đô (gồm 10 điều: từ Điều 34 đến Điều 43)

Nội dung Chương này hướng mạnh đến việc phân quyền cho Thành phố được chủ động nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách và đầu tư, trong đó nổi bật là một số quy định:

Về thu ngân sách: Cho phép Thành phố được hưởng các khoản thưởng vượt thu so với dự toán được giao; được ban hành các loại phí, lệ phí mới hoặc tăng, giảm phí, lệ phí; được tăng hạn mức vay lên không vượt quá 120% số thu ngân sách được hưởng theo phân cấp; được quyết định một số khoản thu trong khu vực TOD; được giữ lại toàn bộ tiền thu từ đất do Thành phố quản lý, tiền thu từ tín chỉ carbon trên địa bàn Thành phố.

Về chi ngân sách: Thành phố được sử dụng nguồn cải cách tiền lương còn dư để chi cho đầu tư phát triển; chi từ quỹ dự trữ tài chính với thời gian dài hơn, tỷ lệ cao hơn; được chi việc hỗ trợ các cơ quan, đơn vị thực hiện di dời; chi hỗ trợ các địa phương bạn, các cơ quan trung ương trong một số trường hợp; chi đầu tư sang các địa phương khác trong dự án liên kết, phát triển vùng. Đặc biệt, Luật cho phép được sử dụng nguồn chi thường xuyên để cải tạo, sửa chữa, mở rộng công trình, trụ sở tài sản công. Đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để chi mua sắm tài sản, sửa chữa theo quy trình chi thường xuyên.

Thành phố được ban hành các tiêu chuẩn, định mức, chế độ chi ngân sách cao hơn hoặc ngoài quy định của Trung ương; được áp dụng hoặc ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá mới cao hơn hoặc chưa có quy định của Trung ương. Đây là quy định quan trọng giúp Thành phố chủ động trong việc tạo lập nguồn thu và sử dụng hiệu quả, linh hoạt ngân sách.

Về đầu tư công: Thành phố được phân quyền quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư các dự án hiện thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong trường hợp dự án do ngân sách địa phương bố trí, mà không bị giới hạn về mức vốn. Được phép tách bồi thường, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập (đối với dự án nhóm B,C) nhằm giúp cho quá trình đầu tư công được thuận lợi, đơn giản hoá, đẩy nhanh quy trình thực hiện.

Về đầu tư theo phương thức đối tác công tư: Thành phố được áp dụng đầu tư PPP đối với lĩnh vực văn hoá, thể thao; được nâng tỷ lệ vốn nhà nước trong dự án PPP lên không quá 70% trong trường hợp dự án có tỷ lệ vốn giành cho giải phóng mặt bằng lớn trên 50%; Được áp dụng hình thức hợp đồng BT bằng tiền và bằng quỹ đất đối với các dự án trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, thủy lợi. Ngoài ra còn có các chính sách về thu hút nhà đầu tư chiến lược, ưu đãi đầu tư trong một số lĩnh vực cao hơn so với quy định hiện hành.

Về quản lý, sử dụng tài sản công: Thành phố được áp dụng hình thức hợp đồng nhượng quyền khai thác, quản lý với nhà đầu tư, doanh nghiệp để khai thác công trình, hạng mục công trình hạ tầng văn hóa, thể thao; công trình kiến trúc có giá trị. Đơn vị sự nghiệp công lập của Thành phố được chủ động quyết định trong kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết công trình, tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Thành phố ban hành để khắc phục những khó khăn vướng mắc, bất cập hiện nay.

Chương V. Liên kết, phát triển vùng (gồm 04 điều: từ Điều 44 đến Điều 47)

Đã được bổ sung mới, luật hoá một số nội dung Nghị định 91/2021/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế phối hợp giữa các tỉnh, thành phố trong Vùng Thủ đô, quy định rõ hơn về các hình thức, phạm vi và trách nhiệm liên kết, phát triển vùng giữa Hà Nội và các địa phương lân cận.

Chương VI. Giám sát, kiểm tra, thanh tra và trách nhiệm xây dựng, phát triển, quản lý, bảo vệ Thủ đô (gồm 05 điều: từ Điều 48 đến Điều 52)

Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan Trung ương, Thành phố và các địa phương lân cận trong việc xây dựng và phát triển Thủ đô. Trong đó đáng chú ý là trách nhiệm tăng cường phân cấp của Trung ương cho địa phương; trách nhiệm trong việc rà soát, xác định rõ vấn đề nào không áp dụng Luật Thủ đô khi xây dựng Luật, Nghị quyết của Quốc hội.

Chương VII. Điều khoản thi hành (gồm 02 điều, Điều 53 và Điều 54).

Về hiệu lực: Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành từ 01/01/2025; 05 quy định có hiệu lực từ 01/7/2025. Luật quy định 10 nội dung thực hiện chuyển tiếp để bảo đảm sự ổn định, quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức thi hành các cơ chế, chính sách mới theo Luật Thủ đô.

2. Về triển khai thi hành Luật Thủ đô:

Ngay trong quá trình tham gia xây dựng dự thảo Luật trình Quốc hội thông qua, Thành phố đã chủ động chỉ đạo việc xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô. Kế hoạch đã được xin ý kiến các Ban Đảng Thành ủy, Thường trực HĐND, Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Hà Nội và các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố; được Ban Cán sự Đảng UBND Thành phố báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thường trực Thành ủy. Hiện Thường trực Thành ủy đã có Thông báo kết luận số 1795-TB/TU ngày 15/7/2024 về việc triển khai thi hành Luật Thủ đô. Thành phố cũng tham gia góp ý xây dựng Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô của Thủ tướng Chính phủ; phối hợp với Bộ Tư pháp để thống nhất về các nhiệm vụ theo Kế hoạch của Trung ương và Thành phố nhằm tạo sự thống nhất, đồng bộ trong việc triển khai nhiệm vụ từ Trung ương đến Thành phố.

Sau khi Luật Thủ đô chính thức được công bố, Thành phố sẽ khẩn trương, kịp thời ban hành ngay Kế hoạch triển khai thi hành Luật. Về cơ bản, Kế hoạch triển khai thi hành Luật tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

(1) *Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thi hành Luật*: Thành phố sẽ chủ động xây dựng Kế hoạch riêng về công tác tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật Thủ đô, phối hợp với Bộ Tư pháp tổ chức biên soạn tài liệu tuyên truyền, tài liệu tập huấn để triển khai đến các cấp, ngành, địa phương và đặc biệt là các cơ quan, tổ chức, cán bộ, Nhân dân của Thủ đô; chức các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Luật Thủ đô và các VBQPPL để thi hành Luật cao điểm trong thời gian từ nay đến quý I/2025 và được duy trì thường xuyên trong thời gian tiếp theo.

(2) *Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết và quy định theo thẩm quyền được giao trong Luật Thủ đô*: Đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng nhưng cũng rất khó khăn, nặng nề đối với Thành phố; theo thống kê, Luật giao Chính phủ quy định 06 nội dung, giao HĐND Thành phố 52 nội dung, UBND Thành phố 15 nội dung. Trước mắt, Thành phố sẽ tham gia với các cơ quan Trung ương xây dựng trình Chính phủ 4 nội dung, Thành phố cần ban hành 30 nội dung thuộc thẩm quyền của HĐND Thành phố, 12 nội dung thuộc thẩm quyền của UBND Thành phố trước 01/01/2025 để có hiệu lực cùng với Luật Thủ đô. Ngoài ra, để các quy định này đi vào cuộc sống, Thành phố còn cần ban hành rất nhiều các đề án, danh mục, văn bản cá biệt (19 nhiệm vụ) được giao theo Luật để cùng với các văn bản quy phạm pháp luật tạo thành các cơ chế, chính sách, thiết chế thống nhất để triển khai thực hiện.

(3) *Rà soát các văn bản của Thành phố, cấp huyện có liên quan*: Để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa Luật Thủ đô, các văn bản quy định để thi hành Luật Thủ đô với hệ thống các VBQPPL của Thành phố; Kế hoạch cũng đề ra nhiệm vụ quan trọng là phải tiến hành rà soát một cách tổng thể, toàn diện

những văn bản quy phạm pháp luật hiện hành của Thành phố để xác định các văn bản cần sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ cho phù hợp với Luật Thủ đô và văn bản thi hành Luật Thủ đô; từ đó giúp Thành phố có hệ thống thể chế thống nhất, đồng bộ, hiệu lực, hiệu quả.

(4) *Tổ chức theo dõi thi hành Luật Thủ đô*: nhằm xem xét, đánh giá thực trạng thi hành pháp luật, kiến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật và hoàn thiện các quy định pháp luật về Thủ đô; Đặc biệt, từ kết quả thi hành Luật Thủ đô chủ động đề xuất việc áp dụng quy định trong các luật, nghị quyết của Quốc hội ban hành sau ngày Luật Thủ đô có hiệu lực thi hành có nội dung khác với quy định của Luật Thủ đô do việc áp dụng quy định đó sẽ thuận lợi hơn cho việc xây dựng, phát triển, quản lý và bảo vệ Thủ đô, tham mưu UBND Thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố cho ý kiến trước khi báo cáo đề nghị Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Luật Thủ đô;

3. Kiến nghị, đề xuất:

Để Luật Thủ đô sớm đi vào cuộc sống, phát huy hiệu lực, hiệu quả, thực sự tạo cơ chế, chính sách thuận lợi, tạo động lực quan trọng cho xây dựng và phát triển Thủ đô, thành phố Hà Nội có một số kiến nghị, đề xuất sau:

Một là, Kính đề nghị Chính phủ sớm ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô, trong đó phân công cụ thể, xác định rõ trách nhiệm triển khai nhiệm vụ, đặc biệt là việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thi hành Luật Thủ đô, trong đó có những nhiệm vụ mới, khó như việc quản lý, sử dụng không gian ngầm, hợp đồng BT.

Hai là, Kính đề nghị các Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ quan tâm phối hợp trong việc thực hiện Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô đặc biệt là việc xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Bộ, ngành, tổ chức tuyên truyền, quán triệt Luật Thủ đô; tham gia, hỗ trợ, giúp đỡ Thành phố trong việc xây dựng các văn bản thuộc thẩm quyền của Thành phố để bảo đảm tính khả thi, đồng bộ.

Ba là, Kính đề nghị Bộ Tư pháp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Thành phố trong việc hoàn thiện và triển khai thực hiện Kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và của Thành phố; phối hợp trong việc xây dựng các tài liệu, tổ chức tuyên truyền, quán triệt, tập huấn về Luật Thủ đô; phối hợp trong việc xây dựng các văn bản quy định chi tiết, văn bản quy định theo thẩm quyền được giao cho Chính phủ và Thành phố tại Luật Thủ đô; phối hợp trong việc tổ chức theo dõi thi hành Luật Thủ đô ở địa phương và ở trung ương.

Thành phố Hà Nội trân trọng cảm ơn Bộ Tư pháp, các Ban, Bộ, ngành Trung ương đã quan tâm giúp đỡ và ủng hộ, phối hợp chặt chẽ với Thành phố trong việc xây dựng và trình Quốc hội thông qua Luật Thủ đô một cách thuận

lợi, đạt sự thống nhất cao trong thời gian vừa qua. Thành phố rất mong tiếp tục nhận được sự phối hợp chủ động, chặt chẽ của Bộ Tư pháp, sự phối hợp, quan tâm giúp đỡ của các Ban, Bộ, ngành Trung ương trong việc triển khai thi hành Luật trong thời gian tới, để Luật Thủ đô thực sự đi vào cuộc sống, tạo thể chế hiệu lực, hiệu quả, thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển Thủ đô “*Văn hiến – Văn minh – Hiện đại*”.

BÁO CÁO THAM LUẬN

**Một số nội dung trọng tâm của Luật Công nghiệp quốc phòng,
an ninh và động viên công nghiệp và nội dung chuẩn bị nguồn lực
cho công tác triển khai thi hành**

- Bộ Quốc phòng -

Tại Kỳ họp thứ 7 (tháng 5/2024), Quốc hội đã xem xét, biểu quyết thông qua 11 luật, 21 nghị quyết (có 03 nghị quyết quy phạm pháp luật); trong đó, có dự án Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp do Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Công an xây dựng với số phiếu tán thành cao (464/464 Đại biểu dự họp).

Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp được ban nhằm thể chế đầy đủ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển CNQP, AN và ĐVCN trước mắt và lâu dài; bảo đảm phù hợp, thống nhất với Hiến pháp 2013, Luật Quốc phòng 2018, Luật Công an nhân dân 2018 và các văn bản pháp luật liên quan; bảo đảm tính kế thừa, phát triển những quy định của pháp luật hiện hành về CNQP, AN và ĐVCN đã được thực tiễn kiểm nghiệm còn phù hợp, khắc phục những hạn chế, bất cập, điểm nghẽn, vướng mắc trong thực tiễn; đồng thời, bổ sung những vấn đề mới để giải quyết những nội dung về CNQP, AN và ĐVCN đặt ra trong giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, phòng thủ và bảo vệ Tổ quốc.

I. BỐ CỤC CỦA LUẬT CNQP, AN VÀ ĐVCN

Luật CNQP, AN và ĐVCN gồm **07 chương, 86 Điều** xây dựng trên cơ sở 05 chính sách được Quốc hội thông qua, gồm:

1. Chương I . Những quy định chung, gồm 08 điều (từ Điều 1 đến Điều 8), quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; áp dụng Luật CNQP, AN và ĐVCN và pháp luật có liên quan; vị trí, chức năng, nhiệm vụ của CNQP, CNAN và ĐVCN; nguyên tắc xây dựng và phát triển CNQP, CNAN và ĐVCN; chính sách của Nhà nước về CNQP, AN; Ban chỉ đạo Nhà nước về CNQP, AN; các hành vi bị nghiêm cấm.

2. Chương II . Công nghiệp quốc phòng, an ninh, gồm 37 điều (từ Điều 9 đến Điều 45)

Chương này gồm 07 mục, quy định các hoạt động trong lĩnh vực CNQP, AN:

- Mục 1: Quy hoạch CNQP, quy hoạch CNAN (từ Điều 9 đến Điều 12);
- Mục 2: Quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh (từ Điều 13 đến Điều 19);

- Mục 3: Nguồn lực cho CNQP, AN (từ Điều 20 đến Điều 27);
- Mục 4: Phát triển CNQP, AN lưỡng dụng (từ Điều 28 đến Điều 32);
- Mục 5: Tổ chức và hoạt động CNQP (từ Điều 33 đến Điều 37);
- Mục 6: Tổ chức và hoạt động CNAN (từ Điều 38 đến Điều 41);
- Mục 7: Tổ hợp CNQP (từ Điều 42 đến Điều 45).

3. Chương III . Động viên công nghiệp, gồm 15 điều (từ Điều 46 đến Điều 60)

Chương này gồm 03 mục, quy định các hoạt động trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN, cụ thể:

- Mục 1: Chuẩn bị ĐVCN (từ Điều 46 đến Điều 54);
- Mục 2: Thực hành ĐVCN (từ Điều 55 đến Điều 57);
- Mục 3: Ngân sách bảo đảm và dự trữ vật tư cho ĐVCN (từ Điều 58 đến Điều 60).

4. Chương IV. Chế độ, chính sách trong CNQP, AN và ĐVCN, gồm 09 điều (từ Điều 61 đến Điều 69)

Chương này gồm 03 mục quy định các chế độ, chính sách trong lĩnh vực CNQP, AN, cụ thể:

- Mục 1: Chính sách đối với cơ sở CNQP, cơ sở CNAN, cơ sở công nghiệp động viên (từ Điều 61 đến Điều 64);
- Mục 2: Chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt, cơ sở công nghiệp động viên (từ Điều 65 đến Điều 67);
- Mục 3: Chính sách đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ CNQP, AN (Điều 68, Điều 69).

5. Chương V. Hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về CNQP, AN, gồm 07 điều (từ Điều 70 đến Điều 76) quy định về: Yêu cầu, nội dung hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về CNQP, AN; đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi chuyên gia phục vụ CNQP, AN; liên doanh, liên kết trong hoạt động CNQP, AN; nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ CNQP, AN; xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ CNQP, AN; hợp tác quốc tế về chuyển giao công nghệ; hoạt động xúc tiến thương mại sản phẩm quốc phòng, an ninh.

6. Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về CNQP, AN và ĐVCN, gồm 07 điều (từ Điều 77 đến Điều 83) quy định về: Nội dung quản lý nhà nước về CNQP, CNAN và ĐVCN; trách nhiệm của các Bộ: Quốc phòng; Công an; Khoa học và Công nghệ; trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

7. Chương VII. Điều khoản thi hành, gồm 03 điều (từ Điều 84 đến Điều 86) quy định về: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động CNQP, AN; Hiệu lực thi hành và Quy định chuyển tiếp.

II. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA LUẬT CNQP, AN VÀ ĐVCN

Luật CNQP, AN và ĐVCN quy định một số chế độ, chính sách đặc thù cho CNQP, CNAN và ĐVCN (*trong đó: Có cơ chế, chính sách chưa có pháp luật quy định; cơ chế, chính sách phát triển hơn so với pháp lệnh hoặc luật hoá một số nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nghị định của Chính phủ; cơ chế, chính sách quy định vượt trội*), một số nội dung trọng tâm được thể chế, cụ thể hóa trong Luật CNQP, AN và ĐVCN như sau:

1. Về hệ thống và tổ chức của cơ sở CNQP, cơ sở CNAN (Mục 5, 6 Chương II) và Tổ hợp CNQP (Mục 7 Chương II)

Thể chế Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 26/01/2022 của Bộ Chính trị căn “*tổ chức lại các cơ sở CNQP nòng cốt, tiến tới thành lập tổ hợp CNQP bảo đảm tinh, gọn, mạnh, hiệu quả, tiên tiến, hiện đại, vừa sản xuất, vừa sửa chữa VKTBKT theo chuyên ngành sản phẩm*”, Luật đã quy định hệ thống cơ sở CNQP gồm: **(1)** Cơ sở CNQP nòng cốt; **(2)** Cơ sở CNQP khác; **(3)** Cơ sở huy động tham gia CNQP; **(4)** Cơ sở công nghiệp động viên và quy định rõ về tiêu chí, loại hình, hoạt động cơ sở CNQP nòng cốt.

Theo đó, để đồng bộ với hệ thống và tổ chức của cơ sở CNQP, Luật cũng quy định hệ thống cơ sở CNAN gồm: **(1)** Cơ sở CNAN nòng cốt; **(2)** Cơ sở CNAN khác và **(3)** Cơ sở huy động tham gia hoạt động CNAN. Đồng thời, Luật cũng quy định về Tổ hợp CNQP (*Mục 7 Chương II*), trong đó, Tổ hợp CNQP không hình thành pháp nhân, mà được xác định là hệ thống liên kết, hợp tác của cơ sở CNQP, tổ chức, doanh nghiệp đáp ứng điều kiện nhất định, lấy cơ sở CNQP nòng cốt làm hạt nhân để hình thành chuỗi giá trị tạo ra sản phẩm quốc phòng theo nhóm, chuyên ngành sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật (VKT BKT). Luật quy định theo hướng xác định khung, nguyên tắc và giao Chính phủ quy định cụ thể về Tổ hợp CNQP.

2. Về giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh (Mục 2 Chương II)

Giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu sản xuất quốc phòng, an ninh là hoạt động rất đặc thù, gắn với yêu cầu, nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh. Mặc dù Luật Đấu thầu (Điều 57) và Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định về giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; tuy

nhiên, không áp dụng đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh sử dụng các nguồn ngân sách ngoài ngân sách chi thường xuyên; bên cạnh đó, sản phẩm, dịch vụ quốc phòng, an ninh là sản phẩm đặc thù, không phải là sản phẩm, dịch vụ công. Do đó, Luật CNQP, AN và ĐVCN đã quy định về hoạt động giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh để đảm bảo tính toàn diện, bao quát của quy định pháp luật. Theo đó, Luật đã quy định (1) Các trường hợp giao nhiệm vụ, đặt hàng; quy định, thẩm quyền việc giao nhiệm vụ, đặt hàng (Điều 15, Điều 16); (2) Hình thức lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu để sản xuất, cung cấp sản phẩm quốc phòng, an ninh thực hiện theo hình thức đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu và lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (Điều 17); (3) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quy định chi tiết nội dung quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng, an ninh (Điều 14).

3. Về nguồn lực tài chính cho CNQP, AN (Điều 20, Điều 21)

Để tạo nguồn lực tài chính ổn định góp phần xây dựng và phát triển CNQP, AN Luật CNQP, AN và ĐVCN đã quy định về nguồn lực tài chính cho CNQP, AN bao gồm: (1) Ngân sách nhà nước; (2) Nguồn tài chính của doanh nghiệp gồm vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp theo quy định của pháp luật; (3) Nguồn từ Quỹ CNQP, AN và các quỹ hợp pháp khác chỉ cho CNQP, AN và (4) Nguồn vốn hợp pháp khác. Trong đó, đặc biệt là các nội dung về quản lý nguồn lực tài chính cho CNQP, AN gồm: (1) Ưu tiên phân bổ nguồn lực trong kế hoạch tài chính (khoản 1 Điều 21); (2) Nhà nước bảo đảm cấp đủ vốn điều lệ ban đầu, đầu tư bổ sung và tăng vốn điều lệ từ nguồn ngân sách nhà nước (khoản 2 Điều 21); (3) Trong trường hợp cấp bách, được sử dụng dự phòng ngân sách trung ương để thực hiện nhiệm vụ đầu tư, sản xuất sản phẩm CNQP, AN (khoản 3 Điều 21); (4) Sử dụng lợi nhuận sau thuế trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt để trích lập Quỹ CNQP, AN và hỗ trợ nghiên cứu, chế tạo, sản xuất sản phẩm mới, công nghệ cao và bù đắp chi phí cho doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu (khoản 4 Điều 21); (5) Ngân sách mua sắm, sản xuất sản phẩm VKTBKT có ý nghĩa chiến lược, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ (PTKTNV) đặc biệt nếu chưa sử dụng hết thì được phép chuyển nguồn đến khi nghiệm thu, thanh lý hợp đồng hoặc kết thúc nhiệm vụ (khoản 5 Điều 21).

4. Về Quỹ CNQP, AN (khoản 3 Điều 20 và Điều 22)

Theo thống kê, giai đoạn 2012-2023, nguồn tài chính cho CNQP, CNAN, ngân sách hằng năm cấp và bảo đảm cho CNQP, AN chưa đủ để thực hiện nhiệm vụ, theo đó việc hình thành và sử dụng Quỹ CNQP, AN là cơ chế để huy động nguồn lực cho phát triển CNQP, AN nhất là các nhiệm vụ cấp bách hoặc nghiên cứu, chế tạo các sản phẩm mới, công nghệ cao, có tính rủi ro lớn. Nhiều đề án, chương trình có tính chiến lược chưa được bố trí vốn, một số

chương trình chỉ bố trí được một phần vốn kế hoạch đề ra. Nguồn ngân sách quốc phòng, an ninh chủ yếu được sử dụng để đầu tư mua sắm, nâng cấp VKTBKT, PTKTNV mà ít được bố trí cho hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm. Đồng thời, việc huy động các nguồn vốn hợp pháp ngoài ngân sách để xây dựng, phát triển CNQP, AN nhằm giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước còn nhiều vướng mắc, một số quỹ theo quy định của pháp luật khó có thể sử dụng để triển khai những dự án, chương trình lớn thuộc lĩnh vực CNQP, AN.

Với quan điểm như trên, Luật đã quy định Quỹ CNQP, AN là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, được thành lập ở trung ương, do Chính phủ quản lý để hỗ trợ triển khai thực hiện các nhiệm vụ cấp bách, có tính mới, rủi ro cao hoặc nghiên cứu, chế tạo VKTBKT có ý nghĩa chiến lược, PTKTNV đặc biệt (khoản 1 Điều 22). Quỹ được hình thành từ nguồn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp được cấp có thẩm quyền quyết định, đặc biệt là nguồn trích lập từ lợi nhuận sau thuế của cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt (điểm c khoản 2 Điều 22). Việc thành lập, quản lý, phân bổ và sử dụng Quỹ CNQP, AN giao Chính phủ quy định chi tiết (khoản 4 Điều 22).

5. Về hoạt động đầu tư trong CNQP, AN (Điều 23)

Hoạt động đầu tư trong CNQP, AN có nhiều yếu tố đặc thù (phải đảm bảo bí mật nhà nước, có những dự án cần triển khai khẩn cấp để đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, nhiều dự án có hàm lượng kỹ thuật - công nghệ phức tạp, phải thực hiện tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ đối tác nước ngoài,... nên việc áp dụng các quy định hiện nay gây nhiều khó khăn, vướng mắc) do vậy Luật đã quy định: (1) Áp dụng cơ chế chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc chương trình, dự án đầu tư có gói thầu được xác định độ Tối Mật trở lên (khoản 2 Điều 23); (2) Chương trình, dự án nghiên cứu, sản xuất VKTBKT có ý nghĩa chiến lược, PTKTNV đặc biệt được thực hiện theo trình tự, thủ tục đầu tư công khẩn cấp (khoản 3 Điều 23); (3) Cho phép đàm phán, ký kết hợp đồng đối với dự án đầu tư tiếp nhận chuyển giao công nghệ từ nước ngoài phục vụ CNQP, AN trong phê duyệt chủ trương đầu tư để có cơ sở lập thẩm định phê duyệt dự án đầu tư; (4) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an làm Chủ tịch Hội đồng thẩm định đối với chương trình, dự án nhóm A trong lĩnh vực CNQP, AN thuộc phạm vi quản lý (khoản 5 Điều 23); (5) Dự án sản xuất chất độc hại, chất nổ thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh không là dự án đầu tư công nhóm A. Vì đối với các dự án sản xuất thuốc nổ có quy mô, tổng mức đầu tư không lớn (thường khoảng vài chục tỷ đồng) nếu phải áp dụng quy định là dự án đầu tư công thuộc nhóm A thì sẽ làm các thủ tục bị kéo dài, vướng nhiều khó khăn trong thực hiện (khoản 4 Điều 84).

6. Về động viên công nghiệp (Chương III và Điều 64, Điều 67)

Động viên công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc huy động tiềm lực công nghiệp quốc gia để bảo đảm VKTBKT, nhất là khi chiến tranh xảy ra.

Do vậy, cần có phương thức tiếp cận mới trong ĐVCN để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong đó có các chính sách nổi bật như sau: (1) Mở rộng đối tượng tham gia ĐVCN là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, nhất là các doanh nghiệp lớn, có công nghệ hiện đại, sản xuất ổn định đóng vai trò chủ đạo; đồng thời, huy động doanh nghiệp vừa, nhỏ để sản xuất đa dạng sản phẩm đáp ứng nhu cầu trang bị cho lực lượng vũ trang (khoản 2 Điều 2, khoản 7 Điều 5); (2) Xây dựng cơ chế, phương thức triển khai thực hiện ĐVCN là nhiệm vụ và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị; đẩy mạnh quản lý tiềm lực của nền công nghiệp quốc gia để khi cần thì thực hiện ĐVCN rộng khắp và thực hiện ngay trong thời bình (Điều 46, Điều 47); (3) Xây dựng các chính sách đặc thù ưu đãi về tín dụng, thuế, đất đai (Điều 64); hoàn thiện chế độ, chính sách cho doanh nghiệp và người tham gia chuẩn bị và thực hành ĐVCN (Điều 67); (4) Ngoài ra, còn có các cơ chế, chính sách để gắn kết chặt chẽ giữa cơ sở CNQP nông cốt với cơ sở công nghiệp động viên (Điều 64, khoản 1 Điều 67). Các cơ sở CNQP nông cốt chuyển giao công nghệ, tài liệu, hướng dẫn, đào tạo, huấn luyện nhân lực; tham gia nghiệm thu sản phẩm, dây chuyền; kiểm tra, tiếp nhận sản phẩm trong chuẩn bị và thực hành ĐVCN (khoản 3, 4 Điều 35).

7. Về chính sách đối với cơ sở CNQP, cơ sở CNAN, cơ sở công nghiệp động viên; chế độ, chính sách đối với người lao động tại cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt, cơ sở công nghiệp động viên (Mục 1, 2 Chương IV)

- Luật quy định chế độ, chính sách cho: (1) Cơ sở CNQP, cơ sở CNAN bao gồm: Cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt là doanh nghiệp; cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt không phải là doanh nghiệp; cơ sở CNQP, cơ sở CNAN khác; cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt nghiên cứu, sản xuất VKTBKT có ý nghĩa chiến lược, PTKTNV đặc biệt; (2) Cho người lao động, chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, Tổng công trình sư trong cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt.

- Trong đó, các Chế độ chính sách cho cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt là doanh nghiệp (khoản 1 Điều 61): (1) Được chủ động mua sắm vật tư và chuẩn bị các yếu tố bảo đảm, tổ chức nghiên cứu, sản xuất bảo đảm tiến độ, chất lượng sản phẩm; (2) Được trích khấu hao, trích hao mòn theo chế độ đặc thù; (3) Được Nhà nước hỗ trợ mức đóng chênh lệch bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong trường hợp kết quả sản xuất, kinh doanh không bảo đảm đủ mức lương và các khoản phụ cấp.

- Chế độ chính sách cho cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN nông cốt không phải là doanh nghiệp (khoản 2 Điều 61): (1) Được giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đối với kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; (2) Được sử dụng kinh phí chi thường xuyên và nguồn thu hợp pháp khác để thuê chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư; (3)

Được ưu tiên bố trí ngân sách để xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, chế tạo trong lĩnh vực vật liệu mới, sản phẩm công nghệ cao, phát triển công nghệ nền, công nghệ lõi.

- Các cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt khi nghiên cứu, sản xuất VKTBKT có ý nghĩa chiến lược, PTKTNV đặc biệt ngoài được hưởng chính sách theo quy định của Luật còn được hưởng thêm các chính sách đặc thù sau (Điều 63): (1) Được bù đắp từ nguồn lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp, được phân bổ 05 năm kể từ thời điểm có quyết định kết thúc đề án, chương trình, dự án và quyết toán chi phí cho các nhiệm vụ không thành công; (2) Được không áp dụng tiêu chí bảo toàn, phát triển vốn đối với phần vốn đầu tư cho các nhiệm vụ nghiên cứu, sản xuất VKTBKT có ý nghĩa chiến lược, PTKTNV đặc biệt; (3) Được bảo lãnh thanh toán đặc biệt; (4) Được đảm bảo nguồn tài chính theo kế hoạch giao nhiệm vụ, đặt hàng sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh.

- Người lao động trong cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt là doanh nghiệp (khoản 1 Điều 65) được hưởng chính sách đặc thù, gồm: (1) Được đảm bảo đủ lương theo chức vụ, chức danh, cấp hàm, ngạch, bậc và phụ cấp đặc thù trong trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không bảo đảm; (2) Được xem xét, giải quyết chính sách thương binh hoặc người hưởng chính sách như thương binh, nếu hy sinh được xem xét công nhận là liệt sỹ; (3) Được hưởng quyền tác giả, bảo hộ quyền tác giả đối với sản phẩm từ hoạt động khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Nhà nước; (4) Được hỗ trợ về lương và phụ cấp đặc thù khi thực hiện nhiệm vụ ngoài nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh.

- Người lao động trong cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt không phải là doanh nghiệp (khoản 2 Điều 65) được hưởng lương, phụ cấp đặc thù từ ngân sách nhà nước và các khoản thu nhập khác từ nguồn kinh phí bảo đảm cho công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ, đào tạo nhân lực,...

- Các chế độ chính sách cho chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư tham gia hoạt động CNQP, AN (Điều 66) như: (1) Được đàm phán và hưởng lương, thưởng, lợi ích từ kết quả công việc theo thỏa thuận với cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt; (2) Được Nhà nước bảo đảm nguồn lực, điều kiện cơ sở vật chất thực hiện nhiệm vụ;...(3) Được ưu tiên bố trí nhà ở công vụ; được hỗ trợ phương tiện đi lại trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; (4) Trường hợp có nguyện vọng phục vụ lâu dài thì được xem xét tuyển dụng giữ chức vụ của sĩ quan và ưu tiên phong cấp bậc quân hàm sĩ quan; (5) Được hưởng chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân; (6) Trường hợp là người nước ngoài thì được xem xét rút ngắn quy trình thủ tục thẩm định cấp giấy phép lao động.

8. Về cơ chế, chính sách đặc thù đối với hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ CNQP, CNAN (Mục 3, Chương IV)

Hoạt động khoa học và công nghệ trước đây được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Công nghệ cao, Luật Đấu thầu. Trong thực tiễn, các quy định này có bất cập khi áp dụng cho nghiên cứu, thiết kế, chế tạo mới VKTBKT, PTKTNV. Theo quy định hiện hành, để triển khai từ nghiên cứu đến sản xuất thử nghiệm sản phẩm phải trải qua nhiều bước rời rạc làm cho thời gian triển khai kéo dài, phải mất 08 đến 10 năm mới đưa sản phẩm nghiên cứu vào trang bị; kết quả đề tài áp dụng vào thực tế chưa nhiều; cơ chế mua sắm vật tư đặc chủng trong hoạt động khoa học và công nghệ theo Luật Đấu thầu khó thực hiện; thủ tục thanh toán đề tài phức tạp, mất nhiều thời gian, công sức; chưa có quy định giảm rủi ro khi thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để các nhà khoa học có thể an tâm dám nghĩ, dám làm do những sản phẩm VKTBKT có ý nghĩa chiến lược, PTKTNV đặc biệt phải thử nghiệm rất nhiều lần, thậm chí hàng trăm lần mới có thể thành công....

Do đó, Luật CNQP, AN và ĐVCN đã có cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tạo hành lang pháp lý giải quyết những bất cập, tạo đột phá, đẩy nhanh quá trình từ nghiên cứu đến đưa sản phẩm vào trang bị; tập trung trên các mặt (Điều 68): (1) Cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt được tự chủ tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao như: Mua sáng chế, thiết kế, tài liệu kỹ thuật, bí quyết công nghệ, vật tư, bán thành phẩm phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ; sử dụng chuyên gia, nhà khoa học, nhân lực chất lượng cao trong nước và nước ngoài; lựa chọn hình thức, đối tác hợp tác; được lựa chọn áp dụng khoán chi đến sản phẩm cuối cùng... (2) Tổ chức, cá nhân được miễn trách nhiệm dân sự, khi thực hiện nhiệm vụ được giao do nguyên nhân khách quan, mặc dù đã thực hiện đầy đủ quy trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (3) Được phân chia một phần lợi nhuận từ sản xuất sản phẩm có ứng dụng kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ để tái đầu tư nghiên cứu, chế tạo, phát triển các sản phẩm mới; (4) Cá nhân được trả thù lao theo hình thức khoán công việc được giao.

Chương trình, đề án, dự án nghiên cứu, thiết kế, chế tạo, sản xuất VKTBKT, PTKTNV có ý nghĩa chiến lược được hưởng chính sách (khoản 2 Điều 69) như: (1) Được bảo đảm toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác; (2) Được ứng trước kinh phí hoặc huy động kinh phí từ nguồn hợp pháp để nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và sản xuất thử nghiệm sản phẩm theo yêu cầu tính năng chiến thuật, kỹ thuật được cấp thẩm quyền phê duyệt; (3) Được áp dụng cơ chế đặc biệt để triển khai thực hiện mua tài liệu thiết kế, bí quyết công nghệ, sản phẩm mẫu, vật tư đặc chủng, thuê chuyên gia nước ngoài; (4) Được dự toán kinh phí dự phòng đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ có nội dung nghiên cứu, chế tạo.

9. Về hợp tác quốc tế và thương mại quốc tế về CNQP, AN (Chương V)

Trong những năm qua, hợp tác và thương mại quốc tế trong lĩnh vực CNQP, AN luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm; được đẩy mạnh theo hướng phát triển sâu rộng cả về phạm vi và mức độ hợp tác, góp phần từng bước đưa CNQP Việt Nam hội nhập thế giới, trong đó có những nội dung mang tính đột phá, đóng góp hiệu quả vào công cuộc phát triển kinh tế-xã hội, góp phần giữ vững an ninh quốc gia, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới, nâng cao tiềm lực quốc phòng và sức mạnh của quân đội. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung này mới chỉ ở các nghị định và thông tư, nhằm thể chế hoá Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 26/01/2022, Luật đã quy định 01 chương về hợp tác và thương mại quốc tế trong lĩnh vực CNQP, AN với các chính sách nổi bật như sau: (1) Cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt được liên doanh, liên kết với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp nước ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của CNQP, AN (khoản 2, 3 Điều 72); (2) Chuyên gia, nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài được khuyến khích tham gia hoạt động CNQP, AN trong lĩnh vực công nghệ cao (khoản 3 Điều 71); (3) Các nội dung về nhập khẩu (Điều 73) như: Sản phẩm, dịch vụ nhập khẩu phục vụ CNQP, AN được miễn thuế nhập khẩu, miễn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng; được ưu tiên thông quan theo pháp luật về hải quan; chỉ nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ quốc phòng, an ninh mà CNQP, AN trong nước chưa sản xuất được; ưu tiên nhập khẩu sản phẩm, dịch vụ phục vụ CNQP, AN trực tiếp từ nhà sản xuất hoặc đối tác có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo nhân lực;...(4) Các nội dung về xuất khẩu (Điều 74) như: Sản phẩm, dịch vụ CNQP, AN xuất khẩu được miễn thuế xuất khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; được ưu tiên thông quan theo quy định của pháp luật về hải quan; Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định việc xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ CNQP, AN;...(5) Cơ sở CNQP do Bộ Quốc phòng quản lý, cơ sở CNAN do Bộ Công an quản lý tiếp nhận chuyển giao công nghệ được hưởng ưu đãi về thuế theo quy định của pháp luật về thuế; miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai (khoản 4 Điều 75); các quy định về chuyển giao công nghệ với đối tác nước ngoài cũng được quy định cụ thể (khoản 1, 2 Điều 75); (6) Giao thẩm quyền cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình quyết định tham gia trưng bày sản phẩm quốc phòng, an ninh tại triển lãm quốc phòng, an ninh quốc tế; tiếp xúc, trao đổi, giới thiệu sản phẩm quốc phòng, an ninh (khoản 4 Điều 76).

Ngoài ra, Luật quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội như: Quy định về quy hoạch CNQP, quy hoạch CNAN; phát triển CNQP, AN lưỡng

dụng..., trong đó đã có cách tiếp cận mới, phù hợp để huy động tối đa tiềm lực về công nghiệp quốc gia tham gia phục vụ quốc phòng, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trước mắt, lâu dài, trong mọi tình huống...

III. CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC CHO CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT CNQP, AN VÀ ĐVCN

Luật CNQP, AN và ĐVCN có hiệu lực từ ngày 01/7/2025; hiện nay, Bộ Quốc phòng đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật CNQP, AN và ĐVCN, làm cơ sở để các Bộ, ngành, địa phương triển khai, thực hiện các nội dung, gồm:

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, tập huấn chuyên sâu, nội dung mới về Luật CNQP, AN và ĐVCN.

2. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến CNQP, AN và ĐVCN để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật phù hợp với Luật CNQP, AN và ĐVCN.

3. Xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật, dự kiến gồm:

a) Về nghị định của Chính phủ, gồm 05 Nghị định, cụ thể:

- Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật CNQP, AN và ĐVCN;

- Nghị định quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ CNQP, AN;

- Nghị định quy định một số chính sách đối với cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở CNQP nòng cốt, cơ sở CNAN nòng cốt;

- Nghị định quy định chi tiết một số điều về quản lý nguồn lực tài chính cho CNQP, AN và Quỹ CNQP, AN;

- Nghị định quy định về quản lý, sử dụng ngân sách bảo đảm cho ĐVCN; chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ ĐVCN.

b) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, gồm 03 Quyết định, cụ thể:

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí đối với chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực CNQP, AN;

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí, danh mục nhóm sản phẩm VKTBKT có ý nghĩa chiến lược;

- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí, danh mục nhóm sản phẩm PTKTNV đặc biệt.

c) Về thông tư của Bộ trưởng, gồm 04 thông tư, cụ thể:

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng;

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về khảo sát, lựa chọn, đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện ĐVCN; hoàn chỉnh, quản lý, duy trì năng lực dây chuyền ĐVCN;

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch ĐVCN các cấp; thông báo quyết định ĐVCN.

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quản lý hoạt động sản xuất an ninh.

4. Về chuẩn bị nguồn lực triển khai thi hành Luật CNQP, AN và ĐVCN

- Bố trí, sử dụng đội ngũ cán bộ, nhân viên có chuyên môn sâu, giàu kinh nghiệm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; ưu tiên, bảo đảm đầy đủ cơ sở, vật chất điều kiện làm việc để khuyến khích, động viên đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác xây dựng pháp luật.

- Bảo đảm kinh phí để xây dựng văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; kinh phí tổ chức triển khai Luật; kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến Luật; kinh phí theo dõi thi hành Luật; kinh phí đầu tư cho các cơ sở CNQP, AN, doanh nghiệp tham gia ĐVCN, bảo đảm dự trữ vật tư kỹ thuật cho CNQP, AN; kinh phí hỗ trợ chế độ, chính sách cho cơ sở CNQP nông cốt, cơ sở CNAN, doanh nghiệp tham gia ĐVCN, các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động CNQP, AN; kinh phí thực hiện khảo sát, lựa chọn doanh nghiệp; kinh phí thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư về CNQP, AN; kinh phí thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thi hành Luật; kinh phí sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật

- Đối với nhiệm vụ triển khai trong năm 2024, các bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động bố trí trong nguồn ngân sách nhà nước được giao trong năm 2024 để triển khai thực hiện.

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan bố trí kinh phí thường xuyên theo pháp luật về ngân sách nhà nước bảo đảm triển khai thực hiện.

- Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ có trách nhiệm lập kế hoạch, dự toán, quyết toán, quản lý sử dụng và báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

- Bộ Quốc phòng hướng dẫn đề bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng tổ chức triển khai thực hiện Luật CNQP, AN và ĐVCN liên quan đến nội dung CNQP, ĐVCN.

- Bộ Công an hướng dẫn để bộ, ngành, địa phương, cơ quan đơn vị thuộc Bộ Công an tổ chức triển khai thực hiện Luật CNQP, AN và ĐVCN liên quan đến nội dung CNAN.

- Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát tình hình thi hành Luật CNQP, AN và ĐVCN và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật CNQP, AN và ĐVCN.

- Theo dõi, tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật CNQP, AN và ĐVCN.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để triển khai và thực hiện kịp thời, hiệu quả dự án Luật CNQP, AN và ĐVCN trong thực tiễn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quân sự, quốc phòng, cơ yếu; Bộ Quốc phòng đề nghị Bộ Tư pháp và các bộ, ngành:

1. Bộ Tư pháp thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên sâu nghiệp vụ, kỹ năng soạn thảo văn bản QPPL, kỹ năng đánh giá tác động chính sách, thủ tục hành chính trong lập đề nghị, dự án, dự thảo văn bản QPPL.

2. Tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện hỗ trợ để các dự án luật do Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo, báo cáo Chính phủ trình Quốc hội trong thời gian tới trên các lĩnh vực như: Phòng không nhân dân; tình trạng khẩn cấp; biên giới quốc gia, Sĩ quan Quân đội nhân Việt Nam; gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc; tác chiến không gian mạng, v.v, nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật quân sự, quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng Quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh hội nhập quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

3. Đề nghị các bộ, ngành được cơ quan chủ trì xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gửi xin ý kiến tham gia đóng góp hoặc trình văn bản, kịp thời chỉ đạo cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ, đẩy nhanh tiến độ tham gia đóng góp ý kiến, thẩm định, thẩm tra để cơ quan chủ trì soạn thảo trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoặc ban hành theo thẩm quyền đúng thời hạn quy định./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Một số nội dung trọng tâm của Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành

- Bộ Nội vụ -

Luật Lưu trữ năm 2011 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo hành lang pháp lý thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về lưu trữ của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương; hệ thống tổ chức lưu trữ lịch sử các cấp, lưu trữ cơ quan và người làm lưu trữ từng bước được kiện toàn, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; cơ sở vật chất và kinh phí dành cho công tác lưu trữ được quan tâm đầu tư; tài liệu lưu trữ bảo quản tại các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, Trung tâm Lưu trữ lịch sử ở địa phương và Lưu trữ cơ quan cơ bản được chỉnh lý, xác định giá trị, bảo vệ, bảo quản an toàn, sử dụng có hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Tuy nhiên, sau hơn 10 năm thực hiện, bên cạnh những kết quả đạt được, Luật Lưu trữ năm 2011 đã bộc lộ những bất cập, hạn chế, một số quy định không còn phù hợp với tình hình thực tiễn, nhất là với các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (trong đó có lĩnh vực lưu trữ) để tăng cường hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, cụ thể là:

Thứ nhất, sau khi có Luật Lưu trữ năm 2011, Đảng đã có nhiều chủ trương, chính sách mới về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, toàn diện và hội nhập quốc tế; đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chương trình, đề án, chiến lược thực hiện chủ trương này của Đảng, trong đó có lĩnh vực lưu trữ. Trong quá trình triển khai thực hiện có những vấn đề đã được thực tiễn kiểm nghiệm, khẳng định tính hiệu quả cần được tổng hợp, khái quát và luật hóa, tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho việc xây dựng nền lưu trữ hiện đại, góp phần bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về lưu trữ.

Thứ hai, nhiều vấn đề của thực tiễn chưa được Luật Lưu trữ năm 2011 quy định hoặc đã được quy định nhưng chưa cụ thể, gây khó khăn trong quá trình thực hiện. Đó là:

- Vấn đề về thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ, bao gồm: (1) quản lý tài liệu lưu trữ Phòng lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam và Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam; (2) thẩm quyền quản lý tài liệu của các ngành quốc phòng, công an, ngoại giao; (3) quản lý tài liệu lưu trữ cấp xã.

- Vấn đề về quản lý tài liệu lưu trữ điện tử và quản lý cơ sở dữ liệu tài liệu

lưu trữ đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa nền hành chính, hội nhập quốc tế, phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số, bao gồm: (1) các khái niệm cơ bản; (2) giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ số; (3) kho lưu trữ số; (4) hoạt động nghiệp vụ đối với tài liệu lưu trữ số và tài liệu lưu trữ điện tử khác.

- Vấn đề về hoạt động lưu trữ tư, bao gồm: (1) quản lý tài liệu lưu trữ tư; (2) trách nhiệm của Nhà nước và quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với tài liệu lưu trữ tư; (3) tổ chức lưu trữ tư.

- Vấn đề về quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ, bao gồm: (1) quy định về hoạt động dịch vụ lưu trữ và đối tượng kinh doanh hoạt động dịch vụ lưu trữ; (2) trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động dịch vụ lưu trữ; (3) thẩm quyền cấp, cấp lại, thu hồi và đối tượng được cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ; (4) lệ phí cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 (sau đây gọi là Luật Lưu trữ năm 2024) được ban hành đã thể chế hóa chủ trương, chính sách Đảng và nhà nước về chuyển đổi số; xã hội hóa hoạt động lưu trữ, thu hút các nguồn lực để phát triển các sản phẩm và dịch vụ trong lĩnh vực lưu trữ; bảo quản an toàn tài liệu lưu trữ và thực hiện “sứ mệnh” phát huy giá trị tài liệu lưu trữ, nhằm khơi dậy khát vọng đất nước phồn vinh, hạnh phúc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế.

I. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA LUẬT LƯU TRỮ SỐ 33/2024/QH15

Trên cơ sở kế thừa quy định của Luật Lưu trữ năm 2011, Luật Lưu trữ năm 2024 được xây dựng tập trung làm rõ 04 chính sách lớn gồm: (1) thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ thuộc Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam; (2) quản lý tài liệu lưu trữ điện tử đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển Chính phủ điện tử; (3) quản lý tài liệu lưu trữ tư; (4) quản lý hoạt động dịch vụ lưu trữ. Các chính sách trên được quy định thống nhất, xuyên suốt trong toàn bộ Luật Lưu trữ năm 2024 và thể hiện cụ thể ở 05 nội dung trọng tâm sau:

1. Về quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ

a) Thành phần Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam

Luật Lưu trữ năm 2024 bổ sung tài liệu lưu trữ tư vào thành phần Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam để bảo đảm Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam bao gồm toàn bộ tài liệu lưu trữ của nước Việt Nam. Như vậy, theo quy định Luật Lưu trữ năm 2024, thành phần Phòng lưu trữ quốc gia Việt Nam gồm Phòng lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, Phòng lưu trữ Nhà nước Việt Nam và tài liệu lưu trữ tư (khoản 1 Điều 9).

b) Quy định về thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ.

Luật Lưu trữ năm 2024 bổ sung các quy định về thẩm quyền quản lý tài liệu Phong lưu trữ quốc gia Việt Nam theo hướng phân định rõ thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ giữa Phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam và Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam; giữa cơ quan lưu trữ của Nhà nước ở trung ương và ở địa phương; phân cấp thẩm quyền quản lý tài liệu, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ các ngành quốc phòng, công an, Bộ ngoại giao, cụ thể:

Thứ nhất, cơ quan có thẩm quyền của Đảng Cộng sản Việt Nam quản lý và lưu trữ tài liệu lưu trữ thuộc phạm vi quản lý và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam (khoản 1 Điều 10).

Thứ hai, Bộ Nội vụ quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở trung ương; cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam, không bao gồm cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của ngành quốc phòng, công an, Bộ Ngoại giao; tài liệu lưu trữ dự phòng Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam, không bao gồm tài liệu lưu trữ dự phòng của ngành quốc phòng, công an, Bộ Ngoại giao (khoản 2 Điều 10).

Thứ ba, giao Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Ngoại giao quản lý và lưu trữ tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động, tài liệu lưu trữ dự phòng, tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ của ngành quốc phòng, công an, Bộ Ngoại giao (khoản 3 Điều 10).

Thứ tư, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở cấp tỉnh; cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, tổ chức ở cấp tỉnh, cấp huyện và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã và tài liệu lưu trữ của hội quần chúng ở địa phương do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (khoản 4 Điều 10).

Thứ năm, các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nhà nước, hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ quản lý và lưu trữ tài liệu lưu trữ, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tại lưu trữ hiện hành và tài liệu lưu trữ khác theo quy định của luật có liên quan (khoản 5 Điều 10).

Thứ sáu, tổ chức, cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng quản lý và lưu trữ tài liệu lưu trữ tư, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ tư (nếu có) (khoản 6 Điều 10).

Các quy định nêu trên nhằm tạo hành lang pháp lý thống nhất quản lý tài liệu lưu trữ và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phân cấp và phân định rõ thẩm quyền quản lý tài liệu lưu trữ, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ giữa các cơ quan quản lý, giữa lưu trữ hiện hành và lưu trữ

lịch sử; phân công các ngành quốc phòng, công an, ngoại giao có trách nhiệm quản lý khối tài liệu lưu trữ đặc thù (liên quan đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại quốc gia).

2. Về nghiệp vụ lưu trữ

a) Quy định chung về nghiệp vụ lưu trữ

Luật Lưu trữ năm 2024 có một số quy định mới về nghiệp vụ lưu trữ, cụ thể:

- Về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu, Luật Lưu trữ năm 2024 giao Bộ trưởng các bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước quy định cụ thể thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước sau khi có ý kiến của Bộ Nội vụ; giao người đứng đầu cơ quan, tổ chức quy định cụ thể thời hạn lưu trữ đối với tài liệu thuộc thẩm quyền quản lý để phù hợp với tính chất của từng ngành, lĩnh vực. Đây là quy định mới trong việc phân quyền quản lý công tác lưu trữ cho các bộ, ngành do tài liệu lưu trữ của mỗi ngành, lĩnh vực có nội dung và tính chất khác nhau và người đứng đầu cơ quan, tổ chức là người nắm rõ về giá trị tài liệu của ngành, lĩnh vực mình phụ trách đối với hoạt động thực tiễn, nghiên cứu khoa học, lịch sử. Tuy nhiên, để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, trước khi ban hành quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu, các các bộ, ngành phải có ý kiến Bộ Nội vụ.

- Về thời hạn nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử: Luật Lưu trữ 2024 quy định thời hạn nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử tối đa là 05 năm tính từ năm nộp vào lưu trữ hiện hành (khoản 3 Điều 17). Việc rút ngắn thời hạn nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử tạo điều kiện cho người dân tiếp cận tài liệu lưu trữ sớm hơn, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ; hạn chế tình trạng mất, hỏng tài liệu lưu trữ vĩnh viễn và giúp bảo quản tài liệu lưu trữ tốt hơn. Đối với các tài liệu cần sử dụng thường xuyên do đặc thù hoạt động của cơ quan, đơn vị, Luật Lưu trữ đã bổ sung quy định tài liệu lưu trữ của ngành quốc phòng, công an, Bộ Ngoại giao do các Bộ trực tiếp quản lý (khoản 3 Điều 10) và trường hợp luật khác có quy định về thời hạn nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử thì thời hạn nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử tối đa là 30 năm, kể từ năm nộp vào lưu trữ hiện hành (khoản 3 Điều 17).

- Đối với hồ sơ có tài liệu đóng dấu chỉ độ mật hoặc tài liệu có đóng dấu chỉ độ mật chỉ được nộp vào lưu trữ lịch sử sau khi tài liệu được giải mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước (khoản 6 Điều 17). Như vậy, hồ sơ, tài liệu chứa bí mật nhà nước được bảo quản an toàn tại các cơ quan, tổ chức cho đến khi được giải mật; tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức chủ động thống kê, giải mật tài liệu. Quy định này góp phần tạo điều kiện thuận

lợi cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân được tiếp cận hoặc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu đang bảo quản tại lưu trữ lịch sử.

- Về nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ lịch sử: Luật Lưu trữ năm 2024 quy định tài liệu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã phải nộp vào lưu trữ lịch sử. Quy định này xuất phát từ thực tế khối lượng hồ sơ, tài liệu được lưu trữ tại cấp xã rất lớn, chủ yếu là tài liệu chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành thuộc lĩnh vực hộ tịch, đất đai và tài liệu hình thành trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của chính quyền cấp xã, bao gồm cả tài liệu lưu trữ vĩnh viễn. Trong khi đó, nguồn lực về con người và cơ sở vật chất dành cho công tác lưu trữ tại cấp xã rất hạn chế dẫn đến việc lưu trữ tại nhiều địa phương không bảo đảm, tài liệu bị mất, hư hỏng. Như vậy, quy định Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp xã nộp tài liệu lưu trữ vĩnh viễn của cấp xã vào lưu trữ lịch sử của Nhà nước ở cấp tỉnh (điểm đ khoản 2 Điều 18) nhằm bảo đảm quản lý, bảo quản và phát huy hiệu quả giá trị tài liệu lưu trữ (tài liệu đã nộp vào lưu trữ lịch sử vẫn được khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật, do đó vẫn bảo đảm nhu cầu sử dụng tài liệu lưu trữ của người dân và đáp ứng yêu cầu quản lý của chính quyền cơ sở).

b) Quy định về lưu trữ tài liệu điện tử và tài liệu số

Luật Lưu trữ năm 2024 bổ sung nhiều quy định mới về nghiệp vụ lưu trữ tài liệu điện tử như: khẳng định tài liệu lưu trữ số có đầy đủ giá trị pháp lý như thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử (khoản 3 Điều 7); quy định tài liệu lưu trữ tạo lập dạng số; bản số hóa tài liệu lưu trữ, kho lưu trữ số; các hoạt động thu nộp, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ số và hủy tài liệu lưu trữ số hết giá trị; lưu trữ tài liệu lưu trữ điện tử khác.

Các quy định nêu trên nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; đẩy mạnh chuyển đổi số hoạt động lưu trữ, đáp ứng yêu cầu xây dựng Lưu trữ số, Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số; đồng thời để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ, phù hợp với quy định trong các luật chuyên ngành về công nghệ thông tin, giao dịch điện tử, an ninh mạng, tiếp cận thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước và đặt ra những quy định tiêu chuẩn kỹ thuật của Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ số và Kho lưu trữ số để quản lý thống nhất tài liệu lưu trữ số, đáp ứng yêu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức.

3. Về tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

a) Về tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt

Luật Lưu trữ năm 2024 quy định về tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt trên

cơ sở kế thừa quy định của Luật Lưu trữ năm 2011 về tài liệu lưu trữ quý, hiếm. Trong quá trình thực hiện Luật Lưu trữ năm 2011, tên gọi “tài liệu lưu trữ quý, hiếm” (Điều 26 Luật Lưu trữ 2011) dẫn đến một số vướng mắc như nội hàm của từ “quý, hiếm” không bao quát được ý nghĩa về nội dung, giá trị thông tin, giá trị pháp lý của tài liệu lưu trữ là những thông tin có giá trị đặc biệt, phục vụ yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần được lưu giữ, bảo vệ, bảo quản vĩnh viễn; khó phân định, không rõ khi nào là tài liệu lưu trữ quý, khi nào là tài liệu lưu trữ hiếm; trùng lặp một phần với khái niệm “bảo vật quốc gia” theo quy định của Luật Di sản văn hóa năm 2001. Do đó, Luật Lưu trữ năm 2024 đã thay đổi tên gọi “tài liệu lưu trữ quý, hiếm” thành “tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt”.

Đồng thời, trên cơ sở kế thừa một số quy định về tài liệu lưu trữ quý, hiếm của Luật Lưu trữ năm 2011, Luật Lưu trữ năm 2024 quy định các tiêu chí về nội dung và tiêu chí về hình thức để xác định tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt, bảo đảm tính toàn diện, phù hợp với tính chất của tài liệu lưu trữ. Theo đó, tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt phải đáp ứng một trong các tiêu chí về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 38 và một trong các tiêu chí về hình thức, xuất xứ quy định tại khoản 3 Điều 38. Mặt khác, Luật Lưu trữ năm 2024 cũng quy định trình tự, thủ tục công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt và giao Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết trình tự, thủ tục công nhận, hủy bỏ việc công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt nhằm khẳng định giá trị của tài liệu lưu trữ và bảo đảm việc phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ.

b) Về phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Xác định rõ vai trò, tầm quan trọng và giá trị của tài liệu lưu trữ, bám sát đường lối chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước thông qua các văn kiện của Đảng như Nghị quyết số 03-NQ/TW ngày 16 tháng 7 năm 1998 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X tháng 4 năm 2006, tại Mục VIII đã nêu “Bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ”; Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 6 năm 2014 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 9 khóa XI về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước... trong những năm qua ngành Lưu trữ đã và đang cố gắng làm tốt sứ mệnh “bảo vệ, bảo quản an toàn và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ quốc gia” mà Đảng và Nhà nước giao phó, không ngừng nỗ lực đưa giá trị thông tin trong tài liệu lưu trữ vào thực tiễn cuộc sống, góp phần phục vụ công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh chính trị và chủ quyền đất nước.

Tại Luật Lưu trữ năm 2024 cũng đã xác định phát huy giá trị tài liệu lưu

trữ là mục tiêu, nhiệm vụ quan trọng của công tác lưu trữ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Để cụ thể mục tiêu này, Nhà nước sẽ có chính sách ưu tiên nguồn vốn đầu tư công và nguồn lực khác để phát huy giá trị tài liệu lưu trữ; khuyến khích tổ chức, cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ tư; khuyến khích tổ chức, cá nhân tài trợ, tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị tài liệu lưu trữ. Trên cơ sở đó, những tài liệu có giá trị được phát huy bằng những hình thức khác nhau như: công bố; triển lãm giới thiệu tài liệu; biên soạn, phát hành xuất bản phẩm lưu trữ; lồng ghép trong hoạt động của cơ sở giáo dục; tổ chức các hoạt động giao lưu, tọa đàm, hội nghị, hội thảo, sự kiện giáo dục, du lịch liên quan đến lưu trữ;...

4. Về lưu trữ tư

Luật Lưu trữ năm 2024 xác định rõ phạm vi của lưu trữ tư, là lưu trữ của cá nhân, gia đình, dòng họ, cộng đồng, tổ chức không phải là hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ (khoản 14 Điều 2). Đồng thời, Luật cũng quy định về trách nhiệm quản lý lưu trữ tư; chính sách của Nhà nước để phát triển lưu trữ tư; quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tài liệu lưu trữ tư; ký gửi tài liệu lưu trữ tư vào lưu trữ lịch sử; tặng cho Nhà nước tài liệu lưu trữ tư; tài liệu lưu trữ tư có giá trị đặc biệt.

Các quy định nêu trên nhằm góp phần nâng cao nhận thức của xã hội về việc lưu giữ, bảo vệ, bảo quản và phát huy giá trị tài liệu tư để phục vụ lợi ích cộng đồng, lợi ích quốc gia. Theo đó, với mục tiêu phát triển lưu trữ tư, Nhà nước có chính sách để bảo vệ, bảo đảm, tôn trọng quyền sở hữu đối với tài liệu lưu trữ tư và tạo hành lang pháp lý, điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động lưu trữ. Những quy định này vừa bảo đảm phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ tư, vừa bảo đảm hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước, hài hòa mối quan hệ giữa Nhà nước và tổ chức, cá nhân trong quản lý tài liệu lưu trữ tư.

5. Về hoạt động dịch vụ lưu trữ

Luật Lưu trữ 2024 quy định về các hoạt động dịch vụ lưu trữ và khẳng định các hoạt động dịch vụ lưu trữ thuộc ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (Điều 53); đồng thời, làm rõ phạm vi cung cấp dịch vụ lưu trữ của các tổ chức, cá nhân; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động dịch vụ lưu trữ (bao gồm trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân hoạt động dịch vụ lưu trữ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức sử dụng dịch vụ lưu trữ).

Đối với quy định về Chứng chỉ hành nghề lưu trữ, Luật Lưu trữ năm

2024 quy định theo hướng mở rộng đối tượng được cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ bao gồm: cá nhân có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên phù hợp với hoạt động dịch vụ lưu trữ, là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ do Bộ Nội vụ tổ chức; trường hợp cá nhân có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ngành lưu trữ thì chỉ cần đáp ứng điều kiện là công dân Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ không cần kiểm tra nghiệp vụ.

Các quy định nêu trên nhằm bảo đảm các nguyên tắc an toàn, bảo mật tài liệu lưu trữ chứa thông tin quan trọng trong hoạt động quản lý của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; tránh nguy cơ mất tài liệu, mất dữ liệu, lộ lọt thông tin, dữ liệu không được sao lưu khi tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia kinh doanh dịch vụ lưu trữ tiếp cận tài liệu lưu trữ. Đồng thời, việc quy định về Chứng chỉ hành nghề lưu trữ nhằm bảo đảm yêu cầu về trình độ, năng lực của cá nhân khi tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ.

II. CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC CHO CÔNG TÁC TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT

1. Xây dựng hệ thống văn bản triển khai thi hành Luật

Theo quy định tại Luật Lưu trữ năm 2024, hệ thống văn bản quy định chi tiết Luật Lưu trữ năm 2024 gồm:

- Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ (khoản 5 Điều 11; khoản 5 Điều 21; khoản 5 Điều 22; khoản 4 Điều 25; khoản 6 Điều 53 gồm các nội dung: Xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ Phong lưu trữ Nhà nước Việt Nam; Kho lưu trữ chuyên dụng; Lưu trữ dự phòng; Việc tiếp cận có điều kiện đối với tài liệu lưu trữ tại lưu trữ lịch sử; Điều kiện để tổ chức đầu tư kinh doanh dịch vụ lưu trữ; quy định trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ lưu trữ);

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 34, khoản 7 Điều 36 Luật Lưu trữ (gồm các nội dung: Thẻ thức, kỹ thuật trình bày khi chuyển đổi tài liệu lưu trữ số sang tài liệu lưu trữ giấy; Thẻ thức, kỹ thuật trình bày và quy trình số hóa tài liệu lưu trữ; Thu nộp, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ số và hủy tài liệu lưu trữ số hết giá trị);

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết khoản 2 Điều 13, khoản 6 Điều 16, khoản 3 Điều 19, khoản 5 Điều 23, khoản 6 Điều 39, khoản 7 Điều 56 Luật Lưu trữ (gồm các nội dung: Quản lý tài liệu lưu trữ trong trường hợp cơ quan, tổ chức giải thể, phá sản hoặc tổ chức lại; Trình tự, thủ tục hủy tài liệu lưu trữ; Trình tự, thủ tục, việc thu nộp hồ sơ, tài liệu và sưu tầm tài liệu vào

lưu trữ lịch sử; Hình thức sử dụng tài liệu lưu trữ, bản sao tài liệu lưu trữ; Trình tự, thủ tục công nhận, hủy bỏ tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt; Việc kiểm tra nghiệp vụ lưu trữ; cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề lưu trữ);

- Thông tư của các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Quyết định của Tổng Kiểm toán nhà nước quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu (Khoản 5 Điều 15);

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định về lưu trữ thuộc phạm vi quản lý; quy định nguyên tắc thu nộp, bảo quản, sử dụng và mang tài liệu lưu trữ ngành quốc phòng, công an, ngoại giao ra ngoài lưu trữ để sử dụng trong nước và nước ngoài; hủy tài liệu lưu trữ số của ngành quốc phòng;

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy chuẩn về bảo mật, xác thực trong hoạt động nghiệp vụ lưu trữ của các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về cơ yếu, chữ ký số chuyên dùng công vụ;

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng trong lưu trữ tài liệu điện tử và quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu (khoản 5 Điều 15, khoản 4 Điều 58);

- Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ (khoản 2 Điều 63).

2. Chuẩn bị nguồn nhân lực

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng để triển khai thực hiện Luật Lưu trữ năm 2024. Hiện nay, nguồn nhân lực làm lưu trữ hiện có tuy ít nhưng tinh thông, cơ bản đáp ứng được nhu cầu phát triển, chuyên nghiệp, chuyên môn hóa sâu.

Để bảo đảm tính khả thi triển khai thi hành Luật Lưu trữ năm 2024, Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan cần tập trung nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp, tập trung hoàn thiện ban hành hệ thống văn bản kịp thời, đồng bộ, thống nhất, có chất lượng. Bộ Nội vụ tham mưu xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành “Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành lưu trữ đáp ứng yêu cầu quản lý tài liệu điện tử”.

Bên cạnh đó, cần đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về nghiệp vụ lưu trữ, công nghệ thông tin, di sản văn hóa, truyền thông... Ưu tiên xây dựng, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ công chức, tuyên truyền viên thuộc các cơ quan trung ương và địa phương được giao tổ chức thi hành Luật Lưu trữ. Đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số ngành lưu trữ hiện nay, cần

tăng cường bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin cho người làm lưu trữ và kiến thức về lưu trữ cho người làm công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu xây dựng nền lưu trữ hiện đại.

Thu hút, tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao làm lưu trữ tại các cơ quan, tổ chức cũng như tham gia hoạt động dịch vụ lưu trữ tại các doanh nghiệp.

Nghiên cứu, đổi mới chương trình đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học theo hướng chuyên sâu hơn về lưu trữ tài liệu điện tử như: số hóa tài liệu lưu trữ, xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ,...

3. Chuẩn bị hạ tầng công nghệ

Một trong những nội dung mới của Luật Lưu trữ năm 2024 là bổ sung nhiều quy định mới về nghiệp vụ lưu trữ tài liệu điện tử nhằm thể chế hóa Nghị quyết số 52-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Để thực hiện các quy định của Luật lưu trữ năm 2024, cần tập trung ưu tiên đầu tư trang thiết bị hạ tầng công nghệ kho lưu trữ số để quản lý tài liệu lưu trữ số của các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, lưu trữ lịch sử tỉnh và cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; xây dựng Nền tảng Lưu trữ số quốc gia tạo môi trường hoạt động nghiệp vụ lưu trữ số; thiết lập hệ thống bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ đối với hệ thống kho lưu trữ số và Nền tảng Lưu trữ số quốc gia.

Các bộ, ngành địa phương cần đầu tư hạ tầng công nghệ và phần mềm để thực hiện nhiệm vụ quản lý tài liệu lưu trữ số, cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ trong phạm vi quản lý và kết nối, chia sẻ dữ liệu tài liệu lưu trữ với Nền tảng Lưu trữ số quốc gia và bộ, ngành, địa phương khác.

4. Chuẩn bị kinh phí

Quan tâm bố trí hợp lý các nguồn lực về tài chính, cơ sở vật chất, tổ chức bộ máy, biên chế và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện Luật Lưu trữ. Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công cho hoạt động lưu trữ trong đó tập trung vào các nội dung như: xây dựng, bố trí kho lưu trữ; hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng công nghệ thông tin lưu trữ; bảo quản, lưu trữ dự phòng, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và thống kê tài liệu lưu trữ; số hóa, xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ; phát huy giá trị tài liệu lưu trữ; chỉnh lý, xác định giá trị; sưu tầm tài liệu lưu trữ./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Một số nội dung trọng tâm của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành

- Bộ Công an-

I. NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA LUẬT QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VŨ KHÍ, VẬT LIỆU NỔ VÀ CÔNG CỤ HỖ TRỢ

Ngày 29/6/2024, tại kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, Bộ Công an báo cáo một số nội dung trọng tâm của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; cụ thể như sau:

1. Bộ cục Luật và nội dung cơ bản của Luật

Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ bao gồm 08 chương, 75 điều, trong đó:

1.1. Chương I. Quy định chung gồm 16 điều (từ Điều 1 đến Điều 16) quy định về: Phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; nguyên tắc quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được trang bị, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; điều kiện, trách nhiệm của người được giao sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; điều kiện, trách nhiệm của người được giao quản lý kho, nơi cất giữ vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; quản lý, bảo quản vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; trường hợp thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; thủ tục thu hồi vũ khí, vật liệu nổ quân dụng, công cụ hỗ trợ và giấy phép, giấy chứng nhận, chứng chỉ về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; trường hợp mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; số lượng, chủng loại vũ khí, công cụ hỗ trợ được phép mang vào, ra lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thủ tục cấp giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để chào hàng, giới thiệu, triển lãm, trưng bày, sản phẩm hoặc làm đạo cụ trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ; giám định vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

1.2. Chương II. Quản lý, sử dụng vũ khí gồm 15 điều (*từ Điều 17 đến Điều 31*) quy định về: Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vũ khí; đối tượng được trang bị vũ khí quân dụng; loại vũ khí quân dụng trang bị cho Cơ yếu, Cơ quan điều tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm lâm, Kiểm ngư, An ninh hàng không, Hải quan cửa khẩu, lực lượng chuyên trách phòng, chống buôn lậu của Hải quan, lực lượng phòng, chống tội phạm về ma túy của Hải quan; thủ tục trang bị vũ khí quân dụng; thủ tục cấp giấy phép sử dụng vũ khí quân dụng; nguyên tắc sử dụng vũ khí quân dụng; các trường hợp nổ súng quân dụng khi thực hiện nhiệm vụ độc lập để bảo đảm an ninh, trật tự; đối tượng được trang bị vũ khí thể thao; thủ tục trang bị vũ khí thể thao; thủ tục cấp giấy phép sử dụng vũ khí thể thao; sử dụng vũ khí thể thao; thủ tục cấp giấy phép mua vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao; vận chuyển vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao; thủ tục cấp giấy phép sửa chữa vũ khí quân dụng, vũ khí thể thao; khai báo vũ khí thô sơ là hiện vật trưng bày, triển lãm, làm đồ gia bảo.

1.3. Chương III. Quản lý, sử dụng vật liệu nổ gồm 11 điều (*từ Điều 32 đến Điều 42*) quy định về: Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, bảo quản, sử dụng vật liệu nổ quân dụng; vận chuyển vật liệu nổ quân dụng; nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất vật liệu nổ công nghiệp; thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vật liệu nổ công nghiệp; thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu vật liệu nổ công nghiệp; sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; thủ tục cấp giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; dịch vụ nổ mìn; vận chuyển vật liệu nổ công nghiệp; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.

1.4. Chương IV. Quản lý, sử dụng tiền chất thuốc nổ gồm 06 điều (*từ Điều 43 đến Điều 48*) quy định về: Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ; thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ; thủ tục cấp giấy phép kinh doanh tiền chất thuốc nổ; thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu tiền chất thuốc nổ; vận chuyển tiền chất thuốc nổ; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp trong quản lý, sử dụng tiền chất thuốc nổ.

1.5. Chương V. Quản lý, sử dụng công cụ hỗ trợ gồm 11 điều (*từ Điều 49 đến Điều 59*) quy định về: Nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, sửa chữa công cụ hỗ trợ; quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ; thủ tục cấp giấy phép kinh doanh công cụ hỗ trợ; thủ tục cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu công cụ hỗ trợ; đối tượng được trang bị công cụ hỗ trợ; thủ tục trang bị công cụ hỗ trợ; thủ tục cấp giấy phép mua công cụ hỗ trợ; cấp giấy phép sử dụng, đăng ký, khai báo công cụ hỗ trợ; vận chuyển công cụ hỗ trợ; thủ tục cấp giấy phép sửa chữa công cụ hỗ trợ; sử dụng công cụ hỗ trợ; trách nhiệm của tổ chức, doanh nghiệp nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, vận chuyển, sửa chữa công cụ hỗ trợ.

1.6. Chương VI. Tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ gồm 09 điều (*từ Điều 60 đến Điều 68*) quy định về: Nguyên tắc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tìm kiếm vũ khí, vật liệu nổ; thẩm quyền tiếp nhận, thu gom, phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; trình tự, thủ tục tiếp nhận, thu gom vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; tổ chức giao nhận vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; bảo quản vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ tiếp nhận, thu gom; trình tự, thủ tục phân loại, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ; kinh phí bảo đảm cho việc tiếp nhận, thu gom, phân loại, bảo quản, thanh lý, tiêu hủy vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

1.7. Chương VII. Quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ gồm 03 điều (*từ Điều 69 đến Điều 71*) quy định về: Nội dung quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; trách nhiệm quản lý nhà nước về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; cập nhật, khai thác, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ.

1.8. Chương VIII. Điều khoản thi hành gồm 04 điều (*từ Điều 72 đến Điều 75*) quy định về: Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 7 của Luật Quảng cáo; hiệu lực thi hành; áp dụng quy định của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ đối với dao có tính sát thương cao; quy định chuyển tiếp.

2. Một số nội dung mới trọng tâm của Luật

2.1. Sửa đổi, bổ sung một số từ ngữ để giải thích các khái niệm về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ cho phù hợp với nội dung, phạm vi điều chỉnh của Luật, tạo thuận lợi cho việc áp dụng Luật, phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước và phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, trong đó:

(1) Bổ sung quy định dao có tính sát thương cao khi sử dụng với mục đích để thực hiện hành vi phạm tội, gây rối, làm mất trật tự công cộng hoặc chống đối cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, người thi hành công vụ là vũ khí thô sơ; khi đối tượng sử dụng với mục đích xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật là vũ khí quân dụng; dao có tính sát thương cao sử dụng vào mục đích lao động, sản xuất, sinh hoạt hàng ngày thì không quy định là vũ khí. Tuy nhiên, để đảm bảo quản lý chặt chẽ loại phương tiện có tính chất lưỡng dụng này, phòng ngừa, ngăn chặn nguy cơ sử dụng dao có tính sát thương cao nhằm mục đích vi phạm pháp luật, dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định các biện pháp bảo đảm an toàn trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển, sử dụng dao có tính sát thương cao để thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; các biện pháp bảo đảm an toàn phải phù hợp với thực tiễn, không gây cản trở đến hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân; đồng thời,

các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu dao có tính sát thương cao có trách nhiệm cung cấp thông tin về số lượng, chủng loại sản phẩm, nhãn hiệu, tên cơ sở sản xuất khi có yêu cầu của cơ quan Công an nơi tổ chức, cá nhân đóng trụ sở, nơi sản xuất, kinh doanh hoặc nơi cư trú để phục vụ bảo đảm an ninh, trật tự.

(2) Sửa đổi, bổ sung khái niệm vũ khí quân dụng bao gồm:

- Các loại súng bắn đạn ghém, súng kíp, súng nén khí, súng nén hơi và đạn sử dụng cho các loại súng này vào nhóm vũ khí quân dụng.

- Các loại vũ khí được trang bị cho lực lượng vũ trang nhân dân và các lực lượng thi hành công vụ thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành.

- Vũ khí khác không thuộc danh mục vũ khí quân dụng, nhưng có khả năng gây sát thương tương tự như súng quân dụng (*quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 2*) và linh kiện cơ bản để tạo nên các loại súng này.

- Các loại vũ khí thể thao, súng săn, vũ khí thô sơ thuộc danh mục do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành và dao có tính sát thương cao được sử dụng với mục đích để xâm phạm tính mạng, sức khỏe con người trái pháp luật.

2.2. Bổ sung quy định về đối tượng, điều kiện, thẩm quyền, thủ tục tiếp nhận và quản lý, sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ nhằm tạo cơ chế pháp lý để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam được tiếp nhận vũ khí, công cụ hỗ trợ do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ; đồng thời, quản lý chặt chẽ số vũ khí do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân nước ngoài tặng, cho, viện trợ.

2.3. Cắt giảm các giấy tờ, thủ tục tại các điều quy định về thủ tục cấp các loại giấy phép về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ; quy định về cấp giấy phép sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ theo hướng không quy định thời hạn và chuyển việc cấp giấy xác nhận đăng ký sang cấp giấy phép sử dụng nhằm đảm bảo cải cách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân và thực hiện tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công.

2.4. Sửa đổi, bổ sung một số quy định về nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này.

II. MỘT SỐ NỘI DUNG TRỌNG TÂM CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT CẢNH VỆ

Ngày 28/6/2024, tại kỳ họp thứ 7 Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ năm 2024, có hiệu lực thi hành từ

ngày 01/01/2025; Bộ Công an báo cáo một số nội dung trọng tâm của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ; cụ thể như sau:

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ, gồm 02 điều và có một số nội dung mới, sửa đổi, bổ sung so với Luật Cảnh vệ năm 2017 như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 3 như sau: “4. *Đối tượng cảnh vệ* là người giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; khách quốc tế đến thăm, làm việc tại Việt Nam; khu vực trọng yếu; sự kiện đặc biệt quan trọng và đối tượng khác được áp dụng biện pháp, chế độ cảnh vệ theo quy định của Luật này.”;

Luật bổ sung quy định về giải thích một số từ ngữ tại Điều 3, gồm: “*Chế độ cảnh vệ*”, “*Kiểm tra an ninh, an toàn*”, “*Kiểm nghiệm thức ăn, nước uống*”, “*Sử dụng thẻ, phù hiệu*”.

2. Bổ sung 01 khoản tại Điều 6, giao Chính phủ quy định chi tiết khoản 2 Điều 6, về: “*Ưu tiên bảo đảm phát triển nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, kinh phí, khoa học và công nghệ; trang bị vũ khí, khí tài, phương tiện kỹ thuật hiện đại đáp ứng yêu cầu công tác cảnh vệ*”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 10:

Thứ nhất, bổ sung câu dẫn của khoản 1 phù hợp với quy định của Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

Thứ hai, bổ sung đối tượng cảnh vệ là con người, gồm: Thường trực Ban Bí thư, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Sử dụng thuật ngữ “Ủy viên Ban Bí thư” thay cho thuật ngữ “Bí thư Trung ương Đảng” để thống nhất với Điều 17 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thứ ba, quy định rõ tiêu chí xác định đối tượng cảnh vệ là các sự kiện đặc biệt quan trọng; cụ thể sửa đổi như sau: “đ) Hội nghị, lễ hội do Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch nước, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tổ chức có đối tượng cảnh vệ quy định tại các điểm a, b, c hoặc d khoản 1 Điều này tham dự; đại hội đại biểu toàn quốc do tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương tổ chức; hội nghị quốc tế tổ chức tại Việt Nam có đối tượng cảnh vệ quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 hoặc điểm a khoản 2 Điều này tham dự.”

Thứ tư, bổ sung thẩm quyền Bộ trưởng Bộ Công an quyết định áp dụng biện pháp cảnh vệ phù hợp trong trường hợp cần thiết để bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm công tác đối ngoại đối với đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại Điều 10 Luật Cảnh vệ để phù hợp

với công tác cảnh vệ và đáp ứng kịp thời yêu cầu công tác cảnh vệ.

4. Tách Điều 11 thành 02 điều luật; 01 điều quy định về chế độ cảnh vệ và 01 điều quy định về biện pháp cảnh vệ. Quy định nguyên tắc áp dụng chế độ, biện pháp cảnh vệ đối với trường hợp một người vừa giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Đảng vừa giữ chức vụ, chức danh lãnh đạo chủ chốt, lãnh đạo cấp cao của Nhà nước.

5. Tách Điều 12 thành 02 điều luật; bổ sung quy định cơ sở để áp dụng chế độ, biện pháp cảnh vệ đối với người đứng đầu Nhà nước, cơ quan lập pháp, Chính phủ các nước khi đến thăm, làm việc tại Việt Nam trên cơ sở “*nguyên tắc có đi có lại hoặc đối đẳng, yêu cầu đối ngoại*” để đảm bảo áp dụng thống nhất trên thực tế và phù hợp với thực tiễn công tác cảnh vệ.

6. Sửa đổi, bổ sung biện pháp cảnh vệ đối với các khu vực trọng yếu tại Điều 13.

7. Bổ sung 01 khoản tại các điều: Điều 11a, Điều 12a, Điều 13 và Điều 14, giao Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết các biện pháp cảnh vệ để đảm bảo thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 theo hướng quy định rõ người là đối tượng cảnh vệ có quyền yêu cầu lực lượng Cảnh vệ thực hiện biện pháp, chế độ cảnh vệ theo quy định của Luật Cảnh vệ.

9. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 về lực lượng Cảnh vệ bảo đảm phù hợp với nhu cầu thực tiễn về bố trí lực lượng Cảnh vệ hiện nay; đồng thời đảm bảo đồng bộ, thống nhất giữa hệ thống pháp luật quy định về tổ chức, bộ máy; bảo đảm không phát sinh bộ máy, biên chế.

10. Bổ sung một số nhiệm vụ lực lượng Cảnh vệ đang triển khai thực hiện tại khoản 1 Điều 18.

11. Bổ sung quy định một số quyền hạn của Tư lệnh Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục trưởng Cục Bảo vệ an ninh quân đội trong thực hiện công tác cảnh vệ tại Điều 20; bổ sung 01 điều (Điều 20a) quy định cụ thể việc sử dụng Giấy Bảo vệ đặc biệt của sĩ quan cảnh vệ.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 25, cụ thể: “4. Chỉ đạo các đơn vị thuộc lực lượng Công an nhân dân tổ chức thực hiện công tác cảnh vệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao; hướng dẫn nghiệp vụ cảnh vệ”.

III. CHUẨN BỊ NGUỒN LỰC TRIỂN KHAI THI HÀNH CÁC LUẬT

Để bảo đảm các quy định của các luật được triển khai có hiệu quả, Bộ Công an đang phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Trình Thủ tướng Chính phủ ký các quyết định ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ; trong đó, xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn, tiến độ hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc triển khai thi hành các luật bảo đảm tính kịp thời, đồng bộ, thống nhất, hiệu lực, hiệu quả trên phạm vi toàn quốc.

2. Xây dựng các Nghị định, Thông tư quy định chi tiết thi hành bảo đảm khi ban hành có hiệu lực cùng thời điểm các luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, gồm:

- Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (sửa đổi) gồm 09 văn bản quy định chi tiết thi hành:

+ Bộ Công an chủ trì soạn thảo 01 nghị định, 02 thông tư.

+ Bộ Công Thương chủ trì soạn thảo 01 nghị định, 01 thông tư.

+ Bộ Quốc phòng chủ trì soạn thảo 04 thông tư.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ gồm 04 văn bản quy định chi tiết thi hành: Bộ Công an chủ trì soạn thảo 01 nghị định, 03 thông tư.

3. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước được phân công; thực hiện theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo phù hợp với quy định của các luật và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

4. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng, tập huấn chuyên sâu, biên soạn, in, cấp phát tài liệu phổ biến Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ và các văn bản quy định chi tiết thi hành đến các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành các quy định pháp luật về cảnh vệ và quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Một số nội dung trọng tâm của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản và việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành

- Bộ Tư pháp-

Ngày 27/6/2024, Quốc hội khoá XV tại Kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2025. Việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản nhằm tiếp tục thể chế đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, góp phần thúc đẩy hoạt động đấu giá tài sản từng bước được chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, được xã hội hóa một cách mạnh mẽ với các tổ chức đấu giá tài sản phát triển rộng khắp trên cả nước đáp ứng yêu cầu xử lý tài sản của tổ chức, cá nhân; các loại tài sản đấu giá ngày càng mở rộng, đa dạng với nhiều loại tài sản mới bắt buộc phải đấu giá như kho số viễn thông, tài nguyên Internet, tần số vô tuyến điện... Qua đó nâng cao tính công khai, minh bạch, hiệu quả trong việc xử lý tài sản, đặc biệt là tài sản công; giá trị tài sản bán được cao hơn nhiều so với giá khởi điểm, đóng góp vào việc thu ngân sách nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội địa phương; hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về hoạt động đấu giá tài sản từng bước được nâng cao.

I. Một số nội dung trọng tâm của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản

1. Về mục đích xây dựng Luật

Việc ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản nhằm tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về phát triển dịch vụ đấu giá tài sản theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; nâng cao tính chuyên nghiệp hoá, chuyên môn hóa của đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản, chất lượng hoạt động đấu giá tài sản; khắc phục những hạn chế, bất cập, đảm bảo tính công khai, minh bạch, khách quan; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả, hiệu lực của công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản.

2. Về quan điểm chỉ đạo

Việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản dựa trên các quan điểm sau đây:

a) Tiếp tục thể chế hóa quan điểm, chủ trương của Đảng về hoàn thiện thể

chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của hoạt động đấu giá trong phát triển kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; bám sát và cụ thể hóa các nhóm chính sách lớn trong Đề nghị xây dựng Luật đã được thông qua.

b) Kế thừa quan điểm Luật Đấu giá tài sản là luật hình thức, quy định về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản, áp dụng thống nhất cho các loại tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá; các nội dung khác thuộc giai đoạn trước khi đấu giá (quy trình đưa tài sản ra đấu giá, xác định giá khởi điểm...) và sau khi đấu giá (phê duyệt kết quả, nộp tiền trúng đấu giá...) thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành; hoàn thiện trình tự, thủ tục đấu giá tài sản theo hướng chặt chẽ, công khai, minh bạch, khách quan, đồng thời quy định một số thủ tục riêng đối với một số loại tài sản đặc thù, khắc phục tồn tại, bất cập hiện nay; nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đấu giá tài sản, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật có liên quan.

c) Tăng cường trách nhiệm của người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản; bảo đảm sự quản lý thống nhất, hiệu quả của Nhà nước đối với tổ chức và hoạt động đấu giá tài sản; phân công, phân nhiệm rõ ràng, tạo cơ chế phối hợp hiệu quả trong quản lý nhà nước về đấu giá tài sản giữa Nhà nước với tổ chức xã hội - nghề nghiệp của đấu giá viên.

3. Các quy định mới quan trọng của Luật

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản gồm 03 điều, trong đó sửa đổi, bổ sung 43 điều⁴⁴, bổ sung 02 điều mới, bãi bỏ 02 điều và một số điểm, khoản của Luật Đấu giá tài sản với các nội dung mới cơ bản sau đây:

3.1. Về việc áp dụng Luật Đấu giá tài sản và quy định về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản tại các luật khác

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản bổ sung quy định về việc không áp dụng trình tự, thủ tục đấu giá của Luật Đấu giá tài sản đối với trường hợp đấu giá biển số xe, theo đó, việc đấu giá đối với biển số xe được thực hiện theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ để đảm bảo thống nhất, đồng bộ với quy định của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ vừa được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

Như vậy, trường hợp có sự khác nhau giữa quy định về trình tự, thủ tục đấu giá của Luật Đấu giá tài sản và quy định của luật khác thì áp dụng quy định của Luật Đấu giá tài sản, trừ trường hợp việc đấu giá đối với chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán; việc đấu giá đối với tài sản công của cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp

⁴⁴ Trong đó có nhiều điều, khoản, điểm được chỉnh lý về kỹ thuật văn bản để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với các điều, khoản, điểm khác trong toàn bộ Luật.

luật về quản lý, sử dụng tài sản công; việc đấu giá đối với biển số xe được thực hiện theo quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

3.2. Về đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Để tạo điều kiện và thu hút người tốt nghiệp từ đại học trở lên tham gia khóa đào tạo nghề đấu giá, nâng cao chất lượng, tính chuyên nghiệp của đội ngũ đấu giá viên, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp đấu giá tài sản, góp phần thúc đẩy và phát triển hoạt động đấu giá tài sản theo thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với thông lệ quốc tế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản quy định như sau:

Một là, bổ quy định về điều kiện phải có thời gian làm việc trong lĩnh vực được đào tạo từ 03 năm trở lên mới được tham gia khóa đào tạo nghề đấu giá, bỏ các trường hợp được miễn đào tạo nghề đấu giá như quy định hiện hành và bổ sung trách nhiệm tham gia bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với đấu giá viên nhằm tháo gỡ rào cản trong việc tham gia khóa đào tạo nghề đấu giá, góp phần phát triển nguồn đấu giá viên, đồng thời khắc phục tình trạng một bộ phận đấu giá viên còn yếu về chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của việc đấu giá tài sản, qua đó, không ngừng nâng cao chất lượng của đội ngũ đấu giá viên trong hoạt động hành nghề.

Hai là, bổ sung một số hành vi bị nghiêm cấm đối với đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, người có tài sản và cá nhân, tổ chức có liên quan để tăng cường tính công khai, minh bạch, độc lập, khách quan, hạn chế tối đa tiêu cực trong hoạt động đấu giá.

Ba là, mở rộng quyền của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong việc đấu giá tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức, qua đó, tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động đấu giá tài sản tại Việt Nam phát triển theo hướng chuyên nghiệp, phù hợp với thông lệ quốc tế.

Ngoài ra, Luật cũng đã quy định các trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản, thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản, cải cách thủ tục hành chính liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá, hồ sơ đăng ký hoạt động của doanh nghiệp, chi nhánh của doanh nghiệp đấu giá tài sản; bổ sung các trường hợp bị cấm tham gia đấu giá như công ty mẹ, công ty con, các doanh nghiệp mà cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp để điều chỉnh đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tiễn, đảm bảo tính ổn định, liên tục của doanh nghiệp, góp phần đơn giản hóa thủ tục hành chính theo yêu cầu của Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020-2025.

3.3. Về trình tự, thủ tục đấu giá tài sản

Để đảm bảo tính chặt chẽ, khách quan, công khai, minh bạch, hạn chế các tiêu cực phát sinh, đồng thời, khắc phục các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản quy định như sau:

Một là, bổ sung một số nội dung chính của Quy chế cuộc đấu giá như thời gian, địa điểm bắt đầu và kết thúc việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, tiền đặt trước, bước giá, phiếu trả giá hợp lệ, không hợp lệ; sửa đổi, bổ sung quy định về niêm yết, thông báo công khai việc đấu giá để đảm bảo việc tiếp cận thông tin tập trung, thống nhất, công khai, minh bạch. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định về xem tài sản đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, việc thay đổi địa điểm tổ chức cuộc đấu giá đảm bảo thuận lợi, thu hút nhiều người tham gia đấu giá; quy định cụ thể hơn một số trình tự, thủ tục thực hiện hình thức đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại phiên đấu giá, đấu giá bằng bỏ phiếu gián tiếp.

Hai là, bổ sung một số quy định riêng về trình tự, thủ tục đấu giá đối với tài sản đặc thù bao gồm quyền sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản, quyền sử dụng tần số vô tuyến điện như về thời gian bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (thời gian niêm yết dài hơn so với tài sản thông thường); cách thức xác định tiền đặt trước trong một số trường hợp cụ thể; việc xét duyệt yêu cầu, điều kiện tham gia đấu giá của người có tài sản đấu giá; việc dừng, hủy bỏ việc tổ chức đấu giá trong một số trường hợp... Các quy định này nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi áp dụng trình tự, thủ tục đấu giá chung đối với một số tài sản đặc thù trong thời gian qua, góp phần khơi thông nguồn lực, nâng cao hiệu quả xử lý tài sản, nhất là tài sản công.

Bên cạnh đó, bổ sung 02 điều mới về đấu giá trực tuyến và trình tự, thủ tục đấu giá trực tuyến, trong đó quy định việc đấu giá trực tuyến được thực hiện thông qua Cổng Đấu giá tài sản quốc gia hoặc trang thông tin đấu giá trực tuyến, các nguyên tắc chung thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến và giao Chính phủ quy định chi tiết nhằm hoàn thiện hơn nữa hình thức đấu giá trực tuyến, góp phần nâng cao tính khách quan, công khai, minh bạch, thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động đấu giá tài sản.

Ngoài ra, Luật sửa đổi, bổ sung quy định về hủy kết quả đấu giá theo hướng quy định rõ chủ thể, căn cứ đối với một số trường hợp hủy kết quả đấu giá đảm bảo khả thi, phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự; đồng thời quy định rõ hậu quả pháp lý khi hủy kết quả đấu giá nhằm bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức và xác định rõ trách nhiệm của người có hành vi vi phạm dẫn đến việc hủy kết quả đấu giá.

3.4. Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động đấu giá tài sản

Để tăng cường trách nhiệm của người có tài sản, cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình tổ chức đấu giá, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản quy định như sau:

Một là, sửa đổi, bổ sung một số quyền và nghĩa vụ của người có tài sản đấu giá mà Luật Đấu giá tài sản hiện hành chưa quy định như quyền quyết định áp dụng bước giá tại các vòng đấu giá; báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức thực hiện việc đấu giá; xác định giá khởi điểm, mức giảm giá của tài sản đấu giá theo quy định của pháp luật áp dụng đối với loại tài sản đấu giá; không được cung cấp thông tin của người tham gia đấu giá cho người tham gia đấu giá khác trong quá trình thẩm tra, xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá cho đến khi kết thúc cuộc đấu giá.

Hai là, bổ sung quy định về việc cấm tham gia đấu giá từ 06 tháng đến 05 năm đối với người trúng đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá dẫn đến quyết định công nhận kết quả đấu giá bị hủy, đồng thời, quy định cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng đấu giá là cơ quan có thẩm quyền quyết định cấm tham gia đấu giá đối với hai loại tài sản nêu trên, qua đó, tăng cường hơn nữa trách nhiệm của người trúng đấu giá, góp phần hạn chế tình trạng lợi dụng hoạt động đấu giá để trục lợi.

Ba là, sửa đổi, bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động đấu giá tài sản ở Trung ương trong việc xây dựng, quản lý và hướng dẫn sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, quy định chương trình, nội dung và tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật...

II. Việc chuẩn bị nguồn lực cho công tác triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản

Trên cơ sở các quy định mới của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cần quan tâm, tích cực thực hiện một số công việc để đảm bảo việc triển khai thi hành Luật hiệu quả, thống nhất, đồng bộ, cụ thể như sau:

1. Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật

Bộ Tư pháp chủ động ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản⁴⁵, trong đó xác định rõ các nhiệm vụ và lộ trình thực hiện cụ thể triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, bảo đảm sau ngày 01/01/2025, Luật sửa đổi, bổ

⁴⁵ Quyết định số 1409/QĐ-BTP ngày 25/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp

sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản được thực hiện thống nhất, đồng bộ và hiệu quả, bao gồm các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tổ chức quán triệt việc thi hành và phổ biến nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

- Tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản; xây dựng báo cáo kết quả rà soát và đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

- Xây dựng các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật liên quan để bảo đảm phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

- Xây dựng và vận hành hiệu quả Công Đấu giá tài sản quốc gia.

- Bồi dưỡng kỹ năng hành nghề cho đội ngũ đấu giá viên; đào tạo, tập huấn nghiệp vụ hằng năm cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện quản lý nhà nước về đấu giá tài sản.

- Tổ chức tập huấn chuyên sâu cho các Bộ, ngành, địa phương về các nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chủ động rà soát, xác định các nhiệm vụ cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ, ngành. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động nghiên cứu ban hành kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản phù hợp với tình hình của địa phương; tổ chức triển khai kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được đề ra.

2. Xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật và rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản

Trên cơ sở các quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp đã rà soát các nội dung được giao quy định chi tiết, tổng hợp, báo cáo Chính phủ về việc xây dựng, trình Chính phủ ban hành 01 Nghị định, ban hành, phối hợp với các cơ quan liên quan ban hành theo thẩm quyền các Thông tư quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản. Thời hạn ban hành các văn bản quy định chi tiết đảm bảo có hiệu lực đồng thời với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản. Bên cạnh đó, tiếp tục nâng cao chất lượng công tác thẩm định các

văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến đấu giá tài sản trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, đề xuất việc sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ những quy định không còn phù hợp để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản; nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật chuyên ngành quy định về các loại tài sản phải đấu giá.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản trong phạm vi chức năng quản lý nhà nước của địa phương; xây dựng báo cáo kết quả rà soát, đề xuất cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ các văn bản quy phạm pháp luật để bảo đảm phù hợp với quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

3. Tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về đấu giá tài sản cho các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan

Để triển khai có hiệu quả, kịp thời và đồng bộ quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản đến các đối tượng áp dụng của Luật, các Bộ, ngành, địa phương chủ động tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản và các văn bản quy định chi tiết tới các cơ quan, cá nhân, tổ chức có liên quan, nhất là đối với cơ quan, tổ chức có tài sản đấu giá là quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản, trong đó, tập trung vào các nội dung chính như sau: (i) Sở Tư pháp thực hiện kiểm tra, đảm bảo người tập sự hành nghề đấu giá có đầy đủ hồ sơ theo quy định, nhất là tiêu chuẩn tốt nghiệp khoá đào tạo nghề đấu giá khi nhận hồ sơ đăng ký tập sự; tổng hợp danh sách đấu giá viên được cấp Thẻ đấu giá viên để xem xét thu hồi, huỷ bỏ Thẻ đấu giá viên sau ngày 01/01/2025; rà soát danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã được công bố nêu trên để đề nghị Bộ Tư pháp điều chỉnh, cập nhật thông tin đảm bảo chính xác; phối hợp với cơ quan thuế và các cơ quan, tổ chức khác tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đấu giá tài sản được chuyển đổi nội dung đăng ký hoạt động thuận lợi, đảm bảo tính liên tục, ổn định theo đúng quy định của Luật Đấu giá tài sản và quy định của pháp luật về doanh nghiệp; (ii) người có tài sản đấu giá thực hiện thẩm tra, xét duyệt điều kiện tham gia đấu giá đảm bảo người tham gia đấu giá đáp ứng đầy đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật chuyên ngành; lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đáp ứng đầy đủ các quy định, có uy tín, năng lực, kinh nghiệm để tổ chức việc đấu giá; xử lý hành vi vi phạm đối với nghĩa vụ thanh toán tiền trúng đấu giá dẫn đến bị huỷ quyết

định công nhận kết quả đấu giá đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản.

III. Một số nhiệm vụ, giải pháp

Để đảm bảo việc triển khai thi hành đồng bộ, hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Bộ Tư pháp đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể như sau:

1. Đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

a) Tăng cường chỉ đạo người có tài sản đấu giá thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành trong việc xây dựng, phê duyệt phương án đấu giá, lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản, giám sát quá trình tổ chức đấu giá, tham dự cuộc đấu giá, giao tài sản cho người trúng đấu giá, hủy hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền hủy kết quả đấu giá theo đúng quy định của pháp luật.

b) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật của người có thẩm quyền quản lý tài sản, người có tài sản trong việc đưa tài sản ra đấu giá, tổ chức xác định giá khởi điểm tài sản đấu giá và tổ chức, doanh nghiệp thẩm định giá; xử lý nghiêm theo quy định đối với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền quản lý tài sản, cán bộ, công chức, viên chức có hành vi vi phạm, tiếp tay, bao che cho hành vi vi phạm về đấu giá tài sản và thẩm định giá.

c) Quán triệt, chỉ đạo người có tài sản lựa chọn hình thức đấu giá, bước giá phù hợp với từng cuộc đấu giá; đối với tài sản là quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, quyền khai thác khoáng sản thì cần chuẩn bị các phương án cần thiết để thực hiện tốt nhiệm vụ thẩm tra, xét duyệt yêu cầu, điều kiện của người tham gia đấu giá theo đúng quy định của pháp luật để đảm bảo người trúng đấu giá có đầy đủ năng lực để khai thác, sử dụng hiệu quả tài sản đấu giá sau khi trúng đấu giá; nghiên cứu, tổ chức thực hiện việc đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến đối với một số loại tài sản công do Bộ, ban, ngành ở Trung ương quản lý và tài sản là quyền sử dụng đất để giao đất, cho thuê đất hoặc tài sản thuộc sở hữu nhà nước gắn liền với quyền sử dụng đất có giá trị lớn.

2. Đối với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quan tâm, chỉ đạo Sở Tư pháp tập trung thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

a) Rà soát, công bố thủ tục hành chính về đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp tại địa phương trên cơ sở bộ thủ tục hành chính trong lĩnh vực đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp ban hành theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản.

b) Tiếp tục rà soát, cập nhật, công bố danh sách đấu giá viên, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tại địa phương và công bố trên Trang thông tin điện tử

của Sở Tư pháp để làm cơ sở cho người có tài sản lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; lập và gửi danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp về việc công bố danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về tổ chức, hoạt động đấu giá tài sản trong phạm vi địa phương theo thẩm quyền

d) Chủ động triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền của Sở Tư pháp; trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc phát sinh thì kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và phản ánh về Bộ Tư pháp để có hướng dẫn xử lý phù hợp./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

**Tác động của Luật Đất đai, Luật Nhà ở,
Luật Kinh doanh bất động sản đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội
Thành phố và công tác chuẩn bị triển khai thi hành có hiệu quả
các Luật này từ ngày 01/8/2024 của Thành phố**

- Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh -

I. TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT ĐẤT ĐAI SỐ 31/2024/QH15 ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ- XÃ HỘI THÀNH PHỐ VÀ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI THI HÀNH CÓ HIỆU QUẢ LUẬT ĐẤT ĐAI SỐ 31/2024/QH15 TỪ NGÀY 01 THÁNG 8 NĂM 2024 CỦA THÀNH PHỐ

1. Về tác động của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 đối với sự phát triển của kinh tế - xã hội của Thành phố

1.1. Điểm mới tác động đến người dân

Gồm 07 nội dung chính về:

(1) Điều 137 Luật Đất đai quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng có giấy tờ (bổ sung hộ gia đình, cá nhân có các loại Giấy tờ trước ngày 15/10/1993 thì được cấp Giấy chứng nhận).

(2) Điều 138 Luật Đất đai quy định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho cá nhân, hộ gia đình đang sử dụng không có giấy tờ, không tranh chấp, không vi phạm pháp luật về đất đai và không thuộc trường hợp giao đất không đúng thẩm quyền (kéo dài thời gian áp dụng từ 01/7/2004 đến 01/7/2014)

(3) Điều 139 Luật Đất đai quy định hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014 thì vẫn được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

(4) Điều 140 Luật Đất đai quy định hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền trước 01/7/2014 thì vẫn được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất

(5) Điều 159 Luật Đất đai quy định hộ gia đình, cá nhân thực hiện được công nhận quyền sử dụng và chuyển mục đích sử dụng đất thì thực hiện nghĩa vụ tài chính theo Bảng giá đất mà không phân biệt trong hay ngoài hạn mức từ ngày 01/8/2024.

(6) Điều 111 Luật Đất đai quy định người dân có đất thu hồi thì được bồi thường theo giá thị trường, khi mua nền tái định cư thì được tính theo Bảng giá đất.

(7) Khoản 3 Điều 67 và khoản 5 Điều 116 Luật Đất đai quy định cá nhân, hộ gia đình chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất nông nghiệp trong cùng thửa đất có đất ở sang đất ở hoặc chuyển mục đích sử dụng các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở không phải đăng ký vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện như trước đây.

1.2. Điểm mới tác động đến doanh nghiệp

Gồm 05 nội dung chính:

(1) Khoản 1 Điều 34 Luật Đất đai quy định tổ chức kinh tế, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thuê đất trả tiền hàng năm được chuyển nhượng tài sản và quyền thuê trả tiền hàng năm mà không phải thực hiện thủ tục thu hồi đất như trước đây.

(2) Khoản 2 Điều 34 Luật Đất đai quy định đối với đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao đất không thu tiền mà có nhu cầu chuyển một phần hoặc toàn bộ diện tích sang sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ thì được chuyển sang Nhà nước cho thuê đất thu tiền hàng năm đối với diện tích đó, khi chuyển sang hình thức này thì không được quyền bán, thế chấp, góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê.

(3) Điều 45 Luật Đất đai cho phép doanh nghiệp được nhận chuyển nhượng đất trồng lúa để thực hiện dự án nông nghiệp.

(4) Điều 126 Luật Đất đai bổ sung trình tự thủ tục giao thuê đất thông qua hình thức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất.

(5) Điều 257 Luật Đất đai quy định các doanh nghiệp thuê đất trả tiền hàng năm mà chưa xác định giá đất đến trước ngày 01/8/2024 thì nay được áp dụng Bảng giá đất và hệ số điều chỉnh để xác định.

1.3. Tác động của việc điều chỉnh Bảng giá đất

Theo khoản 1, Điều 257, Luật Đất đai số 31/2024/QH15 quy định:

*“1. Bảng giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của Luật Đất đai số 45/2013/QH13 được tiếp tục áp dụng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025; trường hợp cần thiết Ủy ban nhân dân cấp tỉnh **quyết định điều chỉnh bảng giá đất** theo quy định của Luật này cho phù hợp với tình hình thực tế về giá đất tại địa phương.”*

Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2657/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kế hoạch xây dựng Quyết định điều chỉnh Bảng giá đất theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Theo đó, giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp 22 quận, huyện, thành phố Thủ Đức, đơn vị tư vấn đề đến ngày 01 tháng 8 năm 2024 có Bảng giá đất điều chỉnh để áp dụng trên địa bàn Thành phố nhằm tránh ách tắc trong giải ngân đầu tư công và thực hiện các thủ tục hành chính cho người dân và các tổ chức.

Về chủ trương, việc xây dựng Bảng giá đất điều chỉnh chỉ áp dụng từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024 (05 tháng). Sau đó sẽ tổng kết, đánh giá tác động về mặt kinh tế, xã hội trong 05 tháng áp dụng, từ đó tiếp tục điều chỉnh Bảng giá đất để áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Về chủ trương xây dựng Bảng giá đất lần đầu áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 theo quy định tại khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thuê đơn vị tư vấn để thực hiện, đảm bảo đúng theo quy định tại Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất. Việc điều chỉnh Bảng giá đất theo Luật Đất đai năm 2024 được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 2024, không còn khung giá đất sẽ xây dựng giá tiệm cận với giá thị trường dẫn đến Bảng giá đất sẽ tăng mạnh, dẫn đến một số đối tượng bị ảnh hưởng mà chưa có các quy định kèm theo như: mức thu thuế sử dụng đất, thuế trước bạ, thuế thu nhập...tạo nên tâm lý dao động. Qua quá trình tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh đã thống kê được khi áp dụng có thể tác động đến các nhóm đối tượng như sau:

- Nhóm các trường hợp được bố trí tái định cư: Bảng giá đất điều chỉnh được công bố đảm bảo tương đồng với giá đất cụ thể và phù hợp với giá thị trường.

- Nhóm 11 đối tượng thực hiện thủ tục hành chính thì mức độ tác động cụ thể như sau: có 03 nhóm đối tượng không bị tác động và 08 nhóm bị tác động.

(1) 03 nhóm đối tượng không bị tác động gồm:

- + Tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm;

- + Tính thuế thu nhập từ chuyển quyền sử dụng đất đối với hộ gia đình, cá nhân.

- + Tính giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với trường hợp thửa đất, khu đất đã được đầu tư hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chi tiết xây dựng.

(2) 08 nhóm đối tượng bị tác động gồm:

- + Nhóm hộ gia đình, cá nhân được công nhận và chuyển mục đích sử dụng đất sẽ áp dụng bảng giá đất cho tất cả diện tích không phân biệt diện tích trong hay ngoài hạn mức (điểm a, h, k khoản 1 Điều 159 Luật Đất đai 2024). Trong đó, đối với diện tích đất ngoài hạn mức không bị ảnh hưởng (do bảng giá đất được xây dựng theo nguyên tắc thị trường). Tuy nhiên, đối với diện tích đất trong hạn mức sẽ có xét đến các mốc thời điểm sử dụng đất để quy định tỷ lệ thu trên cơ sở bảng giá đất (nội dung này đang được Chính phủ đưa vào dự thảo Nghị định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất).

- + Tính thuế sử dụng đất. Trước đây, mức thuế sử dụng đất áp dụng mức 0,03% của giá đất tại Bảng giá đất. Đến nay, Bảng giá đất được điều chỉnh tiệm

cận giá thị trường, do đó, mức thuế sử dụng đất sẽ tăng lên;

- + Tính lệ phí trong quản lý, sử dụng đất đai;
- + Tính tiền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;
- + Tính tiền bồi thường cho Nhà nước khi gây thiệt hại trong quản lý, sử dụng đất đai;
- + Tính tiền sử dụng đất đối với trường hợp bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước cho người đang thuê.

2. Về công tác chuẩn bị triển khai thi hành có hiệu quả Luật Đất đai số 31/2024/QH15 từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 của Thành phố Hồ Chí Minh

Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (sau đây gọi tắt là Luật Đất đai) được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ 5 ngày 18 tháng 01 năm 2024, **có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.**

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ký Quyết định số 1754/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó có nhiệm vụ giao các Sở, ban, ngành chủ trì soạn thảo các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố, thời gian ban hành dự kiến là Quý III và Quý IV năm 2024 là phù hợp với thời gian có hiệu lực của Luật Đất đai.

Ngày 29 tháng 6 năm 2024, Quốc hội đã thông qua Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, các Luật này **sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2024** (sớm hơn 05 tháng so với dự kiến).

2.1. Đối với nội dung phổ biến, tuyên truyền Luật Đất đai

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức thành công Hội nghị Chuyên đề “Những nội dung, điểm mới quan trọng của Luật Đất đai 2024”, Hội nghị được tổ chức trực tiếp tại Hội trường Thành phố và có kết nối trực tuyến đến điểm cầu các Sở, ban, ngành, các quận, huyện và thành phố Thủ Đức. Hội nghị do Thứ trưởng Lê Minh Ngân làm báo cáo viên

2.2. Đối với các văn bản quy định chi tiết Thành phố ban hành

Thành phố Hồ Chí Minh sẽ ban hành 15 văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai để quy định chi tiết các điều, khoản, điểm được Luật Đất đai số 31/2024/QH15 giao quy định chi tiết cụ thể: khoản 2 và khoản 4 Điều 102, khoản 4 và 6 Điều 103, điểm b khoản 4 và khoản 5 Điều 109, khoản 7 và khoản 10 Điều 111, điểm a khoản 1 Điều 126, điểm n khoản 1 Điều 137, khoản 4 Điều 139; khoản 5 Điều 141; khoản 5 Điều 176; khoản 3 Điều 177, khoản 3 Điều 178, khoản 2 Điều 195; khoản 2 Điều 196; khoản 4 Điều 213; khoản 4 Điều 220.

Ủy ban nhân dân Thành phố đang tổ chức lấy ý kiến góp ý đối với dự thảo 07 văn bản. Dự kiến Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố sẽ ban hành các văn bản quy định chi tiết trong tháng 8 năm 2024.

II. TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT NHÀ Ở, LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ VÀ CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI THI HÀNH CÓ HIỆU QUẢ CÁC LUẬT NÀY TỪ NGÀY 01/8/2024 CỦA THÀNH PHỐ

1. MỘT SỐ ĐIỂM MỚI, NỔI BẬT CỦA LUẬT NHÀ Ở VÀ LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

1.1. Về Luật Nhà ở số 27/2023/QH15

- Trong bối cảnh quỹ đất hạn hẹp của Thành phố nhưng phải đáp ứng sự gia tăng dân số, Luật Nhà ở đã định hướng yêu cầu phát triển nhà ở tại đô thị, đặc biệt là ưu tiên phát triển loại hình nhà chung cư (*Điều 5*)

- Người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về quốc tịch được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (*Điều 8*)

- Quy định cụ thể các giai đoạn khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở (*tại Điều 34*), điều này giúp minh bạch trình tự, thủ tục thực hiện dự án bất động sản.

- Luật Nhà ở đã bổ sung cụ thể các quy định liên quan đến việc phát triển nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để bán, cho thuê mua, cho thuê (*Điều 54 đến Điều 57*) mà người dân thường gọi là “chung cư mini” như điều kiện làm chủ đầu tư, điều kiện xây dựng, đặc biệt là cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở,... Điều này giúp tăng cường bảo vệ quyền lợi của người thuê, cư ngụ tại đây; kiểm soát chặt chẽ an toàn phòng cháy, chữa cháy, đường giao thông, không gian sống; tăng tính thanh khoản của thị trường và thúc đẩy phát triển các dự án nhà ở quy mô nhỏ.

- Về cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư (*từ Điều 58 đến Điều 75*), nhà đầu tư được lựa chọn thông qua Hội nghị nhà chung cư không thực hiện trình tự, thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư mà thực hiện theo pháp luật về nhà ở; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sẽ quyết định sử dụng vốn ngân sách địa phương thực hiện cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư đối với trường hợp toàn bộ nhà chung cư thuộc tài sản công và nhà chung cư hư hỏng do thiên tai, địch họa; chủ đầu tư được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với diện tích đất trong phạm vi dự án và không phải thực hiện các thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được miễn và không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Tương tự, trong cơ chế ưu đãi đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội (*Điều 85*) chủ đầu tư miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất của dự án, không phải thực hiện thủ tục xác định giá đất, tính tiền sử dụng đất,

tiền thuê đất được miễn, không phải thực hiện thủ tục đề nghị miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất .

- Việc thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở và thế chấp nhà ở hình thành trong tương lai (*Điều 183*) là phải bao gồm cả thế chấp quyền sử dụng đất.

1.2. Về Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15

- Luật mới quy định rõ hơn một số loại bất động sản được đưa vào kinh doanh là những công trình xây dựng (kể cả trường hợp chỉ là diện tích sàn xây dựng) mà phục vụ cho các mục đích như giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, văn phòng, thương mại, dịch vụ, lưu trú, công nghiệp và hỗn hợp (*Điều 5*)

- Về công khai thông tin về bất động sản đưa vào kinh doanh (*Điều 6*) có một số điểm mới sau: Phạm vi cung cấp thông tin không chỉ trên websites của doanh nghiệp, tại sàn giao dịch bất động sản mà cả trên Hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản chung (do Bộ Xây dựng và địa phương quản lý, vận hành); Thông tin cung cấp rộng hơn trước (hợp đồng mẫu, thiết kế, giấy phép xây dựng, văn bản nghiệm thu, bảo lãnh ngân hàng, văn bản về nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua của cơ quan có thẩm quyền); Việc công khai thông tin là một trong các điều kiện để được huy động vốn. Những việc này tăng tính minh bạch của bất động sản đưa vào kinh doanh.

- Luật Kinh doanh bất động sản đã có quy định mới về đặt cọc trong mua bán, thuê mua nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai (*Điều 23*), chủ đầu tư dự án bất động sản chỉ được thu tiền đặt cọc không quá 5% giá bán và thỏa thuận đặt cọc phải ghi rõ giá bán. Điều này làm rõ hình thức đặt cọc trong kinh doanh bất động sản, chấm dứt tranh cãi có được dùng hợp đồng đặt cọc trong kinh doanh bất động sản hay không, góp phần bảo vệ quyền lợi cho khách hàng.

- Về điều kiện của nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai được đưa vào kinh doanh (*Điều 24*) đã có quy định cụ thể Giấy tờ về quyền sử dụng đất bao gồm các loại giấy tờ nào; đồng thời bổ sung quy định chủ đầu tư dự án đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về đất đai gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và các loại thuế, phí, lệ phí liên quan đến đất đai (nếu có) đối với Nhà nước, giúp minh bạch thủ tục.

- Về bảo lãnh của Ngân hàng khi bán nhà ở hình thành trong tương lai (*Điều 26*), chỉ quy định chủ đầu tư trước khi bán, cho thuê mua nhà ở hình thành trong tương lai phải được Ngân hàng cấp bảo lãnh; còn khách hàng thì được quyền lựa chọn có hoặc không có bảo lãnh khi ký hợp đồng mua bán (trước đây quy định là bắt buộc).

- Luật Kinh doanh bất động sản đã yêu cầu việc thanh toán của khách hàng cho chủ đầu tư dự án, doanh nghiệp kinh doanh bất động sản phải thông qua tổ chức tín dụng (tại Điều 48), điều này giúp minh bạch trong thanh toán của hoạt động kinh doanh bất động sản và bảo vệ quyền lợi khách hàng.

- Luật Kinh doanh bất động sản đã bổ sung nội dung lớn liên quan đến quản lý nhà nước về bất động sản là Điều tiết thị trường bất động sản (Điều 77 đến Điều 79). Quy định này làm cơ sở để điều tiết thị trường bất động sản phát triển minh bạch, lành mạnh, ổn định thông qua các công cụ, chính sách về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, chương trình, kế hoạch phát triển đô thị, nhà ở; điều chỉnh mục tiêu, quy mô, tiến độ, cơ cấu sản phẩm của các dự án bất động sản; công cụ thuế; điều hành chính sách tài chính, tín dụng và các chính sách khác.

2. NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA LUẬT NHÀ Ở VÀ LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ

Thành phố Hồ Chí Minh là đô thị đặc biệt, trung tâm kinh tế lớn nhất Việt Nam, đầu mối giao lưu và hội nhập quốc tế; là đầu tàu, động lực, có sức thu hút và lan tỏa lớn của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như của cả nước. Lĩnh vực nhà ở và kinh doanh bất động sản luôn đóng vai trò quan trọng trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, có mối quan hệ mật thiết với nhiều ngành kinh tế khác, sự phát triển của thị trường bất động sản thúc đẩy sự phát triển các thị trường khác như xây dựng, vật liệu xây dựng, lao động, tài chính, tín dụng, thương mại, dịch vụ.

Thành phố Hồ Chí Minh cũng là nơi có quy mô thị trường bất động sản ở mức lớn nhất so với cả nước. Với dân số lớn và vị thế trung tâm kinh tế của cả nước, nhu cầu các sản phẩm nhà ở và bất động sản tại đây rất lớn và đa dạng. Thực tế cho thấy việc vận hành và biến động thị trường bất động sản tại Thành phố có ảnh hưởng lớn tới thị trường bất động sản của cả nước; đồng thời thị trường nhà ở và bất động sản rất nhạy cảm với những thay đổi quy định của pháp luật.

Với những cơ hội và tiềm năng phát triển, việc triển khai Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản sẽ góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Những tác động tích cực

- Kinh tế Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng khá trong các năm tới. Điều này sẽ gia tăng nhu cầu về nhà ở, văn phòng và các dịch vụ tiện ích, khu công nghiệp và các loại hình bất động sản khác; đồng thời thu hút đầu tư nước ngoài vào bất động sản.

Trong bối cảnh đó, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2024, cùng với nhiều Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các luật này chuẩn bị được ban hành. Theo đó, nhiều nút thắt pháp lý trước đây của các dự án bất động sản sẽ được tháo gỡ, đồng thời những biện pháp kiểm soát thị trường nhà ở và bất động sản sẽ được tăng cường, góp phần tác động tích cực sự phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

- Theo dự báo, quy mô dân số Thành phố đến năm 2030 là 11 triệu người, năm 2040 là 13 triệu người, năm 2050 là 14,5 triệu người và đạt 16 triệu người vào năm 2060. Dân số đô thị hóa ngày càng tăng sẽ tạo nhu cầu về nhà ở, đặc biệt là nhà ở vừa túi tiền và nhà ở trung cấp.

Theo Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060, định hướng đô thị Thành phố sẽ hình thành và phát triển thành 5 phân vùng, gồm có: Vùng đô thị trung tâm; Đô thị phía Đông; Đô thị phía Bắc - Tây Bắc; Đô thị phía Tây và Đô thị phía Nam. Đặc biệt, thành phố Thủ Đức với định hướng trở thành thành phố thông minh, hiện đại và hạt nhân của đô thị sáng tạo phía Đông. Theo đó, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng sẽ khiến nhu cầu về văn phòng, dịch vụ công cộng, khu công nghiệp, trung tâm thương mại, ... ngày càng tăng.

Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản với những chính sách đổi mới sẽ hỗ trợ phát triển nhà ở và bất động sản của Thành phố, đáp ứng thực tiễn gia tăng dân số và thực hiện hiệu quả, đúng hướng quy hoạch phát triển đô thị của Thành phố.

- Các quy định pháp luật mới sẽ góp phần điều chỉnh tích cực các hoạt động sau:

(1) Cải thiện môi trường đầu tư, giảm thủ tục hành chính và tăng tính minh bạch sẽ hấp dẫn các nhà đầu tư, thu hút vốn đầu tư vào thị trường.

(2) Góp phần giải quyết vấn đề nhà ở cho người dân, đặc biệt là nhà ở an sinh xã hội cho người thu nhập thấp như nhà ở xã hội, cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ, nhà ở công nhân.

(3) Thay đổi cấu trúc sản phẩm:

+ Phát triển nhà ở xã hội: phân khúc này được dự báo sẽ phát triển mạnh mẽ, đáp ứng nhu cầu của đông đảo người dân có thu nhập thấp và trung bình.

+ Tăng cường nhà ở thương mại trung, cao cấp: Để đáp ứng nhu cầu của phân khúc khách hàng này, các chủ đầu tư sẽ tập trung phát triển các dự án có chất lượng cao, tiện ích hiện đại.

+ Đa dạng hóa sản phẩm: Thị trường sẽ xuất hiện nhiều loại hình sản phẩm mới, như căn hộ văn phòng, nhà phố thương mại, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

(4) Thay đổi hành vi của người mua nhà ở và bất động sản:

+ Thận trọng hơn: Với những quy định mới, người mua nhà sẽ có xu hướng lựa chọn các dự án của các chủ đầu tư uy tín, có năng lực tài chính và kinh nghiệm.

+ Chú trọng hơn đến chất lượng cuộc sống, môi trường sống và tiện ích đi kèm; quan tâm nhiều hơn đến các dự án bất động sản xanh, có vị trí thuận lợi và đầy đủ tiện ích.

+ Tăng cường tìm hiểu thông tin: Trước khi quyết định mua nhà, người mua sẽ dành nhiều thời gian hơn để tìm hiểu thông tin về dự án, thị trường và các điều kiện pháp lý.

(5) Tăng cường minh bạch và an toàn giao dịch thông qua các yêu cầu:

+ Thông tin dự án công khai: Các chủ đầu tư bắt buộc phải công khai đầy đủ thông tin về dự án trước khi chào bán, giúp người mua nhà có cái nhìn rõ ràng hơn về sản phẩm và tránh rủi ro.

+ Thanh toán qua ngân hàng: Việc bắt buộc thanh toán qua ngân hàng đảm bảo tính minh bạch và giảm thiểu tình trạng "tiền ảo".

+ Hạn chế tranh chấp: Các quy định rõ ràng về hợp đồng, bảo lãnh, đặt cọc giúp giảm thiểu tranh chấp giữa chủ đầu tư và người mua nhà.

2.2. Những thách thức

- Thành phố Hồ Chí Minh đang đối mặt với áp lực lớn về quỹ đất, việc triển khai các dự án nhà ở mới đòi hỏi phải có giải pháp quy hoạch và quản lý đất đai hiệu quả.

- Thị trường bất động sản sẽ ngày càng cạnh tranh gay gắt, đòi hỏi các chủ đầu tư phải có năng lực tài chính và kinh nghiệm để đáp ứng các yêu cầu của các luật mới; đòi hỏi chủ đầu tư phải không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ

- Một số quy định của các luật còn cần được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện để cơ chế chính sách phù hợp hơn với thực tiễn.

* Những yếu tố trên sẽ tác động đến thị trường bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới, tạo ra những cơ hội mới nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức cho các chủ đầu tư và người mua nhà

3. CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRIỂN KHAI THI HÀNH CỦA LUẬT NHÀ Ở VÀ LUẬT KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

Sau khi Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 và Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 được Quốc hội thông qua vào cuối tháng 11 năm 2023, ngay từ đầu năm 2024 Thành phố Hồ Chí Minh đã chỉ đạo triển khai thi hành các luật này, đặc biệt là các nội dung mới; đồng thời, chủ động nghiên cứu, rà soát để xây dựng các quy định, chính sách mà Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản giao trách nhiệm cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành. Thành phố đã phân công cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp để tham mưu chi tiết từng nội dung được giao tại các Luật.

Bên cạnh đó, trên cơ sở các Công điện chỉ đạo của Chính phủ (*Công điện số 15/CD-TTg ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác xây dựng pháp luật, hoàn thiện các dự án Luật trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ 7 khóa XV; Công điện số 53/CD-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và Công điện số 63/CD-TTg ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn*

bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật các tổ chức tín dụng) và các dự thảo Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản do Bộ Xây dựng soạn thảo, Thành phố đã khẩn trương thực hiện việc xây dựng, hoàn thiện các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và khả thi. Hiện nay, Thành phố đang đôn đốc đẩy nhanh tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Nhà ở và Luật Kinh doanh bất động sản. Cụ thể:

Thành phố Hồ Chí Minh đang chuẩn bị các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố để triển khai Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai như sau:

3.1. Luật Nhà ở

- Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn *(theo điểm g khoản 2 Điều 85 của Luật Nhà ở về Ưu đãi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội để bán, cho thuê mua, cho thuê)*.

- Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về điều kiện để phát triển nhà ở theo dự án tại các khu vực không phải đô thị trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh *(theo khoản 4 Điều 5 của Luật Nhà ở về Yêu cầu chung về phát triển và quản lý, sử dụng nhà ở)*.

- Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về điều kiện đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân *(theo điểm c khoản 3 Điều 57 của Luật Nhà ở về Phát triển nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân để bán, cho thuê mua, cho thuê)*

- Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về việc hỗ trợ giải quyết bán, cho thuê mua, cho thuê nhà ở xã hội cho đối tượng hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn và hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu *(theo khoản 1 Điều 77 của Luật Nhà ở về Hình thức thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội)*

- Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ xây dựng, Bộ Tư pháp về tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư dự án phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội hoặc bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án nhà ở thương mại hoặc đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội *(theo khoản 3 Điều 83 của Luật Nhà ở về Đất để phát triển nhà ở xã hội)*

- Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về khung giá thuê nhà ở xã hội do cá nhân tự đầu tư xây dựng *(theo khoản 5 Điều 87 của Luật Nhà ở về Nhà ở xã hội do cá nhân tự đầu tư xây dựng)*

ở về Xác định giá bán, giá thuê mua, giá thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn)

- Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về khung giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp do bên cho thuê thỏa thuận với bên thuê *(theo Điều 99 của Luật Nhà ở về Giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp)*

- Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở tại địa phương để bảo đảm thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong hồ sơ nhà ở *(theo khoản 2 Điều 120 của Luật Nhà ở về Lưu trữ, bàn giao và quản lý hồ sơ nhà ở)*

- Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư (để áp dụng cho các trường hợp sau: “a) Thu kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư thuộc tài sản công trên địa bàn; b) Làm cơ sở để các bên tham khảo khi thỏa thuận giá dịch vụ quản lý vận hành đối với nhà ở không thuộc tài sản công hoặc trong trường hợp có tranh chấp về giá dịch vụ giữa đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư với chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; trường hợp không thỏa thuận được giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư thì áp dụng mức giá trong khung giá dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành”) *(theo điểm b khoản 7 Điều 151 của Luật Nhà ở về Giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư)*./.

3.2. Luật Kinh doanh bất động sản

Văn bản của Ủy ban nhân dân Thành phố gửi Bộ xây dựng, Bộ Tư pháp về quy định các khu vực chủ đầu tư dự án được chuyển nhượng quyền sử dụng đất *(theo khoản 6 Điều 31 của Luật kinh doanh bất động sản)*.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Công tác chuẩn bị của thành phố Đà Nẵng để triển khai thi hành Nghị quyết thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Đà Nẵng

- Ủy ban nhân dân Thành phố Đà Nẵng-

Ngày 26 tháng 6 năm 2024, tại Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XVI đã thông qua Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (sau đây gọi là Nghị quyết số 136). Đây là thành quả của cả một quá trình Thành phố Đà Nẵng phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ, ngành Trung ương nghiên cứu, đề xuất Chính phủ trình Quốc hội. Nghị quyết này sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 và sẽ tạo động lực quan trọng giúp thành phố phát triển trong thời gian tới.

Trong quá trình nghiên cứu, đề xuất ban hành Nghị quyết, Thành phố Đà Nẵng cũng đã tính toán rất kỹ về thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết này. Ban đầu, Thành phố đề xuất xin Quốc hội cho phép áp dụng Nghị quyết ngay từ thời điểm 01 tháng 7 năm 2024 để Thành phố sớm triển khai thực hiện, kịp thời tận dụng những thời cơ hiện hữu. Khi thảo luận tại các bộ, ngành và tại Quốc hội, nhiều ý kiến cho rằng có thể nghiên cứu đề xuất áp dụng ngay một số cơ chế, chính sách có thể trực tiếp triển khai, còn một số nội dung khác thì có thể lùi thời điểm có hiệu lực. Tuy nhiên, sau khi đánh giá kỹ lưỡng, Thành phố nhận thấy để triển khai Nghị quyết này một cách đồng bộ, có hiệu quả thì cần phải có sự chuẩn bị chu đáo mọi nguồn lực cần thiết. Chính vì vậy, Thành phố đã đề xuất thời điểm có hiệu lực của Nghị quyết là từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 để có thời gian chuẩn bị các nội dung cần thiết để triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả.

Hiện nay, thành phố Đà Nẵng đã thực hiện nhiều nội dung để chuẩn bị triển khai thi hành Nghị quyết số 136, cụ thể:

Về phía Đảng bộ thành phố: ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quốc hội ban hành Nghị quyết số 136, Ban Thường vụ Thành ủy đã chỉ đạo các cơ quan giúp việc triển khai xây dựng Kế hoạch của Thành ủy về triển khai Kết luận số 79-KL/TW của Bộ Chính trị nhằm triển khai đồng bộ, hiệu quả các nội dung của Kết luận này và Nghị quyết số 136.

Ngày 22/7/2024, Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Chỉ thị số 44-CT/TU về lãnh đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính

quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng để chỉ đạo các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm nhằm triển khai có hiệu quả Kết luận số 79-KL/TW và Nghị quyết số 136.

Về phía chính quyền thành phố: UBND thành phố đã chủ động thực hiện các nội dung cụ thể nhằm chuẩn bị triển khai thi hành Nghị quyết số 136, thể hiện cụ thể như sau:

1. Về việc ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 136: ngay từ thời điểm các cơ quan của Quốc hội đang rà soát, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết trước khi thông qua, UBND thành phố đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ban, ngành xây dựng Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 136. Hiện nay, Kế hoạch này đã được lấy ý kiến của các sở, ngành và đã trình UBND để xem xét ký ban hành.

Theo Kế hoạch, UBND thành phố đã đề ra các yêu cầu cụ thể về các nhiệm vụ, giải pháp, tiến độ thực hiện và giao trách nhiệm chi tiết cho các sở, ban, ngành và UBND các quận, huyện trên địa bàn thành phố; phối hợp các Bộ, ngành Trung ương, các Ban thuộc HĐND thành phố và các đơn vị có liên quan để kịp thời trình cấp thẩm quyền (Chính phủ, HĐND thành phố) ban hành đầy đủ các văn bản để triển khai thực hiện và áp dụng vào thực tiễn ngay sau khi Nghị quyết số 136 có hiệu lực, trong đó:

- Phối hợp, đề xuất các Bộ, ngành Trung ương đề xuất:
 - + Chính phủ ban hành 01 Nghị định và 03 văn bản theo thẩm quyền;
 - + Thủ tướng Chính phủ ban hành 06 Quyết định theo thẩm quyền;
 - + Ban hành 02 văn bản hướng dẫn thực hiện theo thẩm quyền;
- Đề xuất HĐND thành phố ban hành 29 Nghị quyết trong năm 2024 để triển khai Nghị quyết số 136.

Trong quá trình triển khai, Thành phố sẽ tiếp tục phối hợp các cơ quan, đơn vị có liên quan tiếp tục nghiên cứu, rà soát và đề xuất bổ sung (nếu có) để đảm bảo cụ thể hóa đầy đủ các văn bản của các cấp có thẩm quyền trong việc triển khai hiệu quả, kịp thời Nghị quyết số 136.

2. Thành phố đang khẩn trương phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ ngành Trung ương tham mưu Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 79-KL/LW; tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định triển khai Nghị quyết 136, thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Nghị quyết 136 và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của Ban Chỉ đạo.

3. Thành phố đang chủ động phối hợp với Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết số 136 về nội dung tổ chức chính quyền đô thị (thay thế Nghị định số 34/2021/NĐ-CP).

Đồng thời, UBND thành phố cũng đã giao nhiệm vụ cho các sở, ngành chủ động nghiên cứu, tham mưu triển khai một số nội dung liên quan đến tổ chức chính quyền đô thị, cụ thể:

- Tiến hành rà soát các văn bản của HĐND hành phố, UBND thành phố, các quận, phường để triển khai các quy định theo Nghị quyết 136 và quy định của Chính phủ; rà soát ban hành các quy định về quy chế làm việc của UBND thành phố, trong đó bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố; hướng dẫn thực hiện quy định về cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của UBND, Chủ tịch UBND quận, phường; sửa đổi, bổ sung quy định về quy chế làm việc mẫu của UBND quận, phường, tổ chức bộ máy, chức năng nhiệm vụ, quản lý cán bộ, công chức, cơ chế quản lý tài chính ngân sách để thực hiện chính quyền đô thị,
- Thực hiện quy trình, thủ tục thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố.

Trong quá trình xây dựng Nghị quyết số 136, Thành phố đã chủ động thành lập Đoàn công tác tổ chức học tập kinh nghiệm tại thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, Sở Nội vụ đã chủ trì xây dựng Đề án và tổ chức lấy ý kiến của các sở, ngành để hoàn thiện. Hiện nay, UBND thành phố đang xin ý kiến của một số bộ, ngành Trung ương để tiếp tục hoàn thiện trước khi trình HĐND thành phố xem xét, quyết định để bảo đảm thực hiện theo đúng tiến độ đã đề ra.

- Nghiên cứu đề tham mưu trình HĐND thành phố quyết định số lượng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã; hướng dẫn quy trình chuyển cán bộ phường và cán bộ, công chức xã thành cán bộ, công chức cấp huyện làm việc tại phường, xã theo Nghị quyết; ban hành quy định về bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã và phân cấp quản lý cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã.

4. Thành phố đang thực hiện rà soát, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh Quy hoạch thành phố Đà Nẵng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1287/QĐ-TTg ngày 02/11/2023 để tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội phù hợp để bảo đảm phát triển nhanh, bền vững các ngành, lĩnh vực; bảo đảm tính kết nối, liên kết vùng, xác định thành phố Đà Nẵng là đô thị hạt nhân.

5. Thành phố sẽ phối hợp với Bộ Tư pháp tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 136. Trên cơ sở đó, UBND thành phố giao

Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu UBND thành phố trình Thường trực HĐND thành phố ban hành Danh mục Nghị quyết của HĐND thành phố quy định chi tiết Nghị quyết số 136; trình Chủ tịch UBND thành phố ban hành Danh mục Quyết định của UBND thành phố quy định chi tiết Nghị quyết số 136.

6. UBND thành phố đang xây dựng đề trình HĐND thành phố ban hành Nghị quyết về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 136, dự kiến trình HĐND thành phố thông qua tại kỳ họp giữa năm 2024.

7. UBND thành phố đã giao các sở, ban, ngành chủ động rà soát, nghiên cứu xây dựng, ban hành các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền được quy định tại Nghị quyết số 136. Hiện nay, các sở, ban, ngành đang thực hiện quy trình rà soát để đề xuất xây dựng các văn bản quy định chi tiết các nội dung được giao. Dự kiến, các nội dung này sẽ được ban hành kịp thời để triển khai thực hiện khi Nghị quyết số 136 chính thức có hiệu lực.

8. Thành phố đang nghiên cứu, xây dựng Đề án Khu Thương mại tự do Đà Nẵng, trình Thủ tướng Chính phủ thành lập Khu Thương mại tự do Đà Nẵng; phối hợp với các cơ quan Trung ương xây dựng và hoàn thiện Đề án xây dựng trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam (trong đó có thành phố Đà Nẵng).

Đối với Khu Thương mại tự do, ngay từ khi Nghị quyết số 136 chưa được Quốc hội thông qua, Thành phố đã chủ động tổ chức khảo sát thực địa để lựa chọn địa điểm thích hợp hình thành Khu Thương mại tự do. Theo đó, thành phố đã khảo sát và đề xuất 4 vị trí thành lập Khu Thương mại tự do gần với cảng biển Liên Chiểu, trong đó có vị trí đề xuất lấn biển tại vịnh Đà Nẵng.

9. Thành phố đang xem xét ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; khai thác có hiệu quả các khu công nghệ thông tin tập trung, khu công viên phần mềm để thúc đẩy phát triển lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, Internet vạn vật, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và vi mạch bán dẫn. Triển khai hiệu quả chuyển đổi số để phát triển các ngành, lĩnh vực sản xuất mới, y tế, giáo dục.

10. Ngoài ra, UBND thành phố cũng đã giao các sở, ngành chủ động tham mưu thực hiện một số nội dung như:

- Cân đối ngân sách, xem xét quyết định về nguồn cải cách tiền lương để tham mưu trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết về chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Đồng thời, ban hành Quy định về đánh giá kết quả làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức, làm cơ sở triển khai chi thu nhập tăng thêm theo kết quả làm việc.

- Trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 107/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND thành phố ban hành Quy định chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao khu vực công thành phố Đà Nẵng, trong đó có quy định mức thu nhập cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng của thành phố.

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định pháp luật để tháo gỡ vướng mắc, bất cập khi thực hiện mô hình chính quyền đô thị. Nâng cao chất lượng chính quyền điện tử, xây dựng chính quyền số, nền kinh tế số, xã hội số, đô thị thông minh.

Trên đây là một số nội dung về công tác chuẩn bị của Thành phố Đà Nẵng để triển khai thi hành Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng./.

BÁO CÁO THAM LUẬN

Công tác chuẩn bị của Tỉnh Nghệ An để triển khai thi hành Nghị quyết của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tỉnh Nghệ An

- Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An-

1. Quá trình chuẩn bị trình Quốc hội ban hành Nghị quyết

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 18/7/2023 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Nghị quyết số 39-NQ/TW), được sự quan tâm, hỗ trợ của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh Nghệ An đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tích cực phối hợp để hoàn thiện hồ sơ, trình Quốc hội thông qua, ban hành tại Kỳ họp thứ 7 Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An. Đây là nội dung quan trọng tại Nghị quyết số 162/NQ-CP của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị (*được triển khai sớm hơn 5 tháng so với tiến độ dự kiến tại Nghị quyết số 162/NQ-CP của Chính phủ*).

2. Nội dung chính của Nghị quyết số 137/2024/QH15

Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An có 08 Điều, trong đó được phân thành 4 nhóm lĩnh vực với 14 chính sách cụ thể quy định bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước (04 chính sách); quản lý đầu tư (06 chính sách); quản lý đô thị, tài nguyên (02 chính sách); tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương (02 chính sách).

Nghị quyết số 137/2024/QH15 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An là nội dung quan trọng để cụ thể hóa và góp phần giúp tỉnh Nghệ An thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở các quan điểm chỉ đạo sau:

a) Các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An bảo đảm tuân thủ quy định của Hiến pháp năm 2013; bám sát mục tiêu, định hướng phát triển tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đảm bảo tính hợp

hiển, hợp pháp và tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; đồng thời, phải phù hợp với các thông lệ quốc tế và đảm bảo tính khả thi.

b) Các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An dựa trên cơ sở lý luận, thực tiễn, khoa học, pháp lý đầy đủ và tình hình thực tế của tỉnh nhằm thu hút, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế cho phát triển, nhất là phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội và những vùng, ngành, lĩnh vực kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, có tiềm năng, lợi thế, thực sự tạo đột phá cho phát triển của tỉnh.

c) Các cơ chế, chính sách đặc thù được đề xuất để phát triển tỉnh Nghệ An thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội khác với các quy định của pháp luật hiện hành hoặc chưa được quy định cụ thể trong các quy định pháp luật hiện hành; bảo đảm tính tương đồng với các tỉnh, thành phố trong cả nước đã có Nghị quyết riêng của Bộ Chính trị, Quốc hội.

d) Tăng cường phân cấp, phân quyền, tăng tính tự chủ, tăng trách nhiệm của chính quyền tỉnh Nghệ An, đồng thời đảm bảo nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân các cấp của tỉnh Nghệ An.

3. Công tác chuẩn bị của tỉnh Nghệ An để triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/2024/QH15 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An

Việc Quốc hội thông qua Nghị quyết bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An mới chỉ là điều kiện cần; trách nhiệm của Đảng bộ, Chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân tỉnh Nghệ An cùng với sự quan tâm, hỗ trợ của Chính phủ các bộ, ngành trung ương mới là điều kiện đủ để giúp tỉnh Nghệ An thực hiện thành công Nghị quyết của Quốc hội.

Để phát huy hiệu quả cao nhất Nghị quyết của Quốc hội, sớm đưa các cơ chế chính sách đi vào cuộc sống, tỉnh Nghệ An xác định công tác triển khai thực hiện là hết sức quan trọng, có tính chất quyết định. Trong đó, phần đầu từ nay đến cuối năm 2024, tỉnh Nghệ An sẽ hoàn thành toàn bộ nội dung chuẩn bị, bảo đảm các điều kiện để triển khai thực hiện Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngay sau khi có hiệu lực thi hành (ngày 01/01/2025). Hiện nay, tỉnh Nghệ An đã và đang tập trung vào một số nhiệm vụ sau đây:

Thứ nhất, Tập trung quán triệt sâu rộng nội dung Nghị quyết số 137/2024/QH15 đến các cấp, các ngành, toàn thể đảng viên và nhân dân trong tỉnh để tạo sự đồng thuận, thống nhất ý chí trong việc triển khai thực hiện; đồng thời chủ động chuẩn bị tốt các điều kiện theo ngành, lĩnh vực phụ trách để triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù đã được ban hành.

Thứ hai, ngay trong tháng 7 năm 2024, tỉnh Nghệ An sẽ xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch hành động chi tiết với các giải pháp đồng bộ, trong

đó giao nhiệm vụ cho các ngành, các cấp để triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đặc thù với lộ trình cụ thể. Đặc biệt, mỗi cơ chế, chính sách, tỉnh sẽ có kế hoạch cụ thể và giải pháp riêng phù hợp để phát huy hiệu quả cao nhất. Ví dụ như đối với chính sách về huy động nguồn lực trong nhóm tài chính ngân sách, tỉnh sẽ rà soát, xác định cụ thể danh mục các dự án đầu tư bảo đảm có trọng tâm, trọng điểm. Với quan điểm là tận dụng được về mặt chính sách nhưng cũng phát huy được hiệu quả đầu tư cao nhất để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Căn cứ nội dung Nghị quyết, UBND tỉnh Nghệ An sẽ tập trung chỉ đạo đề trình Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành các Nghị quyết sau để triển khai thực hiện (theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7), bao gồm:

- (1) Nghị quyết về danh mục, mức, tỷ lệ phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh;
- (2) Nghị quyết ban hành danh mục các dự án trọng điểm trên địa bàn Tỉnh và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn miền Tây Nghệ An;
- (3) Nghị quyết ban hành danh mục, quy mô dự án được áp dụng đầu tư theo phương thức đối tác công tư đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực thể thao, văn hóa;
- (4) Nghị quyết ban hành danh mục các dự án đầu tư công thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công;
- (5) Nghị quyết quy định về lĩnh vực phụ trách của các ban trực thuộc Hội đồng nhân dân thành phố Vinh.

Thứ ba, tỉnh Nghệ An sẽ phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành Trung ương để trình Chính phủ ban hành ngay các văn bản hướng dẫn làm cơ sở triển khai thực hiện. Đồng thời, tiếp tục phối hợp với các Bộ, ngành trung ương và các địa phương khác trong cả nước trong suốt quá trình triển khai thực hiện.

Trong đó, UBND tỉnh Nghệ An sẽ tập trung xây dựng đề xuất các dự thảo Nghị định của Chính phủ nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết của Quốc hội để trình các Bộ, ngành trung ương, bao gồm:

- (1) Nghị định của Chính phủ quy định lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT (theo điểm e, khoản 4 Điều 4): Dự kiến cuối tháng 09 năm 2024 sẽ trình các Bộ, ngành trung ương.
- (2) Nghị định của Chính phủ thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền tỉnh Nghệ An (theo điểm b khoản 1 Điều 7; tương tự Nghị định số 84/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh);

(3) Nghị định về cơ chế, chính sách phát triển tỉnh Nghệ An, trong đó UBND tỉnh Nghệ An dự kiến đề xuất các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Chính phủ nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển tỉnh Nghệ An các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Chính phủ (theo điểm c khoản 1 Điều 7);

4. Một số kiến nghị, đề xuất

Để triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 137/2024/QH15 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An, trong thời gian tới UBND tỉnh Nghệ An mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Chính phủ, các Bộ, ngành trung ương trong quá trình triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách.

Trước mắt, trong năm 2024, UBND tỉnh Nghệ An kính đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, cơ quan liên quan xây dựng và trình ban hành 03 Nghị định sau:

(1) Nghị định của Chính phủ quy định lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT;

(2) Nghị định của Chính phủ thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền tỉnh Nghệ An;

(3) Nghị định về cơ chế, chính sách phát triển tỉnh Nghệ An, trong đó UBND tỉnh Nghệ An dự kiến đề xuất các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Chính phủ nhằm điều chỉnh, bổ sung các quy định phù hợp giải quyết những bất cập phát sinh trong thực tiễn quản lý, phát triển tỉnh Nghệ An các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Trên đây là nội dung báo cáo công tác chuẩn bị của tỉnh Nghệ An để triển khai thi hành Nghị quyết số 137/2024/QH15 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An./.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 717/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo
văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết
được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 7****THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

Điều 2.

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết có trách nhiệm:

a) Trực tiếp phụ trách, chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về chất lượng, tiến độ xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết theo Quyết định này;

b) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện; kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị và người đứng đầu được phân công chủ trì soạn thảo, trình văn bản để xảy ra tình trạng chậm ban hành hoặc ban hành văn bản không đảm bảo chất lượng;

c) Chủ động phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan kịp thời giải quyết hoặc báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ phụ trách lĩnh vực về khó khăn, vướng mắc trong quá trình soạn thảo và đề xuất biện pháp xử lý.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ được giao phối hợp soạn thảo văn bản quy định chi tiết có trách nhiệm chủ động phối hợp với cơ quan chủ trì soạn thảo trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng, Bộ Công an, Bộ Tài chính chủ trì soạn thảo các văn bản quy định chi tiết Luật Đất đai, Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Nhà ở đảm bảo chất lượng và có hiệu lực đồng thời với Luật từ ngày 01 tháng 8 năm 2024 (Danh mục văn bản ban hành kèm theo Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Quyết định số 19/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2024 ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp 6).

4. Bộ Tài chính chủ động phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong quá trình xây dựng Nghị định về thu phí sử dụng đường cao tốc để quy định chi tiết nội dung được giao tại khoản 3 Điều 50 và khoản 1 Điều 84 Luật Đường bộ.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo để quy định chi tiết khoản 7 Điều 62 Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ.

6. Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị các nội dung liên quan đến thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ để phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc soạn thảo Nghị định quy định chi tiết khoản 4 Điều 23 Luật Thủ đô về thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ.

7. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội có trách nhiệm nghiên cứu, chuẩn bị các nội dung liên quan đến việc xác định các dự án thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao trên địa bàn Thành phố và quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao để phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc soạn thảo Nghị định quy định chi tiết khoản 1 Điều 39 Luật Thủ đô về thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao.

8. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành rà soát các văn bản để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, ban hành mới các văn bản theo thẩm quyền hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ban

hành, bảo đảm sự phù hợp và kịp thời triển khai thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7.

9. Cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn đối với các văn bản được xác định cụ thể tại Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 7, nhưng phải bảo đảm lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản.

10. Định kỳ ngày 25 hằng tháng, cơ quan chủ trì soạn thảo cập nhật thông tin về tình hình, tiến độ soạn thảo văn bản quy định chi tiết và gửi Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ tại phiên họp thường kỳ.

11. Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc ban hành văn bản quy định chi tiết của các bộ, cơ quan ngang bộ; báo cáo, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, xử lý trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ để xảy ra tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản; cử cán bộ, công chức tham gia soạn thảo, chỉnh lý và đẩy nhanh tiến độ thẩm định, trình dự thảo văn bản quy định chi tiết bảo đảm tiến độ, chất lượng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND tỉnh, thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý, Thư ký TTg và các PTTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục KSTT;
- Lưu: VT, PL (2).

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

(Đã ký)

Lê Thành Long

Phụ lục**DANH MỤC VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ SOẠN THẢO VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 7***(Kèm theo Quyết định số 717/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)*

TT	Tên luật, ngày có hiệu lực	Tên văn bản quy định chi tiết	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời hạn trình/ban hành	Ghi chú
1.	Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng (Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)	1. Nghị định quy định về tổ chức hoạt động của Ủy ban nhân dân quận và chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; tổ chức hoạt động của Ủy ban nhân dân phường và chế độ trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường; bầu cử, tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận và cán bộ, công chức làm việc tại phường, xã; lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách quận, phường trên địa bàn thành phố Đà Nẵng (Điểm c khoản 1 Điều 16)	Bộ Nội vụ	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Đà Nẵng và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		2. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thí điểm phân cấp và trình tự, thủ tục phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng khu chức năng, điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung đô thị thành phố Đà Nẵng (Khoản 1 Điều 11)	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Đà Nẵng và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
2.	Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An	3. Nghị định quy định về lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý, phương thức thanh toán, quyết toán thực hiện dự án đầu tư áp dụng loại hợp đồng BT trên địa bàn tỉnh Nghệ An (Điểm e khoản 4 Điều 4)	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND tỉnh Nghệ An và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	

	(Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)					
3.	Luật Đường bộ (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, trừ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 42, Điều 43, Điều 50, khoản 1 Điều 84 có hiệu lực từ ngày 01/10/2024)	4. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ (Khoản 6 Điều 5, khoản 3 Điều 6, khoản 6 Điều 8, khoản 4 Điều 11, khoản 7 Điều 14, khoản 4 Điều 15, khoản 9 Điều 17, khoản 6 Điều 18, khoản 7 Điều 19, khoản 5 Điều 20, khoản 5 Điều 21, khoản 7 Điều 25, khoản 7 Điều 29, điểm c khoản 3 Điều 30, khoản 9 Điều 37, khoản 3 Điều 40, khoản 5 Điều 48, khoản 5 Điều 49, khoản 5 Điều 52, khoản 2 Điều 86 Luật Đường bộ và khoản 4 Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ)	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		5. Nghị định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ (Khoản 4 Điều 43)	Bộ Giao thông vận tải	Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/8/2024	Xây dựng theo trình tự thủ tục, rút gọn
		6. Nghị định về thu phí sử dụng đường cao tốc (Khoản 3 Điều 50, khoản 1 Điều 84)	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/8/2024	Xây dựng theo trình tự thủ tục, rút gọn
		7. Nghị định quy định về hoạt động vận tải đường bộ (Khoản 14 Điều 56)	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		8. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường cao tốc (Khoản 3 Điều 10)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/11/2024	
		9. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông trên đường bộ (Khoản 5 Điều 26 Luật Đường bộ và	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/11/2024	

		khoản 4 Điều 12 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ)				
		10. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ (Khoản 5 Điều 30, khoản 7 Điều 32, khoản 8 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 5 Điều 39)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/11/2024	
		11. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ (Khoản 3 Điều 38)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/11/2024	
		12. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe, trạm dừng nghỉ, công trình kiểm soát tải trọng xe (Điểm c khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 4 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 52)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/11/2024	
		13. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động trạm thu phí đường bộ (Khoản 5 Điều 39)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/09/2024	
		14. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (bao gồm quy định về hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe) (Khoản 5 Điều 39, khoản 3 Điều 57, khoản 4 Điều 61)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/11/2024	
		15. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đầu tư, xây dựng trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc (Khoản 5 Điều 52)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/11/2024	
4.	Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 trừ quy định khoản 3 Điều 10 có hiệu lực từ ngày	16. Nghị định quy định quản lý, sử dụng kinh phí từ thu xử phạt vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và đấu giá biển số xe (Khoản 1 Điều 4)	Bộ Công an	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		17. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Khoản 3 Điều 7, khoản 6 Điều 27, khoản 5 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 46, điểm đ khoản 4 Điều 52, khoản 4 Điều 55, khoản 5 Điều 85)	Bộ Công an	Bộ Giao thông vận tải, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan	Trước ngày 15/10/2024	

01/01/2026			có liên quan		
	18.Nghị định quy định về đấu giá biển số xe (Khoản 7 Điều 37, khoản 3 Điều 38)	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	19.Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ (Khoản 6 Điều 58)	Bộ Công an	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	20.Nghị định quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe (Khoản 6 Điều 58, khoản 6 và khoản 7 Điều 60, khoản 6 Điều 61)	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	21.Nghị định quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới, niên hạn sử dụng đối với xe cơ giới (Khoản 4 Điều 40, khoản 1 Điều 43, điểm a khoản 1 Điều 46)	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	22.Nghị định quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm, vận chuyển hàng hoá nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm (Khoản 6 Điều 51)	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	23.Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp (Khoản 6 Điều 41)	Bộ Giao thông vận tải	Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	24.Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về chỉ huy, điều khiển giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	

	(Khoản 14 Điều 11, khoản 2 Điều 70, khoản 3 Điều 74)				
	25. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các đoàn trong nước và khách nước ngoài đến Việt Nam có bố trí xe Cảnh sát giao thông dẫn đường (Khoản 7 Điều 27)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật
	26. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng (Điểm i khoản 2 Điều 36, khoản 7 Điều 39)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	27. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về quy trình nghiệp vụ cấp, thu hồi đăng ký, biển số xe cơ giới, xe máy chuyên dùng (Khoản 7 Điều 39)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật
	28. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia biển số xe (Khoản 4 Điều 36)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	29. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng Công an nhân dân nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, cải tạo và tổ chức kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô, xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân (Khoản 8 Điều 41, khoản 6 Điều 42)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	30. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về đào tạo, sát hạch, cấp Giấy phép lái xe trong Công an nhân dân (Khoản 9 Điều 57, khoản 3 Điều 59, khoản 8 Điều 60, khoản 7 Điều 61, khoản 7 Điều 62, khoản 5 Điều 63)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	31. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về kiểm tra kiến thức pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ và phục hồi điểm trên giấy phép lái xe (Khoản 6 Điều 58)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	32. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình hoạt động tuần tra, kiểm soát và xử lý vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông (Khoản 7 Điều 65, khoản 2 Điều 70, khoản 4 Điều 71)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	33. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác nghiệp vụ	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan	Trước ngày	Xác định

		tuần tra kiểm soát và xử lý vi phạm về trật tự, an toàn giao thông đường bộ của Cảnh sát giao thông (khoản 7 Điều 65)		có liên quan	15/10/2024	có độ mật
		34. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và sử dụng Hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ (Khoản 4 Điều 71)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		35. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe ô tô (Khoản 4 Điều 71)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		36. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống giám sát bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông đường bộ; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm chỉ huy giao thông (Khoản 4 Điều 71, khoản 5 Điều 75)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		37. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định Trung tâm chỉ huy giao thông (Khoản 5 Điều 75)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật
		38. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định quy trình điều tra, giải quyết tai nạn giao thông đường bộ của lực lượng Cảnh sát giao thông (Khoản 6 Điều 81, khoản 4 Điều 83)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		39. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về phân loại phương tiện giao thông đường bộ; dấu hiệu nhận biết xe cơ giới sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (Khoản 6 Điều 34)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		40. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở vật chất kỹ thuật và vị trí cơ sở đăng kiểm xe cơ giới; cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy; cơ sở bảo hành, bảo dưỡng xe cơ giới (Khoản 7 Điều 41, điểm e khoản 5 Điều 42)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		41. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ, thu hồi chứng chỉ đăng kiểm viên	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	

	(Khoản 7 Điều 41)				
	42. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại, tạm đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới của cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (Điểm a và điểm b khoản 5 Điều 42)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	43. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu, cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy (Điểm c, d và đ khoản 5 Điều 42)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	44. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ; xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ (Điểm g khoản 5 Điều 42, điểm d khoản Điều 49, khoản 9 Điều 52, khoản 7 Điều 53)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	45. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định yêu cầu kỹ thuật đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc đối tượng nghiên cứu phát triển có nhu cầu tham gia giao thông đường bộ (Điểm h khoản 5 Điều 42)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	46. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ (Khoản 13 Điều 11)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	47. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, tiêu thụ năng lượng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới, thiết bị an toàn cho trẻ em (Khoản 7 Điều 41, điểm e khoản 5 Điều 42, khoản 3 Điều 87)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	48. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	

	giới trong nhập khẩu (Khoản 7 Điều 41)				
	49. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng của xe cơ giới trong sản xuất, lắp ráp (Khoản 7 Điều 41)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	50. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng (Khoản 9 Điều 57, khoản 8 Điều 60, khoản 7 Điều 61, khoản 6 Điều 62, khoản 4 Điều 63)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	51. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ (Khoản 7 Điều 61)	Bộ Giao thông vận tải	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	52. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe đối với người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng; khám sức khỏe định kỳ đối với người hành nghề lái xe ô tô; xây dựng cơ sở dữ liệu về khám sức khỏe của người lái xe, người điều khiển xe máy chuyên dùng (Khoản 2 Điều 59)	Bộ Y tế	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	53. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định điều kiện, trình tự, thủ tục cấp đổi, cấp lại, thu hồi chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng cho người điều khiển máy kéo (Khoản 7 Điều 62)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	54. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đăng ký, quản lý, sử dụng xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong Bộ Quốc phòng (Khoản 4 Điều 36, khoản 8 Điều 39)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	55. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới, xe máy chuyên dùng trong Bộ Quốc phòng (Khoản 8 Điều 41, khoản 6 Điều 42)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
	56. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe quân sự; bồi dưỡng kiến thức pháp luật	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	

		về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng trong Bộ Quốc phòng (Khoản 9 Điều 57, khoản 3 Điều 59, khoản 8 Điều 60, khoản 7 Điều 61, khoản 7 Điều 62, khoản 5 Điều 63)				
		57. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về hoạt động kiểm soát quân sự, kiểm tra xe quân sự trên đường bộ (Khoản 8 Điều 65)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		58. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về trình tự, thủ tục chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu, lắp ráp phục vụ mục đích quốc phòng (Khoản 8 Điều 41)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		59. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về cải tạo xe cơ giới, xe máy chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (Khoản 8 Điều 41)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
5.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)	60. Nghị định quy định chính sách đối với lực lượng Cảnh vệ và công tác cảnh vệ (Khoản 2 Điều 1 (bổ sung khoản 3 Điều 6))	Bộ Công an	Bộ Tư Pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật
		61. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về các biện pháp cảnh vệ (Khoản 5 Điều 1 (bổ sung khoản 6 Điều 11a), khoản 7 Điều 1 (bổ sung khoản 4 Điều 12a), khoản 8 Điều 1 (sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 13), khoản 9 Điều 1 (bổ sung khoản 3 Điều 14))	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật
		62. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác huấn luyện nâng cao; huấn luyện đặc thù; huấn luyện, diễn tập phương án tác chiến; ra quân thực hiện nhiệm vụ của lực lượng Cảnh vệ (Điểm b khoản 12 Điều 1 (bổ sung khoản 3 Điều 18))	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật
		63. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu, việc quản lý, sử dụng, cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi, tiêu hủy Giấy bảo vệ đặc biệt (Khoản 14 Điều 1 (bổ sung khoản 3 Điều 20a))	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
6.	Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ	64. Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10, khoản	Bộ Công an	Bộ Quốc phòng, Bộ Công Thương, Bộ Tư pháp, Văn	Trước ngày 15/10/2024	

	hỗ trợ (sửa đổi) (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, trừ các quy định tại Điều 17, Điều 32, khoản 1 Điều 49 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025)	5 Điều 14, khoản 6 Điều 17, khoản 1 Điều 74)		phòng Chính phủ và các cơ quan liên quan		
		65. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ (Khoản 3 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 3 Điều 8, khoản 3 Điều 10, khoản 6 Điều 34, khoản 3 Điều 38)	Bộ Công Thương	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		66. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ (Khoản 2 Điều 12, khoản 1 Điều 13, điểm b khoản 3 Điều 14, điểm b khoản 4 Điều 15, khoản 3 Điều 18, điểm b khoản 1 Điều 20, điểm c khoản 1 Điều 21, khoản 2 Điều 24, điểm b khoản 1 Điều 25, điểm c khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 33, điểm b khoản 3 Điều 41, điểm c khoản 3 Điều 47, khoản 4 Điều 49, khoản 3 Điều 50, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 52, điểm b khoản 1 Điều 53, khoản 2 Điều 54, Điều 55, điểm b khoản 2 Điều 56, điểm b khoản 1 Điều 57, khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 66, khoản 2 Điều 70, khoản 4 Điều 71)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		67. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định biểu mẫu và trình tự cấp, cấp lại giấy phép về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ, thông báo xác nhận khai báo vũ khí thô sơ (Khoản 4 Điều 69)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		68. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (khoản 3 Điều 12, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14, khoản 6 Điều 15, khoản 2 Điều 18, khoản 2 Điều 20, khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 25, khoản 2 Điều 26, khoản 2 Điều 28, khoản 3 Điều 29, khoản 2 Điều 30, khoản 3 Điều 32, khoản 3 Điều 33, khoản 5 Điều 50, khoản 5 Điều 51, khoản 3 Điều 52, khoản 3 Điều 53, khoản 5	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật

		Điều 54, khoản 3 Điều 55, khoản 3 Điều 56, khoản 2 Điều 57, khoản 5 Điều 60, khoản 4 Điều 65, khoản 2 Điều 66)				
		69. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Danh mục vũ khí quân dụng và xây dựng, quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu về vũ khí, vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ, công cụ hỗ trợ đối với đối tượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (khoản 3 Điều 70, khoản 2 Điều 71)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật
		70. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý, huấn luyện và sử dụng động vật nghiệp vụ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng (khoản 4 Điều 49)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	Xác định có độ mật
		71. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về quản lý hoạt động vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng (Khoản 8 Điều 39, khoản 7 Điều 41, khoản 6 Điều 47)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		72. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công Thương (Khoản 5 Điều 34, khoản 5 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 2 Điều 37, điểm b khoản 2 Điều 38, khoản 5 Điều 39, điểm b khoản 4 Điều 40, khoản 6 Điều 40, khoản 3 Điều 42, khoản 5 Điều 44, khoản 4 Điều 45, khoản 2 Điều 46, khoản 4 điều 48, khoản 4 Điều 69, khoản 4 Điều 70, khoản 3 Điều 71)	Bộ Công Thương	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
7.	Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025)	73. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản (Khoản 19, khoản 28, khoản 38, khoản 41 Điều 1)	Bộ Tư pháp	Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		74. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản; chương trình, nội dung và tổ chức bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ của đấu giá viên (Khoản 36, khoản 44 Điều 1)	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/9/2024	

		75. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi phí đăng thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản, chi phí thông báo công khai việc đấu giá trên Cổng Đấu giá tài sản quốc gia, chi phí sử dụng Cổng Đấu giá tài sản quốc gia và các chi phí khác liên quan theo quy định của pháp luật (Khoản 44 Điều 1)	Bộ Tư pháp	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/9/2024	
8.	Luật Thủ đô (sửa đổi) (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025, trừ các quy định tại Điều 19, khoản 7 Điều 21, Điều 23, Điều 25, Điều 40 có hiệu lực từ ngày 01/7/2025)	76. Nghị định quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động của Ủy ban nhân dân phường của thành phố Hà Nội (Khoản 5 Điều 13)	Bộ Nội vụ	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		77. Nghị định quy định về quản lý, sử dụng không gian ngầm (Khoản 2 Điều 19)	Bộ Xây dựng	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	
		78. Nghị định quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục, chương trình giáo dục, việc cấp văn bằng, chứng chỉ thực hiện liên kết giáo dục, giảng dạy chương trình giáo dục tích hợp (khoản 3 Điều 22)	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		79. Nghị định quy định về thành lập hoặc tham gia thành lập doanh nghiệp, tham gia góp vốn vào doanh nghiệp để thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ (khoản 4 Điều 23)	Bộ Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	
		80. Nghị định quy định chi tiết về thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư trong lĩnh vực văn hóa, thể thao (khoản 1 Điều 39)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố	Trước ngày 15/10/2024	

				Hà Nội và các cơ quan có liên quan		
		81. Nghị định quy định chi tiết Luật Thủ đô về hợp đồng xây dựng - chuyển giao (Điều 40)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, UBND thành phố Hà Nội và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	
		82. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định quản lý, khai thác sử dụng tài sản công của Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia theo quy định của Luật Thủ đô (khoản 5 Điều 24, khoản 6 Điều 41)	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/10/2024	
		83. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định chi tiết trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết, phương thức và giá cho thuê tài sản công quy định tại điểm d khoản 2 Điều này và việc thực hiện quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này đối với đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý (Khoản 5 Điều 24)	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Các bộ, cơ quan có liên quan	Thực hiện theo Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thủ đô	
9.	Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025)	84. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp (Khoản 3 Điều 30, khoản 5 Điều 42, khoản 4 Điều 43, khoản 4 Điều 45, khoản 5 Điều 74)	Bộ Quốc phòng	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	
		85. Nghị định quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh (Điểm h khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 61, điểm c khoản 3 Điều 65, Điều 68, khoản 1 và khoản 2 Điều 69)	Bộ Quốc phòng	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật
		86. Nghị định quy định chi tiết một số chính sách đối với cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt và chế độ, chính sách đối với người lao động trong cơ sở công nghiệp quốc phòng nông cốt, cơ sở công nghiệp an ninh nông cốt (Điểm a,	Bộ Quốc phòng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính	Trước ngày 15/4/2025	

		b, c, e và g khoản 1, điểm a và điểm d khoản 2 Điều 61, khoản 1, khoản 2 và các điểm a, b và d khoản 3 Điều 65, khoản 5 Điều 66)		phủ và các cơ quan có liên quan		
		87. Nghị định quy định chi tiết một số điều về quản lý nguồn lực tài chính cho công nghiệp quốc phòng, an ninh và Quỹ công nghiệp quốc phòng, an ninh (Khoản 6 Điều 21, khoản 4 Điều 22, điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 61, điểm c khoản 2 Điều 61)	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật
		88. Nghị định quy định về quản lý, sử dụng ngân sách bảo đảm cho động viên công nghiệp; chế độ, chính sách đối với người lao động trực tiếp thực hiện nhiệm vụ động viên công nghiệp (Khoản 4 Điều 58, khoản 5 Điều 67)	Bộ Quốc phòng	Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật
		89. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí đối với chức danh chuyên gia, nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư trong lĩnh vực công nghiệp quốc phòng, an ninh (Khoản 4 Điều 66)	Bộ Quốc phòng	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	
		90. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí và ban hành danh mục nhóm sản phẩm vũ khí trang bị kỹ thuật có ý nghĩa chiến lược (Khoản 4 Điều 78)	Bộ Quốc phòng	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật
		91. Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về tiêu chí và ban hành danh mục nhóm sản phẩm phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ đặc biệt (Khoản 4 Điều 79)	Bộ Công an	Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật
		92. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về quản lý hoạt động sản xuất quốc phòng (Khoản 3 Điều 14, khoản 4 Điều 18)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật

		93. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an về quản lý hoạt động sản xuất an ninh (Khoản 3 Điều 14)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật
		94. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về khảo sát, lựa chọn, đăng ký, quản lý, theo dõi năng lực doanh nghiệp đủ điều kiện động viên công nghiệp; hoàn chỉnh, quản lý, duy trì năng lực dây chuyền động viên công nghiệp (Khoản 2 Điều 46, khoản 3 Điều 47, Điều 51, khoản 3 Điều 52, khoản 4 và khoản 5 Điều 54)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật
		95. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về xây dựng, thẩm định, phê duyệt kế hoạch động viên công nghiệp các cấp; thông báo quyết định động viên công nghiệp (Khoản 4 Điều 49, khoản 6 Điều 55)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 15/4/2025	Xác định có độ mật
		96. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc (Điểm m khoản 1, điểm e khoản 5 và khoản 7 Điều 2, điểm c khoản 12 Điều 3, khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 23, khoản 4 Điều 25, khoản 5 Điều 28, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 31, khoản 5 Điều 33, khoản 3 Điều 37, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 64, khoản 5 Điều 66, khoản 7 Điều 70, khoản 4 Điều 72, khoản 2 Điều 73, khoản 7 Điều 75, khoản 5 Điều 89, khoản 4 Điều 90, khoản 2 Điều 111, khoản 15 Điều 141)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/3/2025	
10. Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi) (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025)		97. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện (Khoản 7 Điều 2, khoản 3 Điều 7, khoản 7 Điều 23, khoản 4 Điều 25, khoản 5 Điều 28, khoản 1 và khoản 4 Điều 36, khoản 6 Điều 102, khoản 2 Điều 104, khoản 2 Điều 111)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/3/2025	
		98. Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về trợ cấp hưu trí xã hội (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP) (Khoản 1 và khoản 4 Điều 21, khoản 1 và khoản 4 Điều 22)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/3/2025	
		99. Nghị định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam (Khoản 2 Điều 16)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tư pháp, Văn phòng	Trước ngày 01/3/2025	

				Chính phủ và các cơ quan có liên quan		
		100. Nghị định quy định trình tự, thủ tục thành lập, chế độ làm việc, trách nhiệm, kinh phí hoạt động và bộ máy giúp việc của Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội (Khoản 4 Điều 19)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Hội đồng quản lý bảo hiểm xã hội và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/3/2025	
		101. Nghị định quy định về giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội và Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm (Khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 3 Điều 30)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		102. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm xã hội và quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội (Khoản 4 Điều 35, khoản 1 và khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 40, khoản 4 Điều 41, khoản 7 Điều 130, khoản 5 Điều 131)	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		103. Nghị định quy định về hoạt động đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội (Khoản 4 Điều 122, khoản 3 Điều 123, khoản 5 Điều 137)	Bộ Tài chính	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		104. Nghị định quy định cơ chế tài chính về bảo hiểm xã hội, chi tổ chức và hoạt động bảo hiểm xã hội (Khoản 5 Điều 120, khoản 1 Điều 137)	Bộ Tài chính	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính	Trước ngày 01/3/2025	

				phủ và các cơ quan có liên quan		
		105. Nghị định quy định về bảo hiểm hưu trí bổ sung (Khoản 3 Điều 127)	Bộ Tài chính	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/3/2025	
		106. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với đối với quân nhân, công an nhân dân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân (Khoản 2 Điều 16, khoản 4 Điều 25, khoản 4 Điều 26, khoản 5 Điều 28, khoản 3 Điều 30, điểm c khoản 1 và khoản 3 Điều 31, khoản 5 Điều 33, khoản 4 Điều 35, khoản 3 Điều 37, khoản 2 Điều 39, khoản 3 Điều 43, khoản 3 Điều 64, khoản 2 và khoản 5 Điều 66, khoản 7 Điều 70, khoản 4 Điều 72, khoản 5 Điều 89, khoản 5 Điều 120, khoản 7 Điều 130, khoản 5 Điều 131, khoản 7 và khoản 15 Điều 141)	Bộ Quốc phòng	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/3/2025	
		107. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc (Khoản 8 Điều 33, khoản 6 Điều 4, khoản 4 Điều 46, khoản 5 Điều 59, khoản 5 Điều 60, khoản 3 Điều 69, khoản 5 Điều 86, khoản 1 Điều 87)	Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		108. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện (Khoản 8 Điều 33, khoản 4 Điều 101)	Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		109. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết thi hành Luật Bảo hiểm xã hội thuộc lĩnh vực y tế (Khoản 2 Điều 10, khoản 4 Điều 47, khoản 9 Điều 61, khoản 1 Điều 83)	Bộ trưởng Bộ Y tế	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	

11.	Luật Lưu trữ (sửa đổi) (Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025)	110. Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ (Khoản 5 Điều 11, khoản 5 Điều 21, khoản 5 Điều 22, khoản 4 Điều 25, khoản 6 Điều 53)	Bộ Nội vụ	Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		111. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 34, khoản 7 Điều 36 (gồm các nội dung: thể thức, kỹ thuật trình bày khi chuyển đổi tài liệu lưu trữ số sang tài liệu lưu trữ giấy; thể thức, kỹ thuật trình bày và quy trình số hóa tài liệu lưu trữ; thu nộp, bảo quản, sử dụng tài liệu lưu trữ số và hủy tài liệu lưu trữ số hết giá trị)	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		112. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết khoản 2 Điều 13, khoản 6 Điều 16, khoản 3 Điều 19, khoản 5 Điều 23, khoản 6 Điều 39, khoản 7 Điều 56 (gồm các nội dung: quản lý tài liệu lưu trữ trong trường hợp cơ quan, tổ chức giải thể, phá sản hoặc tổ chức lại; trình tự, thủ tục hủy tài liệu lưu trữ; trình tự, thủ tục, việc thu nộp hồ sơ, tài liệu và sưu tầm tài liệu vào lưu trữ lịch sử; hình thức sử dụng tài liệu lưu trữ, bản sao tài liệu lưu trữ; trình tự, thủ tục công nhận, hủy bỏ tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt; việc kiểm tra nghiệp vụ lưu trữ; cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề lưu trữ)	Bộ Nội vụ	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		113. Thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu (Khoản 5 Điều 15)	Các bộ, cơ quan ngang bộ	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		114. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định về lưu trữ thuộc phạm vi quản lý; quy định nguyên tắc thu nộp, bảo quản, sử dụng và mang tài liệu lưu trữ ngành quốc phòng ra ngoài lưu trữ để sử dụng trong nước và nước ngoài; hủy tài liệu lưu trữ số của ngành quốc phòng (Khoản 4 Điều 24, khoản 5 Điều 36, điểm a khoản 3 Điều 59)	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		115. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành quy chuẩn về bảo mật, xác thực trong hoạt động nghiệp vụ lưu trữ của các cơ quan Đảng, Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về cơ yếu,	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	

		chữ ký số chuyên dùng công vụ (Khoản 6 Điều 36)				
		116. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác lưu trữ tài liệu hình thành phổ biến trong công an nhân dân (Khoản 5 Điều 15, khoản 4 Điều 24, điểm a khoản 3 Điều 59)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		117. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân (Khoản 5 Điều 15, khoản 4 Điều 24, điểm a khoản 3 Điều 59)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	Xác định có độ mật
		118. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công an quy định lưu trữ số tài liệu hình thành phổ biến trong Công an nhân dân (Khoản 5 Điều 36)	Bộ Công an	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		119. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ (Khoản 5 Điều 15, khoản 4 Điều 24, khoản 5 Điều 36, khoản 3 Điều 59)	Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		120. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành quy chuẩn kỹ thuật về an toàn thông tin mạng trong lưu trữ tài liệu điện tử (Khoản 4 Điều 58)	Bộ Thông tin và Truyền thông	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	
		121. Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ (Khoản 2 Điều 63)	Bộ Tài chính	Các bộ, cơ quan có liên quan	Trước ngày 01/5/2025	Bộ Nội vụ xây dựng đề án thu lệ phí gửi Bộ Tài chính trước ngày 31/12/2024

KẾT QUẢ RÀ SOÁT

DANH MỤC NỘI DUNG GIAO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP THỨ 7

TT	TÊN LUẬT, NGHỊ QUYẾT	TÊN ĐIỀU KHOẢN GIAO QĐCT	NỘI DUNG GIAO QUY ĐỊNH CHI TIẾT	CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO	GHI CHÚ
1.	Luật Đường bộ Luật có hiệu lực thi hành từ 01/01/2025 trừ các quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 42, Điều 43, Điều 50, khoản 1 Điều 84 có hiệu lực từ 01/10/2024	Điểm c khoản 4 Điều 8	Điều 8. Phân loại đường bộ theo cấp quản lý 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm quản lý các loại đường sau đây: b) Quy định việc quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn;	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
		Khoản 5 Điều 30	Điều 30. Kết nối giao thông đường bộ 5. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường quốc lộ đang khai thác; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trình tự, thủ tục chấp thuận thiết kế và trình tự, thủ tục cấp phép thi công nút giao đối với đường địa phương đang khai thác.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
		Khoản 4 Điều 57	Điều 57. Vận tải hành khách bằng xe ô tô 4. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào nguồn lực địa phương quyết định hỗ trợ lãi suất vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các dự án đầu tư phương tiện xe buýt, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ kinh phí hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt; hỗ trợ cho người sử dụng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thông qua chính sách miễn, giảm giá vé.	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	
		Khoản 1 Điều 84	Điều 84. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan 1. Sửa đổi, bổ sung điểm 1.1, bổ sung điểm 1.1a vào sau điểm 1.1, tiểu mục 1 thuộc phần V- Phí thuộc lĩnh vực giao thông vận tải trong Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2017/QH14, Luật số 23/2018/QH14, Luật số 72/2020/QH14, Luật	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	

			số 16/2023/QH15, Luật số 20/2023/QH15 và Luật số 24/2023/QH15 như sau:				
			1.1a	Phí sử dụng đường bộ cao tốc đối với phương tiện lưu thông trên đường bộ cao tốc thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và trực tiếp quản lý, khai thác	Hội đồng nhân dân cấp tỉnh đối với đường bộ cao tốc do địa phương quản lý		
2.	Luật Trật tự an toàn giao thông đường bộ Luật có hiệu lực thi hành từ 01/01/2025 trừ quy định khoản 3 Điều có hiệu lực từ ngày 01/01/2026	Khoản 6 Điều 35	Điều 35. Điều kiện phương tiện tham gia giao thông đường bộ 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.			Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
		Khoản 4, 5 Điều 44	Điều 44. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị 4. Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời phải được che phủ kín, không để rơi vãi trên đường phố và có thời gian hoạt động theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.			Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
		Khoản 2 Điều 48	Điều 48. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đối với xe bốn bánh có gắn động cơ vận chuyển hành khách, hàng hóa 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.			Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
		Khoản 2 Điều 47	Điều 47. Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn địa phương.			Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
	Luật Thủ đô (sửa đổi) Luật có	Khoản 2 Điều 7	Quy định điều kiện, thủ tục tặng, thu hồi danh hiệu công dân danh dự Thủ đô			Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	

hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025 Trừ trường hợp các quy định tại Điều 19, khoản 7 Điều 21, Điều 23, Điều 25, Điều 40 có hiệu lực từ 01/7/2025	Khoản 4 Điều 9	Quy định tiêu chí thành lập, tổ chức các Ban của HĐND quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
	Điểm d khoản 4 Điều 9	Quy định về việc thành lập, tổ chức lại, giải thể cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố trên cơ sở điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính hiện có, bảo đảm không chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác và mục tiêu cải cách hành chính nhà nước, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trường hợp thành lập thêm cơ quan, tổ chức thì phải bảo đảm tổng số cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc Thành phố không vượt quá 10% khung số lượng do Chính phủ quy định	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
	Khoản 3 Điều 10	Quy định trình tự, thủ tục thành lập mới đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
	Khoản 6 Điều 14	Quy định chi tiết phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền cho công chức thuộc UBND cấp xã được phân cấp, ủy quyền cho đơn vị sự nghiệp công lập, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
	Khoản 3 Điều 15, Điểm a khoản 1 Điều 35	Quy định chi thu nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc Thành phố quản lý được hưởng thu nhập tăng thêm căn cứ theo năng lực, hiệu quả công việc	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
	Khoản 4 Điều 15	Quy định nội dung: Người đứng đầu cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND thành phố Hà Nội, Chủ tịch UBND cấp huyện được ký hợp đồng có thời hạn với người đáp ứng các điều kiện chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhiệm một số vị trí việc làm thuộc nhóm nghiệp vụ chuyên ngành, nghiệp vụ chuyên môn dùng chung trong cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc UBND Thành phố, UBND cấp huyện; cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập được ngân sách nhà nước bảo đảm toàn bộ chi thường xuyên thuộc Thành phố quản lý được hưởng thu nhập tăng thêm căn cứ theo năng lực, hiệu quả	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	

			công việc		
		Khoản 1, 2 Điều 16	Quy định các chế độ, chính sách thu hút, trọng dụng người có tài năng và việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của Thủ đô	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 3 Điều 17	Quy định chi tiết trình tự, thủ tục điều chỉnh việc xác định phân vùng môi trường, điều chỉnh cục bộ quy hoạch	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 7 Điều 18	Quy định quy định chi tiết trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng các công trình ở bãi sông, bãi nổi	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 9 Điều 20	Quy định các nội dung về cải tạo, chỉnh trang đô thị gồm: - Quy định chi tiết các khoản 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 20; - Quy định trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ sở hữu trong việc kiểm định nhà, khu chung cư để thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị - Quyết định cơ chế hỗ trợ kiểm định, di dời, bồi thường, tái định cư, chuyển đổi nghề nghiệp, thực hiện dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị - Quy định các biện pháp khuyến khích thực hiện cải tạo, chỉnh trang đô thị.	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		khoản 7 Điều 21	Quy định chi tiết thẩm quyền thành lập; trình tự, thủ tục thành lập; việc tổ chức, hoạt động, biện pháp quản lý và chính sách ưu đãi được áp dụng đối với trung tâm công nghiệp văn hóa	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		khoản 8 Điều 21	Quy định chi tiết về khu phát triển thương mại và văn hóa; ban hành Quy chế mẫu của khu phát triển thương mại và văn hóa	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		điểm a khoản 4 Điều 22	Quy định: Cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao, cơ sở giáo dục công lập có nhiều cấp học, cơ sở giáo dục công lập thực hiện liên kết giáo dục với cơ sở giáo dục nước ngoài	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		khoản 6 Điều 23	1. Quy định chính sách trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học trọng điểm của Thành phố: - Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ được quyết định hình thức lựa chọn nhà thầu cung ứng dịch vụ, hàng hóa; - Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ được nhận hỗ trợ từ ngân sách	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	

			Thành phố để mua sắm, vận hành máy móc, thiết bị phục vụ thực hiện nhiệm vụ; - Thu nhập từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô là thu nhập không chịu thuế thu nhập cá nhân; - Doanh nghiệp được hưởng ưu đãi tương tự như doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao trong thời gian thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô. 2. Quy định chính sách đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ: - Nhiệm vụ khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Thành phố được giao theo phương thức tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định của HĐND Thành phố; - Tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố được áp dụng hình thức khoán kinh phí theo kết quả, sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ; - Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ, cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập được nhận chuyển giao không bồi hoàn tài sản, kết quả, sản phẩm hình thành từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách Thành phố khi đáp ứng đủ điều kiện về năng lực ứng dụng, phát triển kết quả, sản phẩm để phục vụ quản lý, phát triển kinh tế - xã hội Thủ đô; - Doanh nghiệp, tổ chức khoa học và công nghệ hoạt động trên địa bàn Thành phố được hỗ trợ một phần kinh phí từ ngân sách Thành phố để hình thành trung tâm nghiên cứu và phát triển, phòng thí nghiệm, nhận chuyển giao công nghệ thuộc các lĩnh vực khoa học và công nghệ trọng điểm của Thủ đô.		
		Điểm a khoản 4 Điều 24	- Quy định chi tiết trình tự, thủ tục thành lập, mở rộng khu công nghệ cao quy định tại điểm a khoản 1 Điều này - Quy định trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền của Ban quản lý khu công nghệ cao thành phố Hà Nội tại điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều 24	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm b khoản 4 Điều 24	Quy định cơ chế, chính sách, biện pháp ưu đãi, hỗ trợ để thu hút nguồn nhân lực công nghệ cao làm việc tại khu công nghệ cao và thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo tại khu công nghệ cao	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm c, d	Quy định các nội dung:	Hội đồng nhân dân thành phố	

		khoản 4 Điều 24	- Việc xác định mức thu, việc thu, nộp, sử dụng tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả của người sử dụng đất tại khu công nghệ cao Hòa Lạc; chính sách ưu đãi, hỗ trợ về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng hoàn trả đối với một số trường hợp cụ thể; - Việc xác định mức thu, việc thu, nộp, sử dụng tiền sử dụng hạ tầng, tiền xử lý nước thải và chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động trong phạm vi khu công nghệ cao Hòa Lạc	Hà Nội	
		khoản 9 Điều 25	Quy định chi tiết về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục cho phép, điều chỉnh, gia hạn và chấm dứt việc thử nghiệm có kiểm soát; cơ chế hướng dẫn, kiểm soát quá trình thử nghiệm; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thử nghiệm có kiểm soát	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm a khoản 2 Điều 28	Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xác định vùng phát thải thấp	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 5 Điều 29	Quy định chi tiết về phát triển nhà ở	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		khoản 5 Điều 31	- Quy định chi tiết việc quản lý, vận hành, khai thác đường sắt đô thị và khu vực TOD - Quy định phương pháp xác định mức thu, thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện việc thu tiền đối với các khoản thu quy định tại khoản 4 Điều này, bảo đảm không trùng thu với các loại thuế, phí khác	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 3 Điều 32	Quy định các nội dung sau đây: - Hình thức sử dụng, khai thác quỹ đất nông nghiệp ở bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đề để sản xuất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp kết hợp du lịch, giáo dục trải nghiệm bảo đảm nguyên tắc việc xây dựng trên đất nông nghiệp ở bãi sông, bãi nổi ở tuyến sông có đề phải phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đề, quy hoạch đề điều, quy hoạch xây dựng, quy hoạch khác có liên quan; - Điều kiện, trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng, loại công trình và tỷ lệ diện tích đất	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	

			nông nghiệp được sử dụng để xây dựng công trình trên đất nông nghiệp phục vụ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp, chế biến, bảo quản, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, cảnh quan du lịch, giáo dục trải nghiệm tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung.		
		Khoản 4 Điều 33	Quy định chi tiết trường hợp áp dụng, thẩm quyền áp dụng việc thực hiện biện pháp yêu cầu ngừng cung cấp dịch vụ điện, nước quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 6 Điều 37	Quy định chi tiết trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này; trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại khoản 5 Điều này	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm a khoản 4 Điều 41	Quy định nguyên tắc, điều kiện, nội dung, cơ chế tài chính, trình tự, thủ tục thực hiện việc nhượng quyền khai thác, quản lý công trình, hạng mục công trình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố; nguyên tắc, điều kiện, nội dung, cơ chế tài chính, trình tự, thủ tục lập, lấy ý kiến, quyết định đề án sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm b khoản 4 Điều 41	Quy định biện pháp bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình, hạng mục công trình thuộc phạm vi quản lý của Thành phố trong quá trình nhượng quyền khai thác, quản lý và kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 7 Điều 42	Quy định chi tiết danh mục ngành, nghề ưu tiên thu hút nhà đầu tư chiến lược của Thủ đô tại khoản 1 Điều 42, điều kiện nhà đầu tư chiến lược tại khoản 2 Điều 42	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm b khoản 4 Điều 43	Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn trong 05 năm đầu thành lập đối với dự án đầu tư vào cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập, các cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm d khoản 6 Điều 43	Quy định mức hỗ trợ lãi suất vay vốn trong 05 năm đầu đối với dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ xe ngầm, bãi đỗ xe cao tầng	Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 2	Quy định việc điều chỉnh cơ cấu công chức, viên chức và vị trí việc làm phù hợp với	Ủy ban nhân	

		Điều 10	cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý	dân thành phố Hà Nội	
		Điểm b khoản 10 Điều 20	Ban hành quy chế quản lý công trình kiến trúc có giá trị, trong đó quy định cụ thể về điều kiện, yêu cầu, biện pháp bảo tồn, cải tạo, quản lý, khai thác, sử dụng công trình kiến trúc có giá trị	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm a khoản 5 Điều 22	Các tiêu chí về cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy và dịch vụ giáo dục của cơ sở giáo dục chất lượng cao, cơ sở giáo dục có nhiều cấp học	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm b khoản 5 Điều 22	Quy định trình tự, thủ tục công nhận, thu hồi quyết định công nhận cơ sở giáo dục chất lượng cao; việc đánh giá, kiểm định, bảo đảm duy trì chất lượng của cơ sở giáo dục chất lượng cao	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm c khoản 5 Điều 22	Quy định việc điều chỉnh, bổ sung chương trình giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông đối với một số môn học, hoạt động giáo dục hỗ trợ tại cơ sở giáo dục công lập chất lượng cao để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội của Thủ đô theo hướng tiệm cận nền giáo dục của khu vực và quốc tế	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 1 Điều 23	Ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Thủ đô	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm a khoản 3 Điều 26	Quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chất lượng cao, hiện đại trong lĩnh vực y tế <i>thuộc phạm vi quản lý của Thành phố</i> để được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định tại Điều 43 của Luật này	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	
		Điểm c khoản 3 Điều 26	Quy định việc đăng ký cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình, quản lý hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh y học gia đình hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác có phạm vi hoạt động chuyên môn về y học gia đình trên địa bàn Thành phố	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	
		Khoản 3 Điều 35	Quy định chi tiết việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy trình, thủ tục áp dụng đối với kinh phí chi thường xuyên của pháp luật về ngân sách nhà nước để thực hiện các dự án nâng cấp, cải tạo, mở rộng, xây dựng mới các hạng mục trong các cơ sở, công trình, tài sản công đã có; thực hiện việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch	Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội	

			đô thị, quy hoạch xây dựng, quy chế quản lý kiến trúc thuộc trách nhiệm tổ chức lập của UBND Thành phố, UBND cấp huyện thuộc Thành phố		
		Khoản 4 Điều 35	Quy định chi tiết nội dung: Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Thành phố được sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để mua sắm, sửa chữa nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy trình, thủ tục áp dụng đối với kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	
		Điểm g khoản 6 Điều 42	Quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án	Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội	
3.	Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025	Khoản 3 Điều 5	Điều 5. Hội đồng nhân dân Thành phố 3. Hội đồng nhân dân Thành phố thành lập Sở An toàn thực phẩm là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Sở An toàn thực phẩm trên cơ sở chuyển chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm từ Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Công Thương sang Sở An toàn thực phẩm	Hội đồng nhân dân Thành phố	
		Điểm c khoản 3 Điều 7	Điều 7. Cơ cấu tổ chức, chế độ làm việc, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân quận 3. Ủy ban nhân dân quận có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: c) Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận phù hợp với tình hình thực tiễn của công tác quản lý nhà nước tại đô thị trên địa bàn Thành phố	Ủy ban nhân dân quận	
		Điểm b, d khoản 2 Điều 9	Điều 9. Về quản lý đầu tư 2. Việc thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) được quy định như sau: b) Tổng mức đầu tư đối với dự án PPP đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng chợ không thấp hơn 100 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư tối thiểu đối với dự án PPP trong lĩnh vực thể thao, văn hóa do Hội đồng nhân dân Thành phố quy định;	Hội đồng nhân dân Thành phố	

			đ) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định cụ thể các nội dung của dự án PPP trong lĩnh vực thể thao, văn hóa và đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng chợ tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hợp đồng dự án PPP.		
		Khoản 3 Điều 9	Điều 9. Về quản lý đầu tư 3. Đơn vị sự nghiệp công lập được giao quản lý và kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đã được đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công thì được Nhà nước giao đất, cho thuê đất và được cho thuê lại đất. Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cơ chế tài chính, thẩm quyền xác định và quyết định giá cho thuê, đối tượng cho thuê phù hợp với điều kiện thực tế của Thành phố.	Ủy ban nhân dân Thành phố	
		Điểm b khoản 7 Điều 10	Điều 10. Về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước 7. Việc thí điểm cơ chế tài chính thực hiện biện pháp giảm phát thải khí nhà kính theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon được quy định như sau: b) Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành trình tự, thủ tục và quyết định việc lựa chọn nhà đầu tư. Nguồn thu từ giao dịch tín chỉ các-bon là nguồn thu ngân sách Thành phố được hưởng 100%; các khoản thu này không dùng để xác định tỷ lệ phần trăm (%) đối với các khoản thu phân chia giữa ngân sách trung ương và ngân sách Thành phố;	Ủy ban nhân dân Thành phố; Hội đồng nhân dân Thành phố	
		Điểm d khoản 2 Điều 11	Điều 11. Về quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên, môi trường 2. Điều kiện cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với các công trình công cộng bao gồm nhà để xe, bãi để xe, nhà vệ sinh công cộng trên đất do Nhà nước quản lý được quy định như sau: d) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.	Hội đồng nhân dân Thành phố	
		Điểm đ khoản 5 Điều 11	Điều 11. Về quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên, môi trường 5. Việc thực hiện chuẩn bị thu hồi đất của một số dự án tại Thành phố được thực hiện như sau: đ) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định sử dụng ngân sách địa phương thực hiện các nội dung quy định tại điểm c khoản này và quy định trình tự, thủ tục thực	Hội đồng nhân dân Thành phố	

			hiện quy định tại khoản này.		
		Khoản 6 Điều 11	Điều 11. Về quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên, môi trường 6. ... Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn và điều kiện, định mức, đơn giá, giá đặt hàng liên quan đến khối lượng chất thải rắn sinh hoạt được đặt hàng và chịu trách nhiệm về bảo đảm công khai, minh bạch, hợp lý, hiệu quả, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.	Hội đồng nhân dân Thành phố	
		Điểm g khoản 4 Điều 12	Điều 12. Thu hút nhà đầu tư chiến lược 4. Trình tự, thủ tục đăng ký thực hiện dự án và lựa chọn nhà đầu tư chiến lược đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư được thực hiện như sau: g) Ủy ban nhân dân Thành phố quy định chi tiết về mẫu công bố thông tin dự án thu hút nhà đầu tư chiến lược bao gồm yêu cầu sơ bộ về năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; hồ sơ đăng ký thực hiện dự án.	Ủy ban nhân dân Thành phố	
		Điểm c Khoản 9 Điều 13	Điều 13. Thành lập Khu thương mại tự do Đà Nẵng 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố đối với Khu thương mại tự do Đà Nẵng được quy định như sau: c) Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, quy định trình tự, thủ tục thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng và giám sát việc thực hiện quy định này. Đối với những vấn đề bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo Chính phủ ban hành các quy định tại điểm a khoản này.	Ủy ban nhân dân Thành phố	
		Điểm d khoản 1 Điều 14	Điều 14. Đầu tư phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, thông tin và truyền thông, quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo 1. Việc hỗ trợ hoạt động đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố được quy định như sau: đ) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định các lĩnh vực ưu tiên; tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động trong lĩnh vực thiết kế, sản xuất, đóng gói,	Hội đồng nhân dân Thành phố	

			kiểm thử vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo của các đối tượng quy định tại các điểm a, b và c khoản này; trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản này.		
		Điểm d khoản 2 Điều 14	Điều 14. Đầu tư phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, thông tin và truyền thông, quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo d) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết về tiêu chí, điều kiện lựa chọn và trình tự, thủ tục đăng ký, thẩm định, cấp phép thực hiện thử nghiệm có kiểm soát.	Hội đồng nhân dân Thành phố	
		Điểm b, c, d khoản 6 Điều 14	Điều 14. Đầu tư phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, thông tin và truyền thông, quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo 6. Việc đầu tư, quản lý, khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ phục vụ khởi nghiệp sáng tạo được quy định như sau: b) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cho các tổ chức, cá nhân khởi nghiệp sáng tạo và các tổ chức, cá nhân hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo được thuê trực tiếp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ không thông qua đấu giá để hoạt động. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định đối tượng và tiêu chí được thuê trực tiếp tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ không thông qua đấu giá để hoạt động; c) Hội đồng nhân dân Thành phố quy định nội dung và mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, đối tượng được hỗ trợ, trình tự, thủ tục hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Thành phố cho các đối tượng sử dụng kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ; d) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định đầu tư, nâng cấp, mở rộng, phát triển và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ từ nguồn ngân sách Thành phố. Hội đồng nhân dân Thành phố quy định chi tiết về hình thức, trình tự, thủ tục giao tài sản và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ...	Hội đồng nhân dân Thành phố	
		Điểm a, b, c, d khoản 7 Điều 14	Điều 14. Đầu tư phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, thông tin và truyền thông, quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo 7. Cơ chế, chính sách phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo: a) Hội đồng nhân dân Thành phố được quyết định đầu tư, nâng cấp, mở rộng, phát triển và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thông tin từ nguồn ngân sách Thành phố phục vụ thu hút đầu tư, phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; quy định chi tiết	Hội đồng nhân dân Thành phố	

			về hình thức, trình tự, thủ tục giao tài sản, đơn vị tiếp nhận, khai thác tài sản, cơ chế quản lý, sử dụng tiền thu được từ khai thác tài sản và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thông tin; b) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định cho thuê trực tiếp tài sản kết cấu hạ tầng thông tin không thông qua đấu giá cho đối tác chiến lược thuộc lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; được phép thực hiện chỉ định thầu mua sắm các trang thiết bị đặc thù từ đối tác chiến lược thuộc lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; quy định chính sách ưu đãi, nội dung và mức hỗ trợ, đối tượng hỗ trợ, quy trình, thủ tục hỗ trợ sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thông tin để phục vụ phát triển lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; c) Hội đồng nhân dân Thành phố căn cứ khả năng cân đối ngân sách của Thành phố xem xét, quyết định việc hỗ trợ từ ngân sách Thành phố cho nhà đầu tư chiến lược, đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo không quá 5% tổng chi phí mua thiết bị hỗ trợ sản xuất, chi phí di chuyển tài sản, dây chuyền, thiết bị, công nghệ, chi phí đối với các dự án đầu tư mới; hỗ trợ một phần chi phí thuê nhân lực có trình độ chuyên môn cao làm việc tại các doanh nghiệp là đối tác chiến lược trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố; quy định trình tự, thủ tục thực hiện việc hỗ trợ; d) Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định các chương trình, dự án được ngân sách Thành phố hỗ trợ chi phí đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng học chuyên ngành vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; quy định tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng và chính sách hỗ trợ về chế độ đãi ngộ về thu nhập, chi phí lưu trú đối với các chuyên gia, nhà khoa học làm việc trong lĩnh vực vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo trên địa bàn Thành phố		
		Điểm b khoản 2 Điều 16	Điều 16. Tổ chức thực hiện 2. Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sau đây: b) Ban hành các quy định để thực hiện tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù theo quy định tại Nghị quyết này và hướng dẫn của Chính phủ; thực hiện phân cấp, ủy quyền cụ thể cho chính quyền địa phương ở	Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố	

			quận, phường phù hợp với tổ chức quản lý đô thị và khả năng thực tiễn của từng địa phương;		
4.	Nghị quyết số 137/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về bổ sung thí điểm một số cơ chế chính sách đặc thù phát triển tỉnh Nghệ An Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2025	Điểm b, d Khoản 3; Điểm c Khoản 4; Điểm d Khoản 5 Điều 4	Điều 4. Về quản lý đầu tư 3. Việc thực hiện dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) được quy định như sau: b) Quy mô tổng mức đầu tư tối thiểu của dự án PPP trong lĩnh vực y tế, giáo dục - đào tạo, thể thao, văn hóa do Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định. d) Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định cụ thể các nội dung của dự án PPP trong lĩnh vực thể thao, văn hóa tại báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hợp đồng dự án PPP. 4. Việc thực hiện hình thức hợp đồng theo phương thức xây dựng - chuyển giao (hợp đồng BT) được quy định như sau: c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT được thực hiện như quy định đối với dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư dự án BT được thực hiện sau khi thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt. Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quy định tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm, kỹ thuật, tài chính của nhà đầu tư thực hiện dự án BT; 5. Việc tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công được quy định như sau: d) Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành danh mục các dự án đầu tư công thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công quy định tại khoản này.	Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An	
		Điểm a, b Khoản 2 Điều 7	Điều 7. Tổ chức thực hiện 2. Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An có trách nhiệm sau đây: a) Ban hành danh mục, mức, tỷ lệ phí, lệ phí quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết này; ban hành danh mục các dự án quy định tại khoản 4 Điều 3 của Nghị quyết này; ban hành danh mục, quy mô dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết này; ban hành danh mục các dự án đầu tư công thực hiện tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng ra khỏi dự án đầu tư công quy định tại khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết này; quy định về lĩnh vực phụ trách của các	Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An	

			ban thuộc Hội đồng nhân dân Thành phố Vinh được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết này. b) Giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.		
5.	Các Luật: Luật Bảo hiểm xã hội (sửa đổi); Luật Lưu trữ (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu giá tài sản; Luật Công nghiệp phòng, an ninh và động viên công nghiệp; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cảnh vệ; Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15, Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15; Luật Tổ chức tòa án nhân dân (sửa đổi) <i>không có nội dung giao Chính quyền địa phương định chi tiết</i>				